

CHƯƠNG XXII

ĐẠI PHẨM (MAHĀNIPĀTA)

§538. CHUYỆN VƯƠNG TỬ QUÊ CÂM (*Mūgapakkhajātaka*)¹ (J. VI. 1)

Con ơi đừng lộ trí thông minh...

Chuyện này bậc Đạo sư kể tại Jetavana (Kỳ Viên) về đại sự xuất thế của Ngài.

Một ngày nọ, các Tỷ-kheo ngồi tại pháp đường tán thán công hạnh xuất gia cao cả của đức Thế Tôn. Khi đức Thế Tôn đến, hỏi các Tỷ-kheo đang ngồi bàn luận đề tài gì. Và khi được biết đề tài ấy, Ngài bảo:

– Không đâu, này các Tỷ-kheo, việc xuất thế của Ta ngày nay sau khi từ bỏ ngai vàng, không có gì kỳ diệu khi Ta đã thành tựu đầy đủ thập Ba-la-mật (mười hạnh viên mãn của Bồ-tát). Vì trước kia, ngay khi trí của Ta chưa thành tựu và Ta đang tinh tấn đạt đến các hạnh viên mãn, Ta cũng đã rời bỏ ngai vàng và xuất thế.

Rồi theo lời thỉnh cầu của các Tỷ-kheo, Ngài kể lại một câu chuyện quá khứ.

Ngày xưa, tại thành Ba-la-nại thuộc xứ Kāsi, có vị vua tên là Kāsi trị vì quốc độ rất đúng pháp. Ngài có mười sáu ngàn phi tần nhưng không bà nào có con cả. Quần thân họp lại bảo nhau như trong *Chuyện Đại đế Kusa*:²

– Chúa thượng không có con trai nối dõi.

Rồi họ xin nhà vua cầu tự như trong *Chuyện Đại đế Kusa*. Nhà vua ra lệnh cho mười sáu ngàn phi tần cầu tự nhưng dù họ thờ phượng cầu tự thần mặt trăng và nhiều thần linh khác, họ vẫn không có con.

Lúc bấy giờ, chánh cung Vương hậu Candā, con gái đức vua thuộc dòng họ Madda vốn chuyên tâm làm các việc thiện, vua bảo bà cũng phải cầu tự. Thế là vào một ngày rằm trăng tròn, bà thọ giới vào ngày trai giới (*Uposatha*) và trong khi nằm trên chiếc giường nhỏ suy ngẫm về cuộc đời đức hạnh của bà, bà thực hiện một lời cầu nguyện chân lý như sau: “Nếu ta chưa bao giờ phạm các giới luật thì hãy vì lòng thành của lời cầu nguyện này, xin ban cho ta một đứa con trai.”

¹ Xem Cp. 96, *Temiyapaṇḍitacariya* (Hạnh của vị Hiền trí Temiya).

² Xem J. V. 278, *Kusajātaka* (*Chuyện Đại đế Kusa*), số §531.

Vì uy lực của lòng thành này, cung thất của Thiên chủ Sakka (Đế-thích) nóng rực lên. Thiên chủ Sakka sau khi xem xét và xác định rõ nguyên cớ xong liền bảo:

– Vương hậu Candā đang cầu tự, ta sẽ cho bà thỏa nguyện.

Vì thế, trong khi Thiên chủ tìm một đứa con xứng đáng cho bà, chợt trông thấy Bò-tát. Lúc bấy giờ, Bò-tát sau khi trị vì hai mươi năm tại Ba-la-nại, đã tái sinh vào ngục Ussada và chịu đọa đầy trong tám vạn năm, rồi lại hóa sinh vào cõi trời Ba Mươi Ba. Sau khi kỳ hạn ở đó đã mãn, ngài mạng chung và ước mong lên các thiên giới cao hơn. Thiên chủ Sakka đến bảo ngài:

– Nay Hiền giả, nếu Hiền giả sinh vào thế giới loài người, Hiền giả sẽ thành tựu đầy đủ các hạnh Ba-la-mật và sẽ làm lợi lạc quần sinh. Hiện nay, Chánh hậu Candā đang cầu tự, xin hãy nhập mẫu thai của bà!

Ngài bằng lòng và được năm trăm vị thiên tử hộ tống, ngài nhập mẫu thai của chánh hậu, còn năm trăm vị thiên tử được cửu mang trong bào thai các phu nhân của các quan đại thần. Tử cung của chánh hậu như chứa đầy kim cương. Khi nhận thấy thế, bà liền tâu chuyện với vua. Vua ra lệnh chăm sóc thật chu đáo cho hài nhi sắp chào đời được mọi sự bình an và cuối cùng bà hạ sinh một hoàng nam đầy đủ mọi tướng tốt lành. Cùng ngày ấy, năm trăm hài nhi quý tộc ra đời trong dinh các quan. Vào lúc đó, nhà vua ngự trên bệ rồng, quần thần vây quanh thì có kẻ trình lên:

– Tâu Đại vương, một vương tử vừa ra đời.

Vua nghe vậy, tình phụ tử khởi lên xuyên suốt từ da thịt đến tận xương tủy, lòng ngài rộn rã niềm vui, ngài thấy như trẻ lại. Ngài hỏi quần thần:

– Các khanh có hoan hỷ khi nghe vương tử được sinh ra không?

Quần thần đều đáp:

– Sao Đại vương lại hỏi thế? Trước đây chúng thần thật bơ vơ, nay đã có nơi nương tựa, chúng thần đã có một vị chúa tể.

Vua ra lệnh cho vị tể tướng:

– Hãy chuẩn bị nhiều người hầu cận cho con ta, hãy xem số hài nhi công tử vừa ra đời hôm nay là bao nhiêu?

Vị này xem thấy đủ năm trăm liền trình lên. Vua ban năm trăm vương bào danh dự cùng năm trăm nhũ mẫu cho năm trăm vương tử ấy.

Ngài lại ban sáu mươi bốn nhũ mẫu cho Bò-tát, những người này không được có khuyết điểm nào như quá cao, quá gầy, v.v... ngực không xệ xuống và phải đầy sữa ngọt. Nếu một hài nhi bú sữa trong lòng một nhũ mẫu quá cao thì cổ hài nhi sẽ bị dài ra, nếu bú sữa trong lòng một nhũ mẫu quá thấp thì xương vai hài nhi sẽ bị co lại, nếu nhũ mẫu quá gầy thì đùi hài nhi sẽ bị đau nhức, nếu quá thô kệch thì hài nhi sẽ bị chân cong, cơ thể của một nhũ mẫu da đen sẽ quá lạnh, cơ thể của nhũ mẫu da trắng sẽ quá nóng, hài nhi nào bú sữa của một nhũ

mẫu ngực cao quá thì đầu mũi sẽ bị tet, một số nhũ mẫu lại có sữa chua, sữa đắng, v.v...

Vì vậy, để tránh những khuyết điểm trên, vua gởi đến sáu mươi bốn nhũ mẫu có sữa ngọt và không bị khuyết điểm nào. Và sau khi ngợi khen Bồ-tát với đủ lời tán tụng, ngài cũng ban cho vương hậu một điều ước. Bà thọ lãnh ân huệ đó và ghi nhớ trong lòng.

Đến ngày đặt tên cho hài nhi, triều thần ca ngợi các vị Bà-la-môn đã thấy được những điềm lành khác nhau cùng hỏi xem họ có thấy điềm trở ngại nào chẳng. Các Bà-la-môn chiêm ngưỡng vẻ đẹp tuyệt vời của thân tướng ngài, đồng nói:

– Tâu Hoàng thượng, thái tử có đầy đủ mọi tướng mạo của phúc phận mai sau, ngài sẽ có tài cai trị không những một châu mà cả bốn châu trong thiên hạ, ngoài ra không có điềm trở ngại nào khác.

Vua đầy hoan hỷ, đặt tên con là Temiya, vì ngày sinh ra vương tử trời mưa khắp cả vương quốc Kāsi và vương tử sinh ra đã bị ướt đầm.

Khi vương tử đầy tháng, ngài được chưng diện thật đẹp và đem vào yết kiến vua. Nhìn đứa con yêu, vua liền ôm vào lòng chơi đùa với con. Cùng lúc ấy, có bốn tên cướp được đưa đến trước mặt vua. Một trong bốn tên đó bị ngài xử phạt một ngàn roi quất gai nhọn, một tên khác phải bị gông cùm xiềng xích, một tên nữa phải bị đâm bằng giáo và tên cuối cùng bị đâm cọc xuyên suốt toàn thân. Bồ-tát nghe vua cha nói, kinh hãi nghĩ thầm: “Ôi, cha ta vì làm vua mà mang lấy những ác nghiệp khiến cho người phảiọa địa ngục.”

Ngày hôm sau, ngài được đặt nằm trên một chiếc giường lông lầy che lọng trắng. Khi ngài tỉnh dậy sau một giấc ngủ ngắn, mở mắt nhìn lên lọng trắng cùng vẻ nguy nga của hoàng cung, nỗi kinh hãi càng tăng lên, ngài tự hỏi: “Từ đâu ta lại đến cung này?” Và hồi tưởng lại các đời trước, ngài nhớ ra rằng xưa kia ngài đã đi từ thế giới chư thiên và đã chịu đọa đầy ở địa ngục, rồi ngài cũng đã làm vua trong chính kinh thành này.

Trong lúc ấy, ngài suy nghĩ: “Ta đã làm vua hai mươi năm, rồi chịu đọa đầy tám vạn năm ở ngục Ussada, bây giờ ta lại sinh vào ngôi nhà có trộm cướp này và cha ta khi thấy bốn tên cướp được đưa vào, đã thốt ra những lời ác độc khiến người phảiọa địa ngục. Nếu ta làm vua, ta cũng sẽ lại bị đọa vào địa ngục và chịu khổ hình.” Ngài vô cùng kinh hãi, thân thể vàng óng của ngài tái nhợt đi và héo úa như đóa sen bị giầy vò trong tay, ngài nằm suy nghĩ tìm cách thoát khỏi ngôi nhà đầy kẻ cướp này.

Lúc ấy, vị nữ thần trong chiếc lọng, ở một kiếp xa xưa nào đó đã là mẹ của ngài, hiện ra an ủi ngài:

– Nay con Temiya của ta, con đừng sợ hãi, nếu con thật sự muốn thoát khỏi đây, con cứ giả vờ què dù con không thực què, cứ giả vờ điếc dù con không

thực sự điếc, cứ giả vờ câm dù con không thực sự câm. Cứ khoác lên mình những dị tật đó, đừng lộ chút dấu hiệu thông minh nào cả!

Rồi bà ngâm vắn kệ thứ nhất:

1. Con ơi đừng lộ trí thông minh,
Cứ giả ngu dằn trước chúng sinh,
Hãy chịu khinh khi từ tất cả,
Cuối cùng con đạt đến quang minh.

Được lời an ủi của bà, ngài ngâm vắn kệ thứ hai:

2. Con sẽ làm theo ý nữ thần,
Những lời mẹ dạy quý vô ngần,
Mẹ hiền ước muốn con an lạc,
Mẹ chỉ mong con hưởng phước ân.

Vì thế, ngài thực hiện ngay ba ác tật trên. Vua muốn con trai khỏi buồn liền bảo đem năm trăm công tử đến bên ngài. Những hài nhi này bắt đầu khóc đòi bú, nhưng Bồ-tát vì sợ dọa địa ngục, nghĩ rằng thà chết khát còn hơn làm vua nên không khóc. Các nữ mẫu tâu chuyện đó với vương hậu và lại tâu lên vua, vua liền cho mời các Bà-la-môn giỏi tướng số đến hỏi ý. Họ đáp:

– Tâu Đại vương, xin ngài hãy cho vương tử bú sau thời hạn quy định, vương tử sẽ khóc rồi ngậm chặt vú để bú tùy thích.

Thế rồi họ cho vương tử bú sau một thời hạn quy định, có khi họ để thời hạn quy định quá một lần, có khi cả ngày họ không cho ngài bú sữa. Nhưng ngài sợ dọa địa ngục nên dù khát sữa cũng không khóc đòi bú. Thế rồi mẹ ngài cùng các nữ mẫu cứ cho ngài bú dù ngài không khóc, họ bảo:

– Hài nhi đói là rồi.

Các hài nhi khác khóc la khi chưa được bú nhưng ngài không khóc, không ngủ, cũng không co duỗi tay chân, cũng không tỏ ra nghe được tiếng động nào. Thế là các nữ mẫu suy nghĩ: “Tay chân người què không giống thế này, hình dáng quái hàm người câm không giống thế này, hình dáng tai kẻ điếc cũng không phải thế này, chắc phải có lý do gì đây, chúng ta phải xem kỹ ra sao!”

Vì vậy họ quyết định lấy sữa thử ngài, cả ngày họ không cho ngài bú, nhưng dù khát khô cổ họng, ngài vẫn không thốt một tiếng kêu đòi bú. Sau đó mẹ ngài nói:

– Con ta đói là rồi. Hãy cho nó bú!

Và bà bảo họ cho ngài bú. Như vậy, thỉnh thoảng họ cho ngài bú để thử ngài suốt cả năm trường nhưng vẫn không khám phá ra chỗ yếu của ngài. Rồi họ bảo nhau: “Trẻ con thường thích bánh kẹo và của ngon vật lạ, ta hãy đem ra thử hài nhi này xem.”

Họ đặt năm trăm ấu nhi cạnh ngài, đem đủ cao lương mỹ vị đến, bảo các ấu nhi lựa món ăn tùy thích rồi họ lánh mặt đi. Các trẻ kia gậy gộc đánh nhau rồi

chụp giắt bánh kẹo ăn, nhưng Bò-tát tự nhủ: “Này Temiya, cứ ăn bánh kẹo cùng cao lương mỹ vị đó nếu ngươi muốn xuống địa ngục.” Rồi vì sợ địa ngục nên ngài không muốn nhìn các thức ăn nữa. Và cứ thế, dù họ đem kẹo bánh, cao lương mỹ vị ra thử ngài cả năm ròng, họ cũng không khám phá ra chỗ yếu của ngài.

Sau đó, họ lại bảo: “Trẻ con thường thích đu loại trái cây.” Và họ đem đu thử trái cây ra thử ngài. Các trẻ kia đòi ăn trái cây nhưng ngài không buồn nhìn chúng và cứ thế suốt năm ròng, họ đem trái cây đu loại ra để thử ngài.

Rồi họ lại bảo: “Trẻ con thích đồ chơi.” Thế là họ đem đồ chơi bằng vàng, các hình voi ngựa, v.v... đến gần ngài. Các trẻ kia giành nhau như thể tranh đoạt chiến lợi phẩm nhưng Bò-tát không buồn nhìn đến chúng và cứ thế suốt cả năm ròng, họ đem đồ chơi ra thử ngài.

Rồi họ lại bảo nhau: “Có một thức ăn đặc biệt đối với một đứa trẻ lên bốn, ta thử xem sao!” Thế là họ đem ra đủ loại thức ăn, các trẻ kia bẻ chúng ra từng miếng ăn ngay, nhưng Bò-tát tự nhủ: “Này Temiya, trong quá khứ đã có vô số kiếp mà ngươi chẳng được ăn uống gì cả.” Và vì sợ địa ngục nên ngài chẳng nhìn các món ăn, cho đến khi lòng mẹ ngài muốn tan nát ra vì đau khổ, chính tay bà phải cho ngài ăn.

Sau đó, họ bảo nhau: “Trẻ con năm tuổi thường sợ lửa, ta hãy thử xem sao!” Rồi họ bảo làm một ngôi nhà lớn có nhiều cửa, che bằng lá cây tãla (cọ dừa), họ đặt ngài giữa đám trẻ con rồi nổi lửa lên. Đám trẻ la hét chạy trốn, nhưng Bò-tát tự nhủ thế này còn tốt hơn các khổ hình ở địa ngục. Vì vậy, ngài hoàn toàn ngồi yên như thể vô tri giác nên khi lửa đến gần, họ đành mang ngài đi nơi khác.

Sau đó, họ bảo nhau: “Trẻ con sáu tuổi thường sợ con voi hung dữ.” Thế là họ bảo luyện một con voi cho thuần tính rồi họ để Bò-tát ngồi cùng đám trẻ trong sân rộng và thả voi ra. Voi rống to, lấy vòi giậm đất thành thạch khiến ai nấy khiếp đảm. Đám trẻ chạy tứ tán vì sợ nguy đến tính mạng. Riêng Bò-tát vì sợ địa ngục nên vẫn ngồi yên. Con voi đã được huấn luyện kỹ, nhắc ngài lên rồi đặt xuống và bỏ đi chứ không hại ngài.

Đến khi ngài được bảy tuổi, lúc ngồi chơi có đám bạn ngồi vây quanh ngài, họ thả ra bày rắn đã bị nhò hết răng và buộc miệng chặt lại, bọn trẻ la hét bỏ chạy nhưng Bò-tát nhớ lại những nỗi kinh hoàng ở địa ngục nên vẫn ngồi yên, tự nhủ: “Thà chết vì miệng rắn độc còn tốt hơn.” Rồi bày rắn vây quanh thân ngài và cuộn tròn vòng trên đầu ngài nhưng ngài vẫn ngồi bất động. Cứ thế, họ thử ngài mãi nhưng vẫn không khám phá ra chỗ yếu của ngài.

Sau đó, họ bảo nhau: “Thiếu nhi thường thích hội hè.” Thế là họ đem ngài vào sân rộng cùng năm trăm đứa trẻ kia và cho một đoàn hề hợp lại làm trò. Lũ trẻ thấy đoàn hề liền la hét cổ vũ và cười đùa vang dội nhưng Bò-tát tự nhủ thầm, nếu ngài thác sinh vào địa ngục sẽ không bao giờ được một phút cười vui nên ngài vẫn ngồi yên, suy nghĩ đến địa ngục và không hề để mắt đến đám

người hề đang nhảy múa. Họ cứ thử ngài như thế mãi, vẫn không tìm ra chỗ yếu của ngài.

Rồi họ bảo nhau: “Ta hãy lấy kiếm ra thử xem sao!” Thế là họ đặt ngài ngồi giữa sân rộng trong khi đám trẻ đang chơi đùa, bỗng một người đàn ông chạy vụt qua bọn chúng, vung kiếm sáng loáng như gương vừa nhảy vừa la to: “Con quỷ của vua xứ Kāsi đâu rồi, ta sẽ cắt đầu nó đây!” Đám trẻ thấy vậy kinh hãi chạy trốn, la hét ầm ĩ. Nhưng Bò-tát đã suy nghĩ nhiều về những nỗi kinh hoàng ở địa ngục nên vẫn ngồi yên bất động như thể vô tri giác, dù người đó cọ xát thanh kiếm trên đầu ngài và dọa cắt cổ cũng không làm ngài kinh hoàng nên cuối cùng gã phải bỏ đi. Thế là dù thử ngài nhiều lần như thế nhưng họ vẫn không tìm ra điểm yếu của ngài.

Khi ngài lên mười tuổi, họ muốn thử xem ngài có điếc thật không liền treo một cái màn quanh giường, có đục lỗ bốn phía và đặt ống thổi hơi bằng vỏ ốc ở dưới đó mà không cho ngài biết. Họ đồng loạt thổi qua vỏ ốc bật ra một tiếng vang ầm ĩ, nhưng quần thần dù đứng cả bốn phía nhìn xuyên qua những lỗ trên màn suốt ngày vẫn không tìm ra được một dấu hiệu cho thấy ngài bị rối trí hay cựa quậy tay chân, ngay cả một cái giật mình cũng không có.

Một năm ròng trôi qua như vậy, rồi họ lấy trống thử một năm nữa vẫn không khám phá ra điểm yếu của ngài. Sau đó, họ bảo: “Ta lấy đèn ra thử xem!” Thế là để thử xem trong đêm tối ngài có cử động tay chân hay không, họ thắp đèn vào trong các bình thủy tinh sau khi đã tắt hết mọi đèn khác. Họ giấu các đèn thủy tinh trong bóng tối một lát rồi thình lình giơ cao các ngọn đèn ấy lên, tạo ra một luồng sáng lòa đồng loạt để xem cử chỉ ngài ra sao. Nhưng dù họ thử ngài như vậy cả năm trời, họ vẫn không thấy ngài giật mình lần nào cả.

Thế rồi, họ bảo nhau: “Ta lấy mật mía thử xem sao!” Và họ bôi mật mía khắp thân ngài, đặt ngài vào một nơi đầy ruồi nhặng rồi xua chúng ra. Chúng bu đặc trên thân ngài và chích ngài như kim châm nhưng ngài vẫn nằm như thể vô tri giác. Cứ thế suốt năm ròng họ thử ngài nhưng vẫn không khám phá ra điểm yếu nào.

Đến năm ngài lên mười bốn tuổi, họ bảo nhau: “Bây giờ đã lớn rồi, thiếu niên này chỉ thích sạch sẽ và ghét dơ bẩn, vậy ta lấy đồ dơ ra thử xem!” Thế là từ đó họ không cho ngài tắm rửa, súc miệng hay tẩy uế thân thể cho đến khi ngài bị đẩy vào một tình cảnh vô cùng khốn khổ như tên tù giam lỏng.

Khi ngài nằm đó, mình mẩy đầy ruồi nhặng, mọi người vây quanh nhạo báng ngài:

– Này Temiya, ngài đã lớn rồi, còn ai hầu hạ ngài nữa, ngài không hổ thẹn sao cứ nằm đó mãi, hãy dậy và tắm rửa cho sạch sẽ!

Nhưng ngài nhớ lại những nỗi thống khổ đọa đày ở địa ngục Gūtha (Phân Đơ) nên ngài vẫn nằm bất động trong tình trạng dơ bẩn khổ sở đó. Suốt cả năm trường họ vẫn không tìm ra điểm yếu nơi ngài.

Sau đó, họ đặt những chảo lửa dưới giường ngài và bảo nhau: “Khi vương tử bị lửa nóng hành hạ, sẽ không chịu nổi và sẽ tỏ dấu hiệu đau đớn quần quại.” Những vết bỏng dường như muốn nứt ra trên người ngài nhưng ngài vẫn nhẫn nhục tự nhủ: “Lửa ở địa ngục Avīci (A-tỳ hay Vô Gián) tỏa lan ra cả trăm do-tuần, chứ ngọn lửa này còn dễ chịu hơn trăm, ngàn lần.” Vì thế, ngài nằm bất động. Vua cha và vương hậu lòng đau như cắt, bảo những người hầu cận trở lại đem ngài ra khỏi lửa và năn nỉ ngài:

– Nay Temiya, ta biết con sinh ra không què quặt vì người què không thể có tay chân mặt mũi như con được. Ta đã sinh được con sau bao năm cầu tự, vậy con đừng làm tuyệt dòng họ ta. Hãy tránh cho ta khỏi bị sự chê trách của các vua trong cõi Jambudīpa (Diêm-phù-đề, Ấn Độ)!

Nhưng dù họ van xin thế nào đi nữa, ngài vẫn nằm im bất động như không nghe thấy gì. Thế là phụ vương và mẫu hậu đành khóc lóc và bỏ đi. Thỉnh thoảng phụ vương hay mẫu hậu trở lại một mình van xin ngài như thế suốt cả năm ròng nhưng vẫn không khám phá ra điểm yếu của ngài.

Đến khi ngài lên mười sáu tuổi, họ suy nghĩ: “Dù què quặt, câm, điếc đi nữa, không ai lớn lên lại không thích hưởng lạc, ghét điều bất lạc. Chuyện này đến thời hạn thì cũng tự nhiên như hoa nở đó thôi. Vậy ta sẽ bảo đóng tuồng cho con ta xem thử!” Vì thế, họ triệu tập một số nữ nhân đẹp như tiên và giao hẹn rằng nàng nào làm được cho vương tử cười to hay gây cho ngài khởi lên tư tưởng dục vọng thì sẽ được tôn làm chánh hậu. Rồi họ tắm cho ngài bằng nước thơm và trang điểm cho ngài thật đẹp như thiên thần, đặt ngài nằm trên long sàng ở trong một dãy cung thất trang hoàng như các động tiên. Nội thất của ngài được xông sức nước đủ mùi hương hoa, thuốc cao, trầm, linh tửu đủ loại... và họ rút lui.

Trong lúc đó, các nữ nhân cứ vây quanh ngài tìm cách làm vui lòng ngài với tiếng ca, điệu múa cùng những lời lẽ êm dịu ngọt ngào nhưng ngài nhìn chúng bằng trí tuệ tối thắng và bẻ hết hơi thở vô ra vì sợ chúng đụng vào thân ngài, vì thế mà cơ thể ngài trở nên cứng đờ. Chúng không thể nào đụng vào ngài được liền tâu với đức vua:

– Cơ thể vương tử cứng đờ, ngài không phải là người mà có lẽ là quỷ dữ.

Như vậy, cha mẹ ngài dù trong mười sáu năm liền thử thách ngài bằng mười sáu cách ghê rợn cùng nhiều lối thử lật vật khác, cũng không thể nào khám phá ra điểm yếu của ngài. Thế là vua cha đầy phẫn nộ, cho triệu tập nhiều thầy tướng số đến bảo:

– Khi vương tử ra đời, các người đã bảo là vương tử tốt số có đủ mọi điềm lành và không có điềm trở ngại nào. Nhưng vương tử sinh ra đã bị què, câm, điếc. Thế là lời các người không đúng sự thật.

Họ đồng đáp:

– Tâu Đại vương, không có gì các đạo sư của ngài không thấy cả, nhưng

chúng thần biết ngài sẽ buồn khổ ghê gớm ra sao nếu chúng thần nói rằng hoàng nam do cả triều cầu tự này lại bạc phước, vì thế chúng thần không nói ra điều đó.

– Vậy phải làm thế nào đây?

– Tâu Đại vương, nếu vương tử ở lại trong cung sẽ có ba mối hiểm họa đe dọa tính mệnh của Đại vương hoặc ngôi báu của ngài hoặc cho chánh hậu. Vậy thì thượng sách là cho vài con ngựa yếu hèn buộc vào một cỗ xe thật tầm thường rồi đặt vương tử lên đó, đưa qua cửa Tây và đem chôn vương tử trong nghĩa địa.

Vua đồng ý vì sợ các hiểm họa sẽ xảy ra. Khi vương hậu hay tin và vội đến gặp vua:

– Tâu Chúa thượng, Chúa thượng đã ban cho thần thiếp một lời ước và thần thiếp vẫn chưa thỉnh nguyện, vậy giờ đây xin ban cho thiếp ân huệ đó!

– Ái hậu cứ thỉnh cầu.

– Xin Chúa thượng hãy trao ngôi báu cho con thiếp.

– Không thể được, này Ái hậu, con trai của khanh quá bạc phước.

– Nếu Chúa thượng không ban cho con trai thiếp cả đời thì hãy cho con trai thiếp làm vua trong bảy năm.

– Không thể được đâu, Ái khanh.

– Vậy thì trong sáu, năm, bốn, ba, hai, một năm hoặc bảy tháng, sáu, năm, bốn, ba, hai, một tháng hoặc nửa tháng.

– Không thể được, Ái khanh.

– Thế thì bảy ngày vậy!

– Thôi được rồi, Ái hậu nhận lấy ân huệ này.

Thế là vương hậu ra lệnh cho các cung nữ trang điểm vương tử thật lộng lẫy và cả kinh thành phải trưng bày thật đẹp mắt. Rồi một lệnh được truyền đi cùng với tiếng trống vang dội:

– Đây là triều đại của Thái tử Temiya!

Và ngài được đặt trên mình voi đi ngất ngưỡng khắp kinh thành với chiếc lọng trắng trên đầu. Khi trở về, ngài được đặt trên long sàng, vương hậu lại van xin suốt đêm:

– Vương tử Temiya con ơi, vì con trong mười sáu năm qua mẹ đã khóc than và không hề ngủ. Mắt mẹ đã khô ráo hẳn, lòng mẹ đã tan nát vì buồn phiền. Mẹ biết con không thật què quặt, câm, điếc gì, đừng làm mẹ khôn khổ tuyệt vọng nữa!

Cứ thế, bà van xin ngài hết ngày này qua ngày khác trong năm hôm liền. Qua ngày thứ sáu, vua triệu người quản xa Sunanda đến bảo:

– Sáng sớm mai người hãy cột vài con ngựa thật xấu vào một cỗ xe thật tầm thường, bỏ vương tử vào, đem ra cửa Tây và đào một hố có bốn góc trong nghĩa

địa ném nó vào, lấy xẻng đập đầu nó và giết chết nó đi, rồi lấp đất lên thành một đồng cao xong tắm rửa sạch sẽ rồi trở về đây!

Đêm thứ sáu đó, vương hậu lại van xin:

– Vương tử con ơi, phụ vương Kāsi đã ra lệnh ngày mai đem chôn con vào nghĩa địa, ngày mai chắc con phải chết rồi con ạ!

Khi Bồ-tát nghe nói vậy, ngài nghĩ thầm rằng: “Này Temiya, hoạn nạn của người trong mười sáu năm đã mãn” và ngài vui mừng lắm, nhưng lòng mẹ ngài dường như tan nát thành hai mảnh. Tuy thế, ngài không muốn nói gì với bà, sợ rằng ước nguyện của ngài không thành tựu. Hết đêm đó, mới sáng tinh sương, người quản xa Sunanda đã đưa cỗ xe đến trước cổng thành, vào hoàng cung tâu:

– Xin Vương hậu chớ giận dữ, đây là lệnh của Đại vương.

Nói xong, trong khi vương hậu đang ôm con trong lòng, gã lấy tay đẩy bà ra, nhắc hoàng tử lên nhẹ như một đoá hoa và đi ra khỏi cung, còn lại hoàng hậu ở trong phòng đầm ngực than khóc thảm thiết.

Khi đó Bồ-tát nhìn mẹ và nghĩ: “Nếu ta không nói thì mẹ ta sẽ chết vì buồn phiền.” Dù ngài định nói nhưng ngài lại suy nghĩ: “Nếu ta nói thì công phu của ta trong mười sáu năm sẽ trở thành tro bụi, còn nếu ta không nói thì ta sẽ cứu được chính ta và cả cha mẹ ta nữa.”

Sau đó, người quản xa nhắc ngài lên xe và bảo:

– Ta sẽ đánh xe qua cửa Tây.

Nhưng gã lại đánh xe qua cửa Đông và bánh xe lăn chạm mạnh vào bậc thềm. Bồ-tát nghe tiếng động nhủ thầm: “Ước nguyện của ta đã đạt được rồi.” Lòng ngài càng hoan hỷ lên.

Khi xe ra khỏi kinh thành, nó đã đi được chừng ba do-tuần, nhờ các thần trợ lực, đến khoảng cuối một khu rừng mà người đánh xe tưởng là nghĩa địa. Vì thế, gã nghĩ rằng đây là chỗ thích hợp, gã liền quay xe ra khỏi đường cái, dừng lại bên đường, bước xuống lấy hết đồ trang hoàng của Bồ-tát cột thành một bó đặt xuống đất rồi lấy xẻng ra bắt đầu đào hố.

Lúc đó, Bồ-tát nghĩ: “Đây là lúc ta phải vận dụng sức lực, mười sáu năm qua ta không hề cử động tay chân, không biết nay ta có điều khiển chúng được chăng?” Thế là ngài đứng dậy, chà xát tay phải với tay trái, tay trái với tay phải, chà hai tay vào hai chân rồi quyết định bước ra khỏi xe. Khi chân ngài chạm đất, đất dội lên như cái túi da đầy khí và ngài sờ đuôi xe. Sau khi xuống xe, đi lui đi tới vài vòng ngài cảm thấy đã dư sức đi như thế này một trăm do-tuần trong một ngày.

Rồi ngài lại nghĩ: “Nếu gã lái xe chống đối ta, ta có đủ sức chống lại gã chăng?” Vì thế, ngài cầm lấy đuôi xe, nhắc nó lên như đồ chơi trẻ con và ngài tự nhủ: “Ta đủ sức chống lại gã.” Khi ngài nhận thức điều này, lòng ngài khởi lên một ước muốn được trang hoàng cho thật đẹp. Vào lúc ấy, cung Thiên chủ Sakka (Đế-thích) nóng rực lên. Thiên chủ Sakka tìm ra duyên cớ liền bảo:

– Ước nguyện của Vương tử Temiya đã thành tựu rồi, ngài muốn được trang hoàng cho đẹp. Ngài có cần gì đồ trang sức của hạ giới?

Vì thế, Thiên chủ truyền thiên thần Vissakamma đem đồ trang sức thiên giới ra tô điểm cho con trai của vua xứ Kāsi. Vị này quần lên mình vương tử cả vạn tấm vải vóc tua đỏ và trang điểm ngài bằng đủ loại trang sức của thiên đình lẫn hạ giới chẳng khác nào Thiên chủ Sakka. Vương tử được điểm tô đủ mọi oai nghi lộng lẫy của một vị Thiên chủ, đi đến bên bờ hồ mà người lái xe đang đào, vừa đứng vừa ngâm vãn kệ thứ ba:

3. Sao chú lái xe lại vội vàng,
Bơi đào hồ nọ ở bên đàng,
Trả lời câu hỏi ta thành thật,
Người muốn làm gì hồ ấy chẳng?

Người lái xe vẫn tiếp tục đào hồ, không ngược mắt lên nhìn và ngâm vãn kệ thứ tư:

4. Chúa thượng của ta thấy thiếu nhi,
Bị què, câm, điếc, thật ngu si,
Nên ta được lệnh đi đào hồ,
Chôn bỏ chàng cho rảnh mắt đi.

Bồ-tát đáp lời:

5. Hiền hữu, ta không bị điếc, câm,
Và ta cũng chẳng bị què chân,
Nếu chôn ta ở trong rừng rậm,
Người sẽ phạm vào tội sát nhân.
6. Hãy nắm tay chân đây của ta,
Và nghe giọng nói thốt lời ra,
Hôm nay người sẽ mang trọng tội,
Nếu chôn ta ở chốn rừng già!

Lúc đó, người lái xe hỏi:

– Ai đấy? Chỉ từ lúc ta tới đây người mới lộ nguyên hình như người tả.

Vì thế, gã dừng đào hồ, ngược mắt lên chiêm ngưỡng dung mạo sáng ngời của ngài, gã không biết ngài là người hay thần thánh liền ngâm kệ:

7. Chàng là nhạc sĩ hoặc thiên thần,
Hay chính Sakka Thiên chủ chẳng?
Xin nói là con ai đấy nhỉ,
Tên gì ta sẽ gọi danh xưng?³

Lúc ấy, Bồ-tát vừa lộ diện vừa thuyết pháp và ngâm kệ:

³ Xem J. V. 317, *Sona-Nanda-jātaka* (Chuyện hai Hiền giả Sona và Nanda), số §532; Pv. 24, *Maṭṭhakundalīpetavatthu* (Chuyện ngà quý Maṭṭhakundālī); Pv. 79, *Nandakapetavatthu* (Chuyện ngà quý Nandaka); Vv. 90, *Tatīyanāgavimānavatthu* (Chuyện thứ ba về Lâu đài con voi).

8. Chẳng là nhạc sĩ hoặc thiên thần,
Cũng chẳng Sakka, đáng Ngọc hoàng,
Ta chính Kāsi vương tử ấy,
Người đem chôn sống thật hung tàn.
9. Ta chính con vua triều đại này,⁴
Người đang phục vụ hiển vinh thay,
Nếu đem ta đến đây chôn sống,
Người sẽ phạm vào trọng tội ngay.
10. Nếu dưới gốc cây ta nghỉ chân,
Tàng cây đổ bóng để che thân,
Ta không bẽ mặt cảnh dù nhỏ,
Chỉ kẻ ác làm hại bạn thân.⁵
11. Cây che chỗ ấy chính là vua,
Ta chính là cành lá tỏa ra,
Người lái xe là người lữ khách,
Năm ngời ở dưới bóng cây mà,
Tội to giáng xuống đầu người đó,
Nếu ở rừng này chôn sống ta.

Nhưng dù Bô-tát nói vậy, gã này vẫn không tin ngài. Vì thế, Bô-tát quyết định thuyết phục gã nên ngài làm cho cả khu rừng vang dậy tiếng nói của ngài và lời tán thán của chư thiên trong khi ngài bắt đầu ngâm mười vần kệ này để tôn vinh tình bằng hữu:

12. Một kẻ trung thành với bạn thân,
Dù đi phiêu bạt khắp xa gần,
Nhiều người hoan hỷ đem cung phụng,
Thực phẩm tất nhiên được hiến dâng.
13. Dù đất nước nào phiêu bạt qua,
Kinh thành, thị trấn khắp gần xa,
Kẻ nào chung thủy cùng bằng hữu,
Cũng được vinh quang danh vọng mà.
14. Không đạo tặc nào dám tổn thương,
Cũng không võ tướng dám khinh nhờn,
Người nào trung tín cùng bằng hữu,
Sẽ thoát khỏi bao kẻ oán hờn.

⁴ Xem J. V. 250, *Ṣṇakajātaka* (Chuyện Hiền giả Sonaka), số §529; Vv. 90, *Tatiyanāgavimānavatthu* (Chuyện thứ ba về Lâu đài con voi).

⁵ Xem J. IV. 72, *Bhūripaṇhājātaka* (Chuyện vấn đề trí tuệ), số §452; J. IV. 351, *Mahāvāṇijātaka* (Chuyện vị đại thương nhân), số §493; J. V. 232, *Mahābodhiyātaka* (Chuyện Hiền giả Mahābodhi), số §528; J. VI. 262, *Vidhurapaṇḍitajātaka* (Chuyện bậc Đại trí Vidhura), chuyện này trong bản Tích Lan và PTS là số 545, trong bản CST là số 546.

15. Người ấy hoàn hương, thầy đón chào,
Lòng không mòn mỏi với ưu sầu,
Kẻ nào chung thủy cùng bằng hữu,
Giữa những bà con, đệ nhất cao.
16. Tôn vinh người, lại được tôn vinh,
Được kính trọng và đáp thịnh tình,
Một kẻ trung thành cùng bạn hữu,
Nhận phần vinh hiển khắp quần sinh.
17. Người nào biết quý trọng người đời,
Sẽ được mọi người quý trọng thôi,
Một kẻ trung thành cùng bạn hữu,
Phần mình được tiếng tốt cao vời.
18. Kẻ ấy giống như lửa cháy bùng,
Tỏa ra ánh sáng tựa thiên thân,
Người nào trung tín cùng bằng hữu,
Chiếu ánh huy hoàng rực rỡ luôn.
19. Trâu bò tăng trưởng thật là nhanh,
Hạt giống thường xuyên mọc tốt lành,
Một kẻ trung thành cùng bạn hữu,
Tất nhiên gặt hái mọi công thành.
20. Nếu bị rơi từ đỉnh núi cao,
Hoặc từ cây cối hoặc hang hào,
Người nào chung thủy cùng bằng hữu,
Cũng thấy đất bằng vững chắc sao.
21. Cây đa thách đố mọi cuồng phong,
Cành lá mọc quanh gốc rễ chung,
Kẻ biết trung thành cùng bạn hữu,
Oán hờn cừ địch thầy tiêu vong.⁶

Dù ngài đã thuyết pháp như vậy, gã Sunanda vẫn không nhận ra ngài và cứ hỏi ngài là ai. Nhưng rồi gã đến gần xe và trước khi thấy rõ chiếc xe cùng mọi thứ trang sức mà vương tử mang trên người, gã đã nhận ra ngài trong lúc nhìn ngài, liền quỳ xuống chấp tay lại, ngậm kệ:

22. Đến đây, này hỡi vị Vương gia,
Tôi sẽ xin đưa trở lại nhà,
Ngài ngự ngại vàng và trị nước,
Sao còn thơ thần chôn rừng già?

Bậc Đại sĩ đáp:

⁶ Xem *Ap. II. 343, Dhotakattheraapadāna* (Ký sự về Trưởng lão Dhotaka).

23. Ta không màng của cải, ngai vàng,
 Chẳng thiết bạn thân hoặc họ hàng,
 Vì chính ngôi vua ta đã đạt,
 Là do những ác nghiệp ta làm.

Người lái xe nói:

24. Chén rượu đón mừng, Thái tử ôi,
 Được người chuẩn bị để chờ ngài,
 Phụ vương, mẫu hậu đầy hoan hỷ,
 Sẽ tặng nhiều quà cho chính tôi.
25. Cung phi, mỹ nữ, các vương gia,
 Vệ-xá, Bà-la-môn, mọi nhà,
 Trong nỗi hân hoan đầy trọn vẹn,
 Sẽ cho tôi hưởng thật nhiều quà.
26. Các vị cưỡi voi, cưỡi mã xa,
 Bộ binh, vệ sĩ của hoàng gia,
 Sẽ cho tôi hưởng nhiều quà tặng,
 Khi Thái tử quay trở lại nhà.
27. Thần dân thành thị đến thôn quê,
 Tụ tập mừng vui, mở hội hè,
 Sẽ tặng cho tôi nhiều lễ vật,
 Khi nhìn Thái tử đã quay về.

Bậc Đại sĩ đáp:

28. Ta bị bỏ rơi bởi mẹ cha,
 Kinh thành, thị trấn ở gần xa,
 Vương tôn bỏ mặc, ta đành phận,
 Ta chẳng có nhà của chính ta.
29. Mẫu hậu của ta cho phép đi,
 Phụ vương cũng bỏ mặc hoàng nhi,
 Trong rừng hoang vắng này đơn độc,
 Ân sĩ ta nguyên hạnh xuất ly.

Đang khi nhớ lại các công hạnh của mình, một nỗi hoan hỷ khởi lên trong lòng ngài và trong niềm hạnh phúc cao độ, ngài thốt lên khúc đạo ca toàn thắng:

30. Cũng giống những ai chẳng vội vàng,
 Đạt thành nguyện ước của tâm can,
 Quản xa hãy biết, hôm nay nhé,
 Thánh hạnh ta thành đạt vẹn toàn.
31. Cũng giống những ai chẳng bước nhanh,
 Tối cao cứu cánh được viên thành,

Ta đi đầy đủ tâm thanh tịnh,
Hoàn thiện sợ gì giữa chúng sinh.

Người lái xe đáp lại:

32. Những lời ngài nói thật êm tai,
Chân thật, sáng trong, lý lẽ ngài,
Tại sao thuở trước đành câm lặng,
Khi thấy song thân ở cạnh hoài?

Bậc Đại sĩ bảo:

33. Ta chẳng què vì thiếu khớp xương,
Cũng không điếc bởi thiếu tai thường,
Cũng không câm lặng vì không lưỡi,
Như đáng ta nay hiện rõ ràng.
34. Ta vẫn nhớ rành một kiếp xưa,
Trong tiền thân ấy được làm vua,
Nhưng từ ngôi báu ta rơi xuống,
Ta thấy mình trong chốn ngục tù.
35. Hai mươi năm sống cảnh xa hoa,
Trên chiếc ngai vàng chỉ thoáng qua,
Nhưng tám mươi ngàn năm địa ngục,
Ta đền tội ác đã gây ra.
36. Dư vị hoàng gia thuở đã qua,
Làm kinh hãi ngập cả tâm ta,
Cho nên ta phải đành câm lặng,
Dù thấy gần bên cạnh mẹ cha.
37. Phụ vương bỗng bẻ trẻ vào lòng,
Nhưng giữa lúc đùa giỡn thiết thân,
Nghe lệnh vua ban đây khắc nghiệt:
“Tức thì giết kẻ đại cường gian,
Hãy cưa xẻ nó ra từng mảnh,
Đóng cọc tên kia chớ muộn màng!”
38. Nghe lời hăm dọa thật kinh hồn,
Ta cố làm què lại điếc, câm,
Lăn lóc trong bùn nhơ khôn khô,
Làm người ngu dại cũng đành phần.
- 39-40. Biết rõ cuộc đời ngắn ngủi thay,
Sầu, bi, khổ, não lại tràn đầy,
Ai vì đời sống mà khơi dậy
Sân hận cho người khác khổ lây?

- 41-42.** Ai vì đời sống hại tha nhân,
 Để mặc cho mình trút hận sân,
 Vì muốn giành quyền cầm chánh lý,
 Và mù quáng trước lẽ công bằng?

Lúc đó, gã Sunanda suy nghĩ: “Vương tử này từ bỏ vàng son cung điện như thể bỏ thầy ma, nay vào rừng cương quyết sống đời ẩn sĩ, thế thì ta còn làm gì với cuộc đời khốn nạn này nữa? Thôi ta cũng muốn làm ẩn sĩ như ngài cho rồi.” Gã liền ngâm kệ:

- 43.** Tôi cũng ước mong chọn cuộc đời,
 Của người khổ hạnh ở cùng ngài,
 Xin ngài hãy gọi tôi, Vương tử,
 “Ẩn sĩ”, như ngài muốn vậy thôi!

Khi nghe gã thỉnh cầu, bậc Đại sĩ suy nghĩ: “Nếu ta nhận ngay gã này làm ẩn sĩ thì cha mẹ ta không đến đây được và như thế sẽ chịu thiệt thòi, rồi ngựa xe và các vật trang sức này sẽ bị hủy hoại. Ta sẽ bị buộc tội vì người đời sẽ bảo: ‘Hắn là quỷ dữ đã nuốt sống người lái xe.’” Vì thế, muốn tránh tiếng xấu cho mình và đem lại an lạc cho cha mẹ, ngài giao ngựa xe và các thứ trang sức lại cho gã rồi ngâm kệ:

- 44.** Trước tiên đem trả lại vương xa,
 Người chẳng phải người được tự do,
 Trả nợ trước tiên, đời vẫn bảo,
 Rồi sau nguyên khổ hạnh ly gia.

Người lái xe nghĩ thầm: “Nếu ta về kinh thành trong lúc ngài bỏ đi nơi khác, rồi khi cha mẹ ngài hay tin ngài còn sống sẽ cùng đến đây với ta để gặp ngài mà không tìm thấy ngài, họ sẽ trừng phạt ta. Thôi ta phải nói rõ hoàn cảnh này của ta cho ngài biết và xin ngài hứa ở lại đây.”

Vì thế, gã ngâm hai vần kệ:

- 45.** Vì lẽ tôi theo lệnh của ngài,
 Thỉnh cầu Vương tử hãy nghe tôi,
 Xin ngài hãy rộng lòng hoan hỷ,
 Làm những việc tôi sẽ mở lời.
- 46.** Xin hãy làm ơn nán lại chờ,
 Đến khi tôi thỉnh được vương gia,
 Phụ vương sẽ ngập tràn hoan hỷ,
 Nhìn thấy dung nhan Vương tử mà.

Bậc Đại sĩ đáp:

- 47-48.** Mong được như người nói, quân xa,
 Ta đây hoan hỷ gặp vua cha,

Mau đi chào hỏi toàn gia tộc,
Đặc biệt vấn an cha mẹ ta.

Sau khi nói vậy, bậc Đại sĩ hướng về thành Ba-la-nại như chiếc phướn vàng, phủ phục năm vóc sát đất kính lễ cha mẹ rồi truyền lệnh cho người lái xe. Người này tuân lệnh, thân phía hữu hướng về vương tử kính chào từ biệt và lên xe thẳng tiến về thành.

Để giải thích việc này, bậc Đạo sư nói rằng:

49. Rồi gã quân xa giậm bước chân,
Tỏ lòng cung kính thật ân cần,
Bắt đầu công cuộc hành trình ấy,
Như mệnh lệnh ban của chủ nhân.

Vào lúc ấy, Vương hậu Candā mở cửa, bà đang bồn chồn đợi tin con, cứ nhìn ra phía con đường người lái xe trở về nên khi thấy gã về một mình, bà đầm ngực than khóc.

Bậc Đạo sư tả cảnh ấy như sau:

50. Khi thấy một mình gã quân xa,
Chiếc xe trống vắng, chợt nhìn ra,
Tâm hồn tràn ngập niềm lo sợ,
Mắt mẹ hiền dâng lệ ướt nhòa:
51. “Người quân xa kia mới trở về,
Con ta bị giết ở đằng kia,
Rừng hoang hiu quạnh con nằm đó,
Đất lại hòa cùng đất phủ che.
- 52-54. Cừ nhân cực ác sẽ hân hoan,
Thấy kẻ sát nhân được vạn an,
Câm, điếc lại què chân, thử hỏi,
Làm sao con cất tiếng kêu van,
Nằm trên nền đất bơ vơ quá,
Con chiến đấu sao với sức tàn?
55. Tay chân con chẳng đủ công năng,
Xô đẩy người ra để thoát thân,
Trong lúc nằm trên nền đất lạnh,
Mặc dù câm, điếc lại què chân.”

Người lái xe tâu:

56. Lệnh bà, xin thứ tội cho tôi,
Xin để cho tôi được mở lời,
Tôi sẽ kể bà nghe tất cả,
Những gì tôi đã thấy, nghe rồi.

Vương hậu đáp:

57. Ta nay hứa thứ tội cho ngươi,
Ta để cho ngươi được mở lời,
Hãy kể cho ta nghe tất cả,
Những gì ngươi đã thấy, nghe rồi!

Người lái xe liền tâu:

58. Ngài không câm, điếc, chẳng què chân,
Giọng nói ngài trôi chảy, sáng trong,
Ngài đóng vai trò kia giả dạng,
Bởi vì ngài sợ chốn vương cung.
59. Ngài vẫn nhớ rành một kiếp xưa,
Trong tiền thân ấy được làm vua,
Nhưng từ ngôi báu, ngài rơi xuống,
Ngài thấy mình trong chốn ngục tù.
60. Hai mươi năm sống cảnh xa hoa,
Trên chiếc ngai vàng chỉ thoáng qua,
Nhưng tám mươi ngàn năm địa ngục,
Ngài đền tội ác đã gây ra.
61. Dư vị hoàng gia một thuở xưa,
Làm ngài kinh hãi ngập tâm tư,
Cho nên ngài phải đành câm lặng,
Dù thấy gần bên cạnh mẹ cha.
62. Thân thể ngài nay được kiện toàn,
Cao sang tuyệt mỹ, dáng hùng cường,
Giọng ngài trong sáng, tâm minh mẫn,
Ngài chọn đời thanh tịnh bước đường.
63. Nếu Lệnh bà mong muốn gặp con,
Tức thì hãy đến đó cùng thân,
Ngắm nhìn Vương tử Temiya ấy,
An tịnh, thông dong thật vẹn toàn.

Nhưng khi vương tử cho người lái xe đi rồi, ngài muốn thực hiện ngay lời nguyện khổ hạnh. Biết được ước nguyện đó, Thiên chủ Sakka truyền gọi thần xây dựng Vissakamma và bảo:

– Vương tử Temiya nguyện khổ hạnh, vậy khanh hãy dựng cho ngài một túp lều lá với đủ vật dụng cần thiết của một ẩn sĩ!

Vì thế, vị ấy vội ra đi và đến một khu rừng rộng chừng ba do-tuần, vị ấy dựng một am ẩn sĩ có một gian dành để ở ban đêm và một gian để ở ban ngày, có một hồ nước, một cái giếng, nhiều cây ăn trái và chuẩn bị đầy đủ mọi vật dụng cần thiết cho một vị tu khổ hạnh rồi ra về.

Khi Bô-tát thấy cảnh này, ngài biết đây là lễ vật cúng dường của Thiên chủ Sakka. Vì thế, ngài bước vào lều, cởi trang phục của mình ra, mặc vào bộ y bằng vỏ cây màu đỏ, cả y trên lẫn y dưới và đắp tấm da hươu đen một bên vai, buộc mớ tóc được bện chặt của ngài lại rồi mang đòn gánh lên vai kia, cầm cây gậy và bước ra khỏi lều. Ngài đi quanh quần trong bộ y khổ hạnh ấy và thốt lên lời cảm khái:

– Ôi, an lạc! Ôi, an lạc!

Rồi trở về lều, ngồi kiết-già trên tấm thảm vải, ngài chứng đắc năm thắng trí (năm thân thông). Buổi chiều ngài bước ra lượm vài lá cây kãra gần đó nhúng vào bình bát nước của Thiên chủ Sakka cúng dường ngài, không có một chút muối, chút bơ hay gia vị gì cả. Ngài ăn lá cây như thể ăn cao lương mỹ vị rồi trong khi ngài quán sát tứ vô lượng tâm, ngài quyết định an trú ở đó.

Trong lúc ấy, vua xứ Kāsi nghe lời gã Sunanda tâu liền triệu tập vị tể tướng vào, ra lệnh thu xếp cuộc hành trình. Vua phán:

64. Thắng đủ ngựa vào các cỗ xe,
Buộc cân đai cả đàn voi kia,
Tù và, trống nhỏ khua vang khắp,
Đánh dậy trống to cả tứ bề.
65. Trống cao âm ỉ tận không gian,
Trống nhỏ âm vang thật dịu dàng,
Tất cả kinh thành theo gót trầm,
Ta đi lần nữa đón hoàng nam.
66. Các vương phi, tất cả hoàng gia,
Vệ-xá, Bà-la-môn trẻ, già,
Hết thấy thắng cương xe ngựa sẵn,
Ta đi đón thái tử về nhà.
67. Các vị cưỡi voi, cưỡi mã xa,
Bộ binh, vệ sĩ của hoàng gia,
Mọi người chuẩn bị lên đường gấp,
Ta đến đón vương tử lại nhà.
68. Thần dân thành thị đến thôn quê,
Khấp nẻo đường đông đảo tỵ tề,
Tất cả sẵn sàng theo gót trầm,
Ta đi đón thái tử quay về.

Thế rồi, các quân xa ra lệnh thắng yên cương ngựa xong, đem xa giá đến trước cung môn rồi thông báo để vua biết.

Bậc Đạo sư tả cảnh này như sau:

69. Ngựa Sindh dòng giống tuyệt cao sang,
Nai nịt yên cương trước ngọc môn,

Các quân xa trình tin tức đến,
Cả đoàn chờ yết kiến long nhan.

Khi nghe các quân xa nói xong, nhà vua phán qua nửa vắn kệ:

70. “Bầy ngựa bất kham hãy loại ra,
Đừng đem ngựa yếu đến xe ta!”
Lệnh vua như vậy vừa ban xuống,
Tuân phục tức thì các quân xa.

Quân hầu bảo các quân xa:

– Đừng đem theo các loại ngựa như thế!

Trước khi đi đón con, vua triệu tập bốn đẳng cấp trong triều, mười tám hội đoàn và toàn quân đội cùng tập hợp trong ba ngày. Vào ngày thứ tư, sau khi đã đem tất cả đoàn tùy tùng lên đường, vua ngự giá đến thảo am ẩn sĩ. Ngài được vương tử đón tiếp tại đó và đáp lễ với con theo đúng nghi thức.

Bậc Đạo sư tả cảnh này như sau:

71. Lúc ấy vương xa đã sẵn sàng,
Không còn trì hoãn, đẳng quân vương,
Bước lên gọi các bà phi hậu:
“Tất cả cùng ta tiến bước đường!”
72. Với quạt đuôi trâu, mào đội đầu,
Lọng vua màu trắng ở trên cao,
Ngài lên ngự giá vương xa ấy,
Trang điểm ngọc vàng tuyệt mỹ sao.
73. Rồi nhà vua lập tức đăng trình,
Cùng gã quân xa ở cạnh mình,
Vội vã ngài đi ngay đến chốn,
Temiya trú thật thanh bình.
74. Vương tử Temiya thấy phụ vương,
Đến đây, lộng lẫy, đại huy hoàng,
Quanh mình chiến sĩ đoàn hầu cận,
Vì vậy ngài lên tiếng nói rằng:
75. “Phụ vương con chắc được an bình,
Cha có đủ tin tức tốt lành,
Con chắc các vương phi, mẫu hậu,
Thấy đều khang kiện ở triều đình?”
76. “Này con, cha vẫn được an bình,
Cha có đủ tin tức tốt lành,
Tất cả các vương phi, mẫu hậu,
Quả đều khang kiện ở triều đình.”

77. “Con chắc cha không uống rượu men,
Rượu nồng các loại thấy đều kiêng,
Trí tâm cha vẫn luôn thành khẩn,
Bố thí và hành động chính chuyên?”
78. “Thật vậy, cha không đựng rượu men,
Rượu nồng các loại thấy đều kiêng,
Trí tâm cha vẫn luôn thành khẩn,
Bố thí và hành động chính chuyên.”
79. “Bầy ngựa và voi của Phụ vương,
Con mong đều mạnh khỏe hùng cường,
Không con nào phải mang thân bệnh,
Không có yếu hèn hoặc bất tường?”
80. “Phải, các bầy voi của Phụ vương,
Và bầy ngựa mạnh khỏe, hùng cường,
Không con nào phải mang thân bệnh,
Không có yếu hèn hoặc bất tường.”
81. “Biên thù cùng địa phận trung ương,
Tất cả đều trừ mật, lạc an,
Xin hỏi các nơi này có đủ,
Các ngân kho với các kho tàng?”
82. “Biên thù cùng địa phận trung ương,
Tất cả đều trừ mật, lạc an,
Các nơi này của cha có đủ,
Các ngân kho với các kho tàng.”
83. “Phụ vương, nay trẻ đón chào mừng,
Hạnh ngộ giờ đây với phụ thân,
Hãy đặt vương sàng ra tại chỗ,
Để ngài an tọa, hỡi ba quân!”

Nhà vua vì tỏ lòng cung kính đối với bậc Đại sĩ nên không muốn ngự trên long sàng. Bậc Đại sĩ liền nói:

– Nếu Phụ vương không muốn ngự long sàng, hãy đem sàng tọa kết bằng lá trái cho ngài!

Rồi ngài ngâm kệ:

84. Xin hãy ngự trên thảm lá này,
Trái cho đẹp ý Phụ vương đây,
Quân hầu lấy nước nơi này đến,
Để rửa tay chân Chúa thượng ngay.

Nhưng nhà vua vì lòng cung kính con của ngài nên không chịu ngồi trên giường lá mà chỉ ngồi dưới đất. Lúc ấy, Bò-tát vào thảo am lấy ra cây kăra, vừa mời vua cha vừa ngâm kệ:

85. Con không có muối, lá cây này,
Là thực phẩm con sống mỗi ngày,
Cha đã đến đây làm khách quý,
Xin vui lòng nhận thức ăn này.

Vua cha đáp:

86. Lá cây không phải món cha ăn,
Đem đến cho cha chén gạo trong,
Nấu với thịt hầm thơm dịu ngọt,
Để làm thành một món canh ngon.

Ngay lúc ấy, Vương hậu Candā được các vương phi hộ tống vừa đến nơi liền ôm chân con đánh lễ, ngồi xuống một bên, đầm đìa nước mắt. Nhà vua bảo bà:

– Này Ái hậu, hãy xem thức ăn của vương phi!

Và vua đặt vài ngọn lá trong tay bà cùng các vương phi kia. Các bà này cầm lá và kêu:

– Ôi Vương tử, ngài ăn uống như thế kia sao, ngài chịu khổ hạnh biết đường nào!

Rồi họ ngồi xuống, lúc ấy nhà vua bảo:

– Ôi Vương phi, thật kỳ diệu thay!

Và vua ngâm kệ:

87. Quả thật diệu kỳ đối với ta,
Vương phi cô độc phải lìa nhà,
Sống bằng thực phẩm nghèo hèn vậy,
Tuy thế con không đổi sắc da.

Vương tử đáp:

88. Trên thảm lá này được trải ra,
Con nằm cô độc ở rừng già,
Sàng tọa quả thật đây an lạc,
Vì thế con không đổi sắc da.

89. Không đoàn vệ sĩ gác canh phòng,
Bao bọc chung quanh với kiếm trần,
Sàng tọa thật là an lạc quá,
Nên màu da trẻ vẫn tươi hồng.

90. Con chẳng tiếc thương gì quá khứ,
Cũng không than khóc chuyện tương lai,

Con chờ hiện tại đang đi tới,
Nên sắc da con giữ được hoài.

91. Khóc than quá khứ đã qua rồi,
Còn chuyện tương lai bất định thôi,
Việc ấy làm khô sinh lực trẻ,
Như khi người cắt cỏ xanh tươi.⁷

Nhà vua nghĩ thầm: “Thôi để ta tấn phong cho vương nhi rồi đem con về triều với ta.” Vì thế, ngài ngâm kệ mời vương tử về chung hưởng ngai vàng:

92. Con hỡi, các bày tượng, mã, xa,
Bộ binh, kỵ sĩ của hoàng gia,
Lâu đài cung điện đầy hoan lạc,
Cha sẽ cho con tất cả mà.
93. Và các hậu cung cha cũng ban,
Với bao vinh hiển, mọi cao sang,
Con là vua ở ngôi duy nhất,
Hãy nắm vương quyền, trị nước an!
94. Mỹ nhân tài giỏi múa, đàn, ca,
Điều luyện bao cung cách thướt tha,
Ru cỗi lòng con vào khoái lạc,
Sao còn thơ thẩn mãi rừng già?
95. Con gái của bao vị địch quân,
Tự hào hầu hạ cạnh con luôn,
Đến khi sinh được nhiều vương tử,
Con hãy làm tu sĩ ẩn thân.
96. Con đầu lòng kế vị cha đây,
Trong tuổi đầu xuân rực rỡ vậy,
Hãy tận hưởng ngai vàng trọn vẹn,
Con làm gì ở thảo am này?

Bồ-tát đáp lại:

97. Không, trẻ muốn từ giã thế gian,
Tránh bao phù phiếm ở phàm trần,
Cuộc đời khổ hạnh con yêu nhất,
Khuyên nhủ như vậy mọi Trí nhân.
98. Không, con trẻ muốn xuất trần gian,
Ẩn sĩ đơn thân ở thảo am,
Con sẽ đi theo đời khổ hạnh,
Con không thiết phú quý, ngai vàng.

⁷ Hai câu kệ 90-91, xem S. I. 5, *Araññasutta* (Kinh Rừng núi).

99. Con ngắm bé trai, miệng trẻ thơ,
Vừa kêu bập bẹ “mẹ” cùng “cha”,
Lớn lên thành một chàng trai trắng,
Rồi cũng già nua, phải chết mà.
100. Cũng vậy thiếu nữ độ hoa cười,
Vui vẻ, đẹp xinh trước mọi người,
Phút chốc úa tàn vì lưỡi hái,
Tử thần cắt bỏ tựa măng tươi.
101. Mọi người nam nữ đâu còn xuân,
Phút chốc úa tàn, vậy thế nhân,
Ai đặt lòng tin vào cuộc sống,
Bị lừa phỉnh bởi tuổi xuân hồng.⁸
102. Đêm tàn nhường chỗ ánh bình minh,
Phút chốc cũng thu ngắn lộ trình,
Như cá ở vùng khô cạn nước,
Nghĩa gì tuổi trẻ của nhân sinh?
103. Đời này bị đánh ngã, đau thương,
Luôn bị canh phòng bởi địch quân,
Chúng mãi đi qua đây ác ý,
Sao còn nói mào miện, ngai vàng?

Vua xứ Kāsi đáp kệ:

104. Ai đánh ngã đời sống thế gian,
Nào ai canh giữ thật hung tàn,
Nào ai ác ý đi qua mãi,
Hãy nói chuyện huyền bí rõ ràng?

Bồ-tát thưa:

105. Thần chết đánh tan thế giới này,
Tuổi già canh giữ cửa ta đây,
Chính đêm tối vẫn trôi qua mãi,
Đạt thành mục đích chóng hay chầy.
106. Như khi bà nọ bên khung cửi,
Ngồi dệt vải trong suốt cả ngày,
Công việc của bà dần ít lại,
Đời ta tàn lụi cũng như vậy.
107. Như thể dòng sông cuộn cuộn trôi,
Vẫn luôn trôi chảy chẳng hề lui,

⁸ Hai câu kệ 101-02, tham chiếu: *Xuất diệu kinh* “Vô thường phẩm” 出曜經無常品 (T.04. 0212.1. 0609b22); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Hữu vi phẩm” 法集要頌經有為品 (T.04. 0213.1. 0777a02).

Dòng đời thế tục là như vậy,
Cũng cứ luôn đi tới mãi thôi.

108. Như thể dòng sông cuốn thật xa,
Những cây bật gốc ở đôi bờ,
Con người cũng chịu lao đầu tới,
Hủy hoại do thân chết, tuổi già.

Khi nghe lời thuyết giảng của bậc Đại sĩ, vua sinh nhàm chán cuộc sống thế tục chỉ muốn xuất gia liên bảo:

– Ta không muốn trở về kinh thành nữa, ta sẽ sống đời tu hành tại đây, nếu con ta chịu về, ta sẽ truyền trao cho cây lọng trắng này.

Vì thế, vua cố thử mời mọc lần nữa để vương tử trở lại ngai vàng:

109. Con hỡi, các bày tượng, mã, xa,
Bộ binh, kỵ sĩ của hoàng gia,
Lâu đài cung điện đầy hoan lạc,
Cha sẽ cho con tất cả mà.
110. Và các hậu cung, cha cũng ban,
Vớ bao vinh hiển mọi cao sang,
Con là vua ở ngôi duy nhất,
Hãy nắm vương quyền, trị nước an!
111. Mỹ nhân tài giỏi múa, đàn, ca,
Điều luyện bao cung cách thướt tha,
Ru cỗi lòng con vào khoái lạc,
Sao còn thơ thẩn mãi rừng già?
112. Con gái của bao vị địch quân,
Tự hào hầu hạ cạnh con luôn,
Đến khi sinh được nhiều vương tử,
Con hãy làm tu sĩ ẩn thân.
113. Con đầu lòng kế vị cha đây,
Trong tuổi đầu xuân rực rỡ vậy,
Hãy tận hưởng ngai vàng trọn vẹn,
Con làm gì ở thảo am này?
114. Công khổ và kho báu của cha,
Bộ binh, kỵ mã của hoàng gia,
Đền đài cung điện đầy hoan lạc,
Cha sẽ cho con tất cả mà.
115. Nô lệ từng đoàn phụng sự luôn,
Vương phi, mỹ hậu để yêu thương,
Ngai vàng tận hưởng đầy khang kiện,
Sao ở mãi đây chốn thảo đường?

Nhưng bậc Đại sĩ tỏ ra không chút gì ham thích ngai vàng:

- 116.** Sao kiếm giàu sang chẳng vững bền?
 Sao mong cầu, vợ cũng quy tiên?
 Sao suy nghĩ mãi về xuân sắc?
 Thoáng chốc xuân xanh sẽ hết liền,
 Còn lại tuổi già hăm dọa đó,
 Bao giờ cũng đứng cạnh triền miên.
- 117.** Đâu lạc thú đem đến cuộc đời,
 Đẹp giàu, ngự thiện, thú vui chơi,
 Thê nhi có nghĩa gì con nử,
 Xiềng xích con nay giải thoát rồi.
- 118.** Điều con biết mọi chốn đi đường,
 Số phận luôn canh giữ chẳng ngừng,
 Lạc thú sang giàu đâu ích lợi,
 Cho người thấy móng vuốt ma thần.⁹
- 119.** Tựa như quả chín phải lìa cành,
 Nguy hiểm này đây lẽ rõ ràng,
 Cũng vậy nguy cơ người gánh chịu,
 Có sanh phải tử ấy thường tình.
- 120.** Buổi sáng còn trông thấy nhiều người,
 Tối về chẳng gặp, chẳng còn ai,
 Những người buổi tối còn trông thấy,
 Lại chẳng thấy ai buổi sáng mai.
- 121.** Hôm nay làm việc bạn cần làm,
 Ai chắc ngày mai có ánh quang?
 Thân chết chính là viên đại tướng,
 Không cho ai bảo đảm an toàn.¹⁰
- 122.** Trộm luôn rình rập lấy kho tàng,
 Con đã thoát bao mối buộc ràng,
 Cha hãy trở về vương vị cũ,
 Con màng gì nữa với giang san!

⁹ Tham chiếu: J. IV. 126, *Dasarathajātaka* (Chuyện Đại vương Dasaratha), số §461; Sn. 112, *Sallasutta* (Kinh Mũi tên); *Pháp cú kinh* “Sanh tử phẩm” 法句經生死品 (T.04. 0210.37. 0574a06); *Pháp cú thí dụ kinh* “Sanh tử phẩm” 法句譬喻經生死品 (T.04. 0211.37. 0605c18); *Xuất diệu kinh* “Vô thường phẩm” 出曜經無常品 (T.04. 0212.1. 0609b22); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Hữu vi phẩm” 法集要頌經有為品 (T.04. 0213.1. 0777a02).

¹⁰ Xem M.III. 187, *Bhaddekarattasutta* (Kinh Nhất dạ Hiền giả), số 31; M.III. 189, *Ānandabhaddekarattasutta* (Kinh A-nan Nhất dạ Hiền giả), số 132; M. III. 192, *Mahākaccānabhaddekarattasutta* (Kinh Đại Ca-chiên-diên Nhất dạ Hiền giả), số 133; M. III. 199, *Lomasakaṅgiyabhaddekarattasutta* (Kinh Lomasakaṅgiya Nhất dạ Hiền giả), số 134.

Khi bậc Đại sĩ chấm dứt bài giảng đầy thực tiễn của ngài, không những chỉ nhà vua và vương hậu nghe theo ngài mà cả mười sáu ngàn cung phi cũng muốn sống đời tu hành. Rồi vua ban lệnh đi khắp kinh thành cùng với tiếng trống vang dậy rằng ai muốn làm ẩn sĩ đều được đi tu với vương tử của ngài.

Vua bảo mở cửa kho báu ra, truyền viết chiếu chỉ trên một chiếc đĩa vàng, dựng trên một cột tre, ban lệnh rằng các bình châu báu của vua sẽ được đem trưng bày ra nhiều nơi và người nào muốn lấy cũng được.

Dân chúng bỏ nhà, mở hết mọi cửa ngõ như mở hội chợ và ra đường vây quanh nhà vua. Vua cùng với dân chúng ấy đều thề nguyện sống khổ hạnh trước bậc Đại sĩ. Am ẩn sĩ được Thiên chủ Sakka cho dựng lên suốt ba do-tuần. Bậc Đại sĩ bước qua các túp lều làm bằng lá cành cây này, chỉ định các lều ở giữa dành cho phụ nữ vì họ bản tánh rụt rè. Còn những lều bên ngoài dành cho phái nam. Vào ngày trai giới, họ đều đứng ở vùng đất ấy, tụ tập lại ăn trái cây do Vissakamma trồng trước đây và họ giữ giới luật tu hành. Bậc Đại sĩ biết rõ tâm người nào đang chìm đắm vào dục tưởng, sân tưởng hay hại tưởng liền ngồi trên không thuyết pháp cho từng người và trong khi nghe pháp, họ nhanh chóng tăng trưởng các thắng trí và các thiện chứng.

Một vị vua láng giềng hay tin vua xứ Kāsi đã trở thành vị khổ hạnh liền quyết định lập vương quốc của mình tại Ba-la-nại. Vì thế, vua ấy vào kinh thành, thấy khắp nơi trang hoàng rực rỡ. Vua bước vào cung chiêm ngưỡng đồ thất bảo và nghĩ thầm chắc phải có chuyện nguy hiểm gì đó quanh ngôi báu này. Vua bảo đi triệu vài kẻ đang say rượu vào và hỏi họ vị vua trước đây rời cung điện bằng cung môn nào.

Họ tâu lên:

– Tâu Đại vương, bằng Đông môn.

Vì thế, vua thân hành ra cổng thành ấy và đi thẳng tới dọc theo bờ sông. Bậc Đại sĩ biết vua ấy đến, bước ra đón vua và ngồi trên không thuyết pháp. Rồi lúc đó vị vua định chiếm nước này lại nguyện xuất gia cùng với hội chúng của mình. Và việc này lại xảy ra một lần nữa cho một vị vua khác.

Như vậy, có cả ba quốc độ không người cai trị, voi ngựa được thả đi lang thang khắp các khu rừng. Xe ngựa gãy tan tành vứt trong rừng, tiền bạc trong các kho báu nhiều như cát bụi, tung vãi quanh vùng am ẩn sĩ. Các cư dân tại đó chứng đắc tám thiện chứng và lúc mạng chung đều được sinh lên Phạm thiên giới. Ngoài ra, ngay cả ngựa, voi có tâm được an tịnh nhờ chiêm ngưỡng các bậc Hiền trí, cuối cùng được tái sinh vào sáu cõi thiên ở dục giới.

Khi bậc Đạo sư đã thuyết pháp thoại này xong, Ngài bảo:

– Nay các Tỷ-kheo, không phải chỉ ngày nay mà ngày xưa kia Ta cũng đã từ bỏ ngai vàng và xuất gia sống đời khổ hạnh.

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Nữ thần trong chiếc lọng là Uppalavaṇṇā (Liên Hoa Sắc), người lái xe là Sāriputta (Xá-lợi-phất), cha mẹ Ta là đại vương và hoàng hậu, triều đình là hội chúng của Như Lai và Trí giả què cằm chính là Ta.

§539. CHUYỆN ĐẠI VƯƠNG MAHĀJANAKA

*(Mahājanakajātaka)*¹¹ (J. VI. 30)

Chàng là ai, chiến đấu anh hùng...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong khi đang ở tại Jetavana (Kỳ Viên) về đại sự xuất thế cao cả của Ngài.

Một ngày kia, các Tỷ-kheo ngồi tại pháp đường bàn luận về việc xuất thế của đức Như Lai. Bậc Đạo sư đến và nghe vấn đề này, Ngài bảo:

– Nay các Tỷ-kheo, đây không phải là lần đầu tiên Như Lai thực hành đại sự xuất thế, trước kia Như Lai cũng đã làm như vậy.

Rồi Ngài kể một chuyện quá khứ.

Ngày xưa, có một vị vua tên là Mahājanaka trị vì Mithilā trong quốc độ Videha. Ngài có hai con trai là Ariṭṭhajanaka và Polajanaka. Ngài phong thái tử làm vua kế nghiệp và vương tử thứ hai làm đại tướng quân. Sau đó, khi Vua Mahājanaka qua đời, Ariṭṭhajanaka lên ngôi vua và lại phong vương đệ làm vị kế nghiệp.

Một ngày kia, có một nô lệ vào tâu vua rằng vương đệ muốn giết ngài. Nhà vua nghe tâu chuyện đó nhiều lần đâm ra nghi ngờ, ra lệnh cầm tù Polajanaka trong gông cùm và canh giữ chàng kỹ ở một nơi không xa hoàng cung. Vương tử phát nguyện:

– Nếu ta là kẻ thù của anh ta thì cứ cho các xiềng xích và cửa ngõ không ai mở ra được; nếu không thì xin các xiềng xích, cửa ngõ hãy mở ra hết!

Lập tức các xiềng xích đứt ra từng mảnh và cửa ngõ bật tung. Vương tử liền thoát ra, đi đến một làng ở biên địa và sống ở đó.

Dân chúng nhận ra vương tử liền đến hầu hạ chàng, vì thế nhà vua không thể nào ra lệnh bắt chàng được. Dần dà, chàng trở thành người cai trị xóm làng ở vùng biên địa ấy. Với đoàn tùy tùng đông đảo, chàng nghĩ thầm: “Ngày trước ta không phải là kẻ thù của anh ta, nhưng nay ta lại là kẻ thù của anh ta rồi.” Thế rồi, chàng trở lại Mithilā với đông đảo người hầu cận đóng quân phía ngoài kinh thành.

¹¹ Xem J. I. 267, *Mahāsīlavajātaka* (Chuyện Vua Sīlavā vĩ đại), số §51; J. IV. 269, *Sarabhamigajātaka* (Chuyện lộc vương Sarabha), số §483; J. IV. 355, *Sādhinajātaka* (Chuyện Đại vương Sādhina), số §494; J. VI. 481, *Vessantarajātaka* (Chuyện Đại vương Vessantara), số §547; Ap. II. 354, *Todeyyattheraapadāna* (Ký sự về Trưởng lão Todeyya).

Dân chúng hay tin vương tử trở về liền đem voi ngựa đến đón chàng, và dân chúng các thành thị khác cũng đến tụ tập quanh vương tử. Sau đó, chàng gửi một thông điệp cho anh của chàng: “Ngày xưa ta không phải là kẻ thù của ngươi, nhưng nay ta chính là kẻ thù của ngươi đó. Hãy trao lại ta cây lọng trắng của vua, không thì ta gây chiến!”

Khi vua sắp ra chiến trường, ngài già từ chánh hậu:

– Này Ái khanh, không ai biết trước được thắng bại ở sa trường. Nếu ta có mệnh hệ nào, Ái khanh phải bảo vệ vương nhi trong bụng thật cẩn thận.

Rồi ngài ra đi và binh lính của Vương tử Polajanaka đã sớm kết liễu đời ngài trong chiến địa. Tin nhà vua tử trận gây đại hỗn loạn khắp kinh thành. Vương hậu hay tin dữ, vội thu góp tư trang quý giá nhất vào trong một chiếc giỏ, trái khế và gạo trên mặt, ăn mặc đơn giản, cải trang, đội giỏ lên đầu và trốn đi vào lúc nào không ai hay biết.

Bà đi ra cửa Bắc nhưng không biết đường vì bà chưa hề đi đâu cả, lại không biết nhắm hướng địa bàn. Trước kia, bà có nghe nói đến kinh thành Kālacampā nên bà ngồi chờ hỏi thăm xem có ai đi đến Kālacampā không.

Lúc bấy giờ, hải nhi trong bụng bà không phải đứa trẻ tầm thường mà đó là bậc Đại sĩ tái thế sau khi đã thành tựu các công hạnh viên mãn (Ba-la-mật) nên làm cho Thiên chủ Sakka rung động vì uy lực của vị ấy. Thiên chủ Sakka xem xét duyên cớ và nghĩ rằng có lẽ một bậc Đại sĩ tài đức đang được cu rơ mang trong bụng chánh hậu nên ngài phải đi xem sao. Thế là ngài làm phép hiện ra một chiếc xe có phủ trần và đặt một chiếc giường lên rồi đứng đợi trước cửa ngôi nhà vương hậu đang ngồi, giả dạng làm một lão già lái xe ngựa và hỏi có ai muốn đi đến Kālacampā không.

– Cha ơi, con muốn đi đến đó!

– Thế thì leo lên mà ngồi, con gái ạ!

– Cha ơi, con có thai gần ngày nên không leo được, con muốn ngồi đằng sau, cho con chỗ để chiếc giỏ này của con thôi!

– Con gái ơi, nói gì vậy? Không ai biết lái xe như lão đâu, đừng sợ, cứ leo lên và ngồi xuống!

Nhờ thần lực của Thiên chủ, mặt đất trời lên cao đưa bà leo lên đến tận phía sau xe. Khi nằm trên giường, bà đoán biết đây phải là một vị thần. Vừa đặt mình xuống chiếc giường thần, bà liền ngủ ngay. Sau chừng ba mươi do-tuần, Thiên chủ Sakka đến một con sông, đánh thức bà dậy và bảo:

– Con gái ơi, hãy dậy mà tắm sông, đầu giường có một cái áo choàng cứ mặc vào, trong xe có bánh cứ ăn nhé!

Bà làm theo lời Thiên chủ rồi lại lên giường nằm đến chiều tối. Khi đến Kālacampā, bà thấy cổng thành, tháp chuông và thành lũy. Bà hỏi thành này tên gì, Thiên chủ đáp:

– Thành Kāḷacampā đó, con gái!

– Cha nói gì thế, từ kinh thành của con đến Kāḷacampā không phải sáu mươi do-tuần đó sao?

– Đúng vậy, con gái, nhưng lão biết đường tắt.

Thế rồi, ngài để bà xuống xe ở cổng Nam.

– Con gái ơi, làng của lão ở đằng kia kia, con gái cứ vào kinh thành đó.

Nói xong, Thiên chủ Sakka biến đi, trở lại cõi trời. Vương hậu ngồi xuống một thềm nhà bên đường. Lúc bấy giờ, có một Bà-la-môn dạy kinh Vệ-đà ở tại thành Kāḷacampā đang cùng năm trăm đệ tử đi tắm, chợt thấy vương hậu ngồi đó, dáng điệu xinh đẹp và thanh lịch. Và nhờ thần lực của bậc Đại sĩ trong bụng bà nên người này thấy mến yêu bà như đối với một cô em gái liền bảo các đồ đệ đợi bên ngoài, một mình bước lên thềm nhà, hỏi bà:

– Đây cô em, cô ở xóm làng nào?

Bà đáp:

– Ta là chánh hậu của Vua Aritṭhajanaka ở kinh thành Mithilā.

– Tại sao bà đến đây?

– Đức vua vừa mới bị em ngài giết chết, ta sợ quá phải đến đây để cứu mạng đứa con sắp ra đời.

– Thế bà có họ hàng tại đây không?

– Không ai cả.

– Đừng lo gì cả, ta là một Bà-la-môn miền Bắc thuộc gia đình có thân thế lớn. Ta là một đại sư danh tiếng khắp xa gần. Ta sẽ chăm sóc bà như em gái ta vậy, hãy gọi ta là anh và ôm chân ta mà khóc la to lên nào!

Bà liền khóc lóc thảm thiết, gục dưới chân ông ta và họ an ủi lẫn nhau. Các đồ đệ của vị thầy chạy đến hỏi cơ sự ra sao.

– Đây là em gái út của ta, cô ấy sinh ra lúc ta đã đi xa nhà.

– Ô, Sư phụ đừng buồn, bây giờ Sư phụ đã gặp lại sư muội rồi!

Vị thầy liền bảo đem lại một xe lớn có mui trên, mời bà lên ngồi và đưa về nhà mình, dặn họ bảo bà vợ ông ta rằng đây là em gái mình và phải đón tiếp tử tế. Bà vợ vị Bà-la-môn này đem nước ấm cho bà tắm xong, dọn giường cho bà nằm. Người Bà-la-môn đi tắm về, vào giờ cơm ông cho gọi cô em gái ra cùng ăn và chăm sóc bà chu đáo trong nhà ông.

Chẳng bao lâu bà hạ sinh một con trai, họ đặt tên hài nhi theo tên tổ phụ là Mahājanaka. Khi lớn lên, cậu bé thường chơi đùa với các thiếu niên khác, và khi chúng trêu ghẹo cậu để khoe dòng dõi chính thống quý tộc (Khattiya) của chúng, cậu thường đánh lại chúng bằng sức mạnh siêu đẳng và lòng dũng cảm của mình.

Khi chúng kêu khóc và được hỏi ai đánh chúng, chúng thường trả lời:

– Con bà góa.

Vương tử suy nghĩ: “Chúng cứ gọi ta là con bà góa mãi, ta sẽ hỏi mẹ xem sao.”

Một hôm, cậu hỏi mẹ:

– Mẹ ơi, con là con của ai?

Bà nói dối cậu, bảo rằng vị Bà-ba-môn là cha cậu. Khi cậu đánh chúng bạn, chúng lại gọi cậu là con bà góa, cậu trả lời vị Bà-la-môn là cha của cậu, chúng vắn lại:

– Vị Bà-la-môn là gì của bạn?

Cậu suy nghĩ: “Mấy tên này bảo ta: ‘Vị Bà-la-môn là gì của bạn?’ Mẹ ta không muốn giải thích việc này cho ta, bà không muốn nói thật vì danh dự của bà, thôi ta phải xin bà nói sự thật cho ta rõ.”

Thế rồi khi bú sữa mẹ, cậu cắn vú bà và bảo:

– Mẹ hãy cho con biết cha con là ai, nếu không con sẽ cắn đứt vú mẹ đấy!

Bà không thể dối cậu được nữa, đành đáp:

– Con ơi, con là con Vua Ariṭṭhajanaka ở thành Mithilā đó, cha con bị chú Polajanaka giết, mẹ phải đem con đến đây để cứu mạng con. Vị Bà-la-môn này xem mẹ như em gái và săn sóc mẹ chu đáo.

Từ đó, cậu không tức giận khi ai gọi cậu là con bà góa nữa. Trước năm mười sáu tuổi, cậu đã thuộc ba tập kinh Vệ-đà và nhiều môn học khác. Khi đến mười sáu tuổi, cậu rất khôi ngô tuấn tú. Cậu nghĩ thầm: “Ta sẽ chiếm lại ngai vàng của cha ta.” Thế rồi, cậu hỏi mẹ:

– Mẹ có tiền không mẹ? Nếu không, con sẽ đi buôn kiếm tiền và giành lại ngai vàng của cha con.

– Con ơi, mẹ đến đây không phải hai tay trắng đâu, mẹ có để dành ngọc ngà, châu báu, kim cương, đủ để chiếm lại ngai vàng. Hãy đem chúng đi giành lại ngôi vua, đừng tính đi buôn nữa!

– Thưa mẹ, hãy cho con một nửa số châu báu đó, con sẽ đi đến Suvaṇṇabhūmi (Xứ Vàng) và làm giàu tại đó, sau đó mới đi lấy lại ngai vàng.

Cậu xin bà một nửa số châu báu và cùng với số vốn liếng đi buôn của cậu, cậu đi theo chiếc tàu buôn và một số thương nhân đi đến Suvaṇṇabhūmi. Cậu từ giã mẹ và nói cho bà biết nơi cậu sắp đến.

– Con ơi, đi biển may ít rủi nhiều, con đừng đi! Con có đủ vàng bạc để chiếm lại ngôi báu mà.

Nhưng cậu nói với mẹ rằng cậu muốn đi nên cậu từ giã bà và lên tàu ra khơi. Cùng ngày ấy, Vua Polajanaka phát trọng bệnh không ngồi dậy được. Còn chiếc tàu buôn chở cả bảy đoàn lũ hành cùng đàn gia súc của họ, trong bảy ngày đi được bảy trăm do-tuần. Nhưng vì quá nặng nề không thể chịu đựng được nữa, ván tàu nứt ra, nước ủa vào mỗi lúc một cao thêm. Tàu bắt

đầu chìm giữa biển cả trong lúc các thủy thủ la khóc thảm thiết và cầu cứu các thần linh.

Riêng bậc Đại sĩ không hề kêu khóc cầu cứu gì cả. Biết rằng con tàu đã tận số, ngài trộn đường với bơ tươi ăn thật no nê rồi bôi dầu vào áo quần sạch, thắt chặt đồ đạc quanh mình cật và đứng dựa cột buồm. Khi con tàu chìm, chiếc cột buồm vẫn đứng thẳng. Người, vật trên tàu đều làm mồi cho cá và rùa biển. Nước biển nhuộm màu máu cả một vùng.

Nhưng bậc Đại sĩ đứng trên cột buồm, định hướng thành Mithilā rồi bay bổng lên từ đỉnh cột buồm, vận dụng hết sức mạnh băng qua bầy cá, rùa biển ấy và rơi xuống cách con tàu chừng khoảng một trăm bốn mươi *cubit*.¹² Cũng vào ngày đó, Vua Polajanaka từ trần.

Sau đó, bậc Đại sĩ vượt dòng sóng biếc, rẽ sóng như một khối vàng ròng. Một tuần trôi qua như chỉ một ngày. Khi nhận biết “nay là ngày trăng tròn”, ngài liền súc miệng bằng nước muối và giữ gìn trai giới. Lúc bấy giờ, tiên nữ Maṇimekhalā (Ngọc Đới) được Bốn Thiên vương cai quản thế gian phong làm thần giữ biển. Các vị ấy bảo nàng:

– Những con người có đạo hạnh như hiếu thảo với mẹ không đáng bị chết chìm dưới biển. Hãy thử tìm và cứu họ!

Nhưng trong bảy ngày liền, nàng không nhìn ra biển và có người cho là tâm trí nàng đã ngẩn ngơ vì ham hưởng lạc thú thiên giới. Có người lại cho là nàng bận đi dự hội ở thiên đình. Tuy thế, đến ngày thứ bảy nàng cũng nhìn ra biển và tự nhủ: “Hôm nay là ngày thứ bảy rồi ta không nhìn ra biển, ai đang tiến tới kia?” Khi thấy bậc Đại sĩ, nàng nghĩ thầm: “Nếu Vương tử Mahājanaka mà chết chìm dưới biển thì ta sẽ không được phép dự hội tại thiên đình.”

Vì thế, nàng hóa hình thật lộng lẫy, đứng trên không gần chỗ Bò-tát và ngâm vãn kệ thứ nhất để thử năng lực của ngài:

123. Chàng là ai, chiến đấu anh hùng,
Giữa đại dương xa hẳ đất bằng,
Bạn hữu là ai chàng tín nhiệm,
Đến bên chàng giúp một tay cùng?

Bò-tát đáp lời:

– Đây là ngày thứ bảy ta ở trên đại dương, ngoài ta ra không có bóng người thứ hai nào cả. Ai đang nói với ta vậy kia?

Rồi nhìn lên không trung, ngài ngâm vãn kệ thứ hai:

124. Biết phận sự ta ở cõi trần,
Khi ta nỗ lực, hỡi thiên thần,
Nơi đây giữa đại dương xa đất,
Ta đáng nam nhi gắng hết lòng.

¹² 140 *cubit* tức khoảng 64m.

Vì muốn nghe pháp lành, nữ thần liền ngâm vãn kệ thứ ba:

- 125.** Đây giữa biển sâu, rộng chẳng cùng,
Bến bờ xa tít mắt vời trông,
Sức chàng tận dụng thành mây khói,
Giữa đại dương, chàng gặp tử thần.

Bồ-tát trả lời:

– Tại sao nàng nói như vậy? Nếu ta mất trong lúc ta gắng hết sức mình thì dẫu sao đi nữa ta cũng không bị ai chê trách.

Rồi ngài ngâm kệ:

- 126.** Ai không có nợ với thân nhân,
Không nợ chư thiên lẫn phụ thân,
Phận sự nam nhân đang thực hiện,
Sau này chẳng ân hận trong lòng.

Kế đó, nữ thần ngâm kệ:

- 127.** Chiến đấu như vậy ích lợi sao,
Phí công vô ích được gì nào?
Báo đền không có gì thành đạt,
Chỉ có tử thần, đổi khổ đau.

Thế là Bồ-tát ngâm các vãn kệ sau để cho nữ thần thấy nàng nhận xét thiếu sáng suốt:

- 128.** Ai nghĩ không gì để đấu tranh,
Và không chiến đấu hết lòng mình,
Bại vong là lỗi cần chê trách,
Vì chính lòng hèn yếu bất thành.
- 129.** Con người dự định việc trên đời,
Làm việc mình xem tốt tuyệt vời,
Dự định thành công hay thất bại,
Tương lai chỉ rõ cuối cùng thôi.
- 130.** Nữ thần chẳng thấy đó hay chẳng,
Chính việc ta nay quyết định phần,
Bao kẻ chết chìm, ta được sống,
Và nàng đang đứng cạnh trên không.
- 131.** Vậy ta chiến đấu hết sức ta,
Qua giữa đại dương thẳng đến bờ,
Trong lúc sức tàn ta vẫn gắng,
Quyết không lùi đến lúc nguy cơ.

Nữ thần nghe những lời lẽ hùng hồn đó liền ngâm vãn kệ tán thán ngài:

132. Chàng đang chiến đấu thật hùng cường,
Giữa biển mênh mông thật bạo tàn,
Chẳng thối lui chối từ nhiệm vụ,
Gắng công nơi phận sự chờ chàng,
Hãy đi đến chốn lòng chàng muốn,
Đừng để gian nan cản bước đường!

Sau đó, nữ thần hỏi ngài muốn đưa đi đâu, ngài đáp:

– Tới kinh thành Mithilā.

Nàng liền tung ngài lên không như một tràng hoa rồi ôm ngài vào lòng như đứa con thân yêu và vọt lên giữa không gian. Bồ-tát ngủ suốt bảy ngày, thân thể ướt đầm nước muối và rung động vì sự tiếp xúc với thần tiên này. Rồi nữ thần mang ngài đến Mithilā, đặt ngài nằm nghiêng bên hữu trên bệ đá dùng để tế lễ trong một vườn xoài, giao cho các nữ thần trong ngôi vườn phò trợ ngài rồi trở về nơi cũ.

Lúc bấy giờ, Vua Polajanaka không có vương tử, chỉ có một công chúa thông thái và hiền đức tên là Sīvalī. Quần thần hỏi nhà vua khi ngài sắp băng hà:

– Tâu Đại vương, chúng thần sẽ trao ngôi báu cho kẻ nào khi Đại vương từ trần?

Nhà vua bảo:

– Hãy giao lại cho kẻ nào làm đẹp lòng Công chúa Sīvalī, hoặc người nào biết được đâu là phía đầu của chiếc ngựa sừng hình vuông, hoặc người nào giương được chiếc cung cần sức mạnh của cả ngàn người, hoặc người nào tìm ra được mười sáu kho báu.

– Tâu Đại vương, xin cho chúng thần biết danh sách mười sáu kho báu ấy.

Nhà vua liền nêu danh sách ấy:

Kho báu phương vàng nhật rạng hồng,
Kho phương vàng nhật lặn, hoàng hôn,
Kho tàng trong, với kho ngoài ấy,
Kho báu không ngoài cũng chẳng trong.

Kho ở nơi lên, xuống tượng vương,
Ở nơi bốn trụ sālā giường,
Ở đầu răng, với ở đầu đuôi ấy,
Và khoảng ách xe ngựa khắp vòng.

Kho nơi cổ thụ ở đầu cành,
Ở Kebuka hồ nước xanh
Mười sáu kho châu báu ngọc quý,
Phải tìm nơi để các kho tàng.

Chiếc cung cần một ngàn nam tử,
Làm đẹp lòng công chúa ngựa sừng.

Ngoài các kho báu trên, vua còn nêu danh sách các kho báu khác. Sau khi vua từ trần, các đại thần làm lễ tổng táng xong, vào ngày thứ bảy, họ hội họp lại và quyết định:

– Đại vương ban lệnh chúng ta giao ngôi báu cho kẻ nào làm đẹp lòng con gái ngài, nhưng ai là kẻ có khả năng làm vừa ý công chúa đây?

Họ đồng đáp:

– Viên đại tướng là một kẻ được vua sủng ái.

Thế rồi, họ cho triệu vị này đến. Vị này liền đến trước cung môn và báo cho công chúa biết ông ta đã đến chầu. Công chúa hiểu duyên cớ gì ông ta đến và đề thử xem ông ta có đủ tài trí xứng đáng với chiếc lọng của hoàng gia không, nàng cho triệu ông ta vào. Nghe lệnh công chúa và ước mong làm đẹp lòng nàng, ông liền chạy lên bệ rồng và đứng cạnh nàng. Muốn thử ông, nàng bảo:

– Chạy ra ngoài sân, nhanh lên!

Ông ta vùng lên chạy, tưởng là công chúa hài lòng lắm. Công chúa lại bảo:

– Đến đây!

Ông ta vội chạy đến. Công chúa thấy ông ta thiếu hẳn tài trí, nàng nói:

– Đến xoa chân ta!

Ông ta liền ngồi xuống xoa chân công chúa cho nàng hài lòng. Thế là, nàng đá vào ngực ông ta té lăn rồi bảo các thị nữ:

– Đánh tên khùng mù quáng ngu ngốc này và lôi cổ nó ra!

Chúng dạ vâng tuân lệnh. Rồi chúng nói với ông:

– Thừa Đại tướng...

Ông ta đáp:

– Thôi đừng nói nữa, nàng ấy không phải là người.

Sau đó, viên quan giữ kho tàng đến, nàng cũng làm nhục ông ta như vậy. Lần lượt các viên quan giữ kho, giữ lọng, giữ kiếm đều bị nàng hạ nhục.

Thế rồi, quần thần quyết định:

– Không kẻ nào làm đẹp lòng công chúa, vậy hãy gả nàng cho kẻ nào giương được cây cung cần sức mạnh của cả ngàn người.

Nhưng không ai giương cung nổi cả. Sau đó, họ bảo:

– Hãy gả nàng cho người nào biết được đầu là đầu của chiếc ngự sàng hình vuông.

Nhưng không một ai biết cả.

– Vậy thì gả nàng cho kẻ nào tìm được mười sáu kho báu.

Nhưng rồi cũng chẳng ai tìm ra. Sau đó, quần thần họp lại bảo nhau:

– Ngôi báu không thể nào không có vua trị, vậy phải làm gì bây giờ?

Lúc đó, vị tể sư của hoàng gia bảo họ:

– Đừng lo, ta phải đem ra một chiếc xe hoa, hễ vị nào được xe hoa rước về thì sẽ có đủ uy lực cai trị cõi Diêm-phù-đề.

Họ chấp thuận, ra lệnh cho cả kinh thành trang hoàng thật lộng lẫy, cho bốn con ngựa màu đỏ tía buộc vào chiếc xe hoa, phủ kín màn vải lên chúng, gắn năm phù hiệu của hoàng gia vào và một đoàn tùy tùng vây quanh bốn phía xe. Bấy giờ, tiếng kèn khua vang dội phía trước xe, chỉ có một người lái xe, ngoài ra không có ai ở trong xe cả. Sau đó, vị tể sư ra lệnh khua chiêng trống ở đằng sau, và sau khi rảy nước trong chiếc bình bằng vàng lên dây cương và roi ngựa, vị này ra lệnh cho xe đi tìm vị vua đủ tài đức cai trị quốc độ.

Chiếc xe hoa oai vệ đi quanh hoàng cung rồi tiến ra đường cái. Vị đại tướng cùng nhiều viên quan trong triều đều tưởng rằng xe đang đi tới phía nhà mình. Nhưng rồi xe cứ đi thẳng ngang qua mọi phố phường trang nghiêm, diễu hành quanh kinh thành, ra khỏi Đông môn và tiến tới ngự viên. Khi ấy xe đi quá nhanh, những người hầu cận bảo xe dừng lại nhưng vị tể sư bảo:

– Đừng dừng lại, cứ để nó đi một trăm do-tuần tùy thích!

Xe tiến vào ngự viên, trình trọng đi vòng quanh bệ đá và dừng lại như thể sẵn sàng cho người bước lên. Vị tể sư ngắm bậc Đại sĩ đang nằm đó và bảo các vị đại thần:

– Thưa các ngài, ta thấy có người nằm nơi bệ đá, ta không biết người đó có đủ tài trí xứng đáng với chiếc lọng trắng của hoàng gia không. Nếu vị này là người có phước báu thì sẽ không thềm nhìn ta đâu, nhưng nếu đó là một kẻ hạ tiện thì sẽ giật mình khiếp sợ khi nhìn thấy ta, vậy hãy đánh chiêng trống lên cả nào!

Vì thế họ khua dậy hàng trăm thứ trống kèn chẳng khác nào tiếng gầm thét của biển cả. Bậc Đại sĩ lúc đó thức giấc vì nghe tiếng ồn ào, mở khăn che đầu ra nhìn quanh thấy đám đông rầm rộ. Ngài nghĩ, có lẽ chiếc lọng trắng đã đến tay ngài nên lại che đầu và quay sang nằm phía bên tả. Vị tể sư mở chân ngài ra xem, ngắm các tướng mạo của ngài và bảo:

– Đừng nói một châu thiên hạ mà làm gì, vị này có đủ uy lực cai trị cả bốn châu.

Thế là ông ta ra lệnh đánh chiêng trống lại lần nữa. Bậc Đại sĩ mở khăn trùm mặt ra, quay người sang bên hữu và nhìn đám đông. Vị tể sư trấn an mọi người xong, chấp hai tay lại cúi xuống trước ngài, cung kính nói:

– Xin Đại vương đứng dậy, vương quốc này thuộc quyền ngài rồi.

Bồ-tát trả lời:

– Thế đức vua đâu?

– Vua đã băng hà.

– Ngài không có vương tử, vương đệ gì sao?

– Tâu Đại vương, không.

– Thôi được, thế thì ta nhận ngài vàng.

Rồi ngài đứng dậy, ngồi xếp bằng trên bệ đá. Quân thần làm lễ Quán đánh phong vương cho ngài tại đó và thế là ngài trở thành Vua Mahājanaka. Rồi ngài bước lên xe về thành với vẻ uy nghi lẫm liệt của bậc đế vương. Ngài vào cung, bước lên ngài vàng, ban chức tước cho các vị đại thần và các quan lại khác.

Lúc bấy giờ, công chúa muốn thử tài của ngài qua cách xử sự đầu tiên liền cho gọi một thị vệ đến bảo:

– Người hãy tâu với Đại vương là Công chúa Sīvalī muốn mời ngài đến lập tức.

Vị vua tài trí này làm như không nghe lời gã, cứ tiếp tục phát họa cung điện:

– Phải thế này mới được!

Biết không thể nào làm nhà vua chú ý tới mình, gã trở lại tâu công chúa:

– Tâu Công chúa, Đại vương nghe Công chúa nói vậy mà cứ tiếp tục phát họa sơ đồ hoàng cung thôi, ngài chẳng quan tâm gì đến Công chúa cả.

Công chúa tự nhủ: “Đây phải là người có tâm hồn cao cả lắm.” Và nàng cho một sứ giả thứ hai, rồi thứ ba đến nữa. Sau cùng, vua vào cung với dáng điệu thông dong thư thái, dáng vẻ oai phong như sư tử. Khi ngài đến gần, công chúa không thể nào đứng yên được trước vẻ uy nghi của ngài liền bước lên đưa tay ra cho ngài vịn. Ngài cầm lấy tay nàng đi lên bệ vàng và sau khi ngự trên vương sàng dưới cây lọng trắng, ngài hỏi các đại thần:

– Khi Tiên đế băng hà, ngài có chỉ dạy các người điều gì không?

Họ đáp:

– Vương quốc phải được giao cho kẻ nào có thể làm đẹp lòng Công chúa.

– Thế Công chúa đã đưa tay cho ta vịn khi ta đến gần nàng, như vậy ta đã làm đẹp lòng nàng rồi, còn điều gì khác nữa?

– Tiên đế bảo vương quốc phải được trao lại cho kẻ biết được phía đầu của ngự sàng hình vuông này.

Vua đáp:

– Điều này khó nói thật, nhưng cũng có thể biết được nhờ sáng kiến.

Thế là ngài rút ra một cây kim vàng trên đầu ngài và đưa cho công chúa, bảo:

– Đặt cái này vào cho đúng chỗ.

Nàng cầm lấy kim đặt vào đầu của chiếc ngự sàng. Cũng có chỗ nói rằng chàng đã đưa nàng thanh kiếm. Nhờ dấu hiệu này, ngài biết đâu là phía đầu ngự sàng nhưng cứ vờ làm như ngài không nghe họ nói. Ngài hỏi họ nói gì và khi họ lặp lại câu đó, ngài bảo:

– Biết đâu chiếc ngự sàng cũng không kỳ diệu gì.

Rồi ngài hỏi:

– Còn gì để thử tài nữa.

Họ đáp:

– Tâu Đại vương, Tiên đế ra lệnh trao ngôi báu cho người nào giường được cây cung cần sức mạnh của cả ngàn người.

Khi họ đem cây cung đến theo lệnh ngài, ngài giường nó lên ngay lúc đang ngồi trên long sàng như thể đó là cái khung xe chỉ của đàn bà.

Ngài bảo:

– Còn gì nữa cứ nói đi!

– Tiên đế ra lệnh trao vương quốc cho kẻ nào tìm ra được mười sáu kho tàng.

– Danh sách đâu?

Các đại thần kể lại danh sách đã nói trên. Trong lúc nghe họ nói, ngài thấy ý nghĩa dần dần sáng tỏ ra như thể trăng hiện lên trên bầu trời.

– Hôm nay chưa phải lúc, để ngày mai ta sẽ đi lấy các kho báu.

Ngày hôm sau, ngài họp quần thần lại và hỏi:

– Tiên đế trước đây có cúng dường các vị Độc Giác Phật không?

Khi nghe họ bảo có, ngài nghĩ thầm: “Mặt trời ở đây không phải là mặt trời thật mà các vị Độc Giác Phật thường được gọi là mặt trời vì hình dáng tương tự như thế. Vậy kho tàng phải ở nơi Tiên đế thường đến gặp các vị này.” Rồi ngài bảo họ:

– Khi các vị Độc Giác Phật đến, Tiên đế thường gặp các Ngài ở đâu?

Họ tâu lại nơi này nơi nọ. Ngài ra lệnh đào chỗ đó lên và tìm ra kho tàng.

– Thế khi Tiên đế tiễn các vị Độc Giác Phật ra về, ngài đứng ở đâu để tạ từ?

Họ tâu lại và ngài ra lệnh đào chỗ đó lên. Quần thần reo hò vang dậy tỏ lòng hân hoan, đồng nói:

– Khi nghe nói chỗ mặt trời mọc, dân chúng trước kia đã quanh quần đảo đất về phía mặt trời mọc thật. Rồi khi nghe phía mặt trời lặn, họ lại đào đất phía đó, nhưng đây mới đúng là kho tàng châu báu, thật là kỳ diệu!

Khi họ bảo:

– Kho tàng bên trong.

Ngài liền cho đào lên kho tàng ở bậc thềm nhà bên trong đại môn của hoàng cung.

– Kho tàng bên ngoài.

Ngài liền cho đào kho tàng ở bên ngoài thềm.

– Không ở trong cũng không ở ngoài.

Ngài cho đào kho tàng ở dưới thêm.

– Ở nơi bước lên.

Ngài cho đào kho tàng ở nơi đặt chiếc thang bằng vàng để nhà vua ngự lên vương tượng.

– Ở nơi bước xuống.

Ngài cho lấy ra kho tàng ở nơi nhà vua ngự xuống từ vương tượng.

– Ở bốn cột trụ lớn bằng gỗ sālā.

Có bốn chân chống lớn dưới vương sàng làm bằng gỗ sālā nơi triều thần phủ phục trên sân châu, từ đó ngài cho lấy ra bốn bình đầy châu báu.

– Khoảng ách xe ngựa khắp vòng.

Lúc bấy giờ, yojana là ách xe ngựa, thế là ngài cho đào quanh long sàng cỡ bằng một ách xe ngựa, rồi lấy ra các bình châu báu.

– Kho tàng ở đầu răng.

Ở nơi vương tượng đứng, ngài lấy ra hai bình châu báu ngay trước hai ngà voi.

– Ở mút đuôi.

Từ nơi vương mã đứng, ngài lấy ra những bình châu báu nằm chỗ đối diện với cái đuôi của vương mã.

– Trong nước kebuka.

Lúc bấy giờ, nước được gọi là kebuka, thế là ngài cho tát hết nước trong hồ của hoàng cung và lấy lên kho báu.

– Kho báu ở ngọn cây.

Ngài lấy ra các bình báu vật chôn trong khoảng tàng cây sālā che bóng trưa giữa vườn ngự uyển. Như vậy, ngài đã lấy ra đủ mười sáu kho báu và hỏi xem còn nữa không, họ đồng đáp:

– Không còn.

Dân chúng vô cùng hoan hỷ. Nhà vua lại bảo:

– Ta sẽ đem châu báu này ra bố thí.

Thế là ngài bảo dựng lên năm sảnh đường bố thí giữa kinh thành và tại các cung môn rồi ban lệnh đại chẩn tế. Sau đó, ngài truyền đi mời mẹ ngài và vị Bà-la-môn từ Kālacampā về tuyên dương, tán thán công đức của hai vị.

Trong những ngày đầu tiên trị nước, Vua Mahājanaka, con trai của Vua Ariṭṭhajanaka, cai trị khắp mọi quốc độ ở Videha. Dân chúng bảo nhau:

– Hoàng đế thật tài đức, chúng ta muốn yết kiến long nhan.

Thế là cả kinh thành xôn xao muốn yết kiến tân vương, đem đến kinh đô đủ lễ vật từ khắp nơi. Họ chuẩn bị đại lễ tại kinh đô, phủ lên hào lũy của hoàng

cung một lớp hồ vữa in dấu tay của họ, treo đầy hương liệu và tràng hoa, tung vãi ngũ cốc rang, hoa, hương trầm mù mịt cả bầu trời và soạn sẵn đủ loại thức ăn nước uống. Khi mang lễ vật vào dâng lên vua, họ đứng vây quanh với đủ loại phẩm vật cứng, mềm, mọi thức uống, trái cây.

Các đại thần ngồi một bên, một bên là các Bà-la-môn, một phía nữa là các thương nhân giàu có, một phía nữa là các vũ nữ xinh đẹp. Các Bà-la-môn danh ca có tài về lễ nhạc, hát vang những khúc hoan ca với hàng trăm nhạc cụ được khua động, vì vậy hoàng cung vang dậy lên âm thanh âm ỉ như giữa lòng đại dương Yugandhara. Khi vua nhìn quanh mọi nơi, hết thấy đều rung động.

Bồ-tát ngồi dưới cây lọng trắng, ngắm cảnh huy hoàng rực rỡ chẳng khác nào cung của Thiên chủ Sakka và ngài hồi tưởng những chiến đấu gian nan của ngài trên đại dương: “Dũng cảm là điều chính đáng cần phải biểu dương, nếu ta không biểu lộ lòng dũng cảm trên đại dương thì làm sao ta được huy hoàng như ngày nay?” Một nỗi hoan hỷ khởi lên trong lòng ngài trong lúc hồi tưởng quá khứ, khiến ngài lập tức bật lên lời cảm hứng:

133. Chỉ cần hy vọng hỡi người ơi,
Bạc Trí sẽ không nản ở đời,
Vì bản thân ta nhìn thấy rõ,
Muốn gì sẽ trở thành vậy thôi!
134. Chỉ cần hy vọng hỡi người ơi,
Bạc Trí sẽ không nản ở đời,
Vì bản thân ta nhìn thấy rõ,
Vượt từ biển nước ta lên bờ.
135. Chỉ cần cố gắng hỡi người ơi,
Bạc Trí sẽ không nản ở đời,
Vì bản thân ta nhìn thấy rõ,
Muốn gì sẽ trở thành vậy thôi!
136. Chỉ cần cố gắng hỡi người ơi,
Bạc Trí sẽ không nản ở đời,
Vì bản thân ta nhìn thấy rõ,
Vượt từ biển nước ta lên bờ.
137. Bạc Trí nhân dù gặp đau thương,
Cũng không tắt ước vọng an khương,
Nhiều lần trải nghiệm lạc, không lạc,
Khi chẳng suy tâm chịu mạng vong.
138. Có việc ta không nghĩ lại sanh,
Việc ta nghĩ đến thì không thành,
Những người nam, nữ được tài sản,
Chẳng phải do suy nghĩ đặc nhanh.

Sau đó, ngài hoàn thành thập vương pháp (mười đức tính của vị minh quân), cai trị rất đúng pháp và thường cúng dường các vị Độc Giác Phật. Cùng với thời gian này, Hoàng hậu Sīvalī hạ sinh một hoàng nam có đầy đủ các tướng tốt lành và được đặt tên là Dīghāvu (Trường Thọ). Khi hoàng tử lớn lên, nhà vua phong con làm phó vương và đã trị vì đất nước bảy ngàn năm.

Một ngày kia, người giữ vườn ngự uyển đem dâng vua đủ loại hoa quả. Vua rất đẹp ý và muốn làm vinh dự cho gã, ngài bảo gã trang hoàng ngôi vườn ngự uyển rồi ngài sẽ đến viếng. Người giữ vườn vâng lời ngài dạy xong liền tâu vua. Ngài liền ngự trên vương tượng có cận thần theo hầu, đi vào cổng ngự viên.

Bấy giờ, gần đó có hai cây xoài xanh tươi, một cây không trái, còn một cây đầy trái rất ngon ngọt. Trước đây, vua chưa nếm trái nào nên không ai dám hái cả. Ngay khi nhà vua đi ngang qua trên mình voi, ngài hái một trái ăn thử. Lúc quả xoài rụng đầu lưỡi ngài, một mùi hương tuyệt diệu xông lên khiến ngài nghĩ thầm: “Khi trở về, ta sẽ hái thêm nhiều trái nữa.” Nhưng khi được biết vua đã nếm trái đầu tiên rồi thì mọi người từ thái tử đến các người quản tượng đều tụ tập lại ăn xoài, còn những người không ăn trái thì lại lấy gậy phá cây, ngắt lá cho đến lúc cây toi tả, xơ xác, trong lúc cây kia vẫn đứng sừng sững tươi đẹp như một ngọn núi ngọc bích. Khi ra khỏi ngự viên, thấy vậy vua liền hỏi các đại thần. Họ tâu:

– Khi dám người này thấy Hoàng thượng đã “ngự” trái đầu tiên rồi thì họ phá cây.

– Nhưng cây kia không mất một ngọn lá nào.

– Nó không thiệt hại gì vì nó không có quả.

Vua vô cùng xúc động liền nghĩ: “Cây này giữ được màu xanh tươi vì nó không có quả, trong lúc cây bạn nó bị tan tành vì có quả. Vương quốc này cũng như cây có quả kia, còn đời người tu hành chẳng khác nào cây không trái. Chính người có của cải mới sợ hãi, chứ kẻ mình trần thân trụi thì chẳng phải sợ gì. Ta sẽ giống như cây không trái kia, chứ chẳng giống cây có trái nọ. Ta quyết sẽ từ bỏ tất cả cảnh huy hoàng lại, từ bỏ thế gian và trở thành vị khổ hạnh.” Quyết định vậy xong, ngài mới vào thành, đứng ở cửa cung, cho mời vị đại tướng vào bảo:

– Nay tướng quân, từ hôm nay đừng cho ai yết kiến ta, trừ một thị giả đem cơm cho ta, một thị giả khác đem nước và bàn chải cho ta súc miệng. Còn khanh hãy cùng các chánh phán quan lão thần trong triều lo cai trị nước. Từ nay, ta sẽ sống đời tu sĩ trên tầng thượng của hoàng cung.

Nói xong, ngài đi lên tầng thượng của hoàng cung một mình và sống đời tu sĩ. Thời gian qua, dân chúng tụ tập trong sân châu mà không yết kiến Bồ-tát được, họ bảo nhau:

– Ngài chẳng giống Đại vương của chúng ta ngày trước.

Rồi họ ngâm kệ:

- 139.** Chúa thượng, Đại vương cõi thế gian,
Đổi thay thật khác trước hoàn toàn,
Hoan ca, ngài chẳng lưu tâm đến,
Vũ nữ, ngài không thiết ngó ngang.
- 140.** Hươu nai, ngự uyển, đàn thiên nga,
Chẳng quyến rũ, đôi mắt hững hờ,
Tĩnh tọa, ngài thành tâm lặng quá,
Để bao việc nước cứ trôi qua.

Họ lại hỏi thị giả và người hầu cận của vua:

– Đại vương có bao giờ nói chuyện với quý vị không?

Họ đáp:

– Không bao giờ cả!

Rồi họ kể lại chuyện đức vua với tâm trí luôn luôn trầm mặc, xa rời mọi dục lạc. Ngài nhớ lại các bậc Hiền hữu của ngài, các vị Độc Giác Phật và tự nhủ: “Ai có thể chỉ cho ta biết nơi an trú của các Hiền nhân đã giải thoát mọi tham ái và đầy đủ mọi công đức này?”

Rồi ngài cảm khái ngâm lớn ba vần kệ:

- 141.** Tránh ngoại cảnh, chuyên chú lạc tâm,
Thoát ràng buộc, sợ hãi phạm trần,
Đâu vườn tiên giới, già cùng trẻ,
Đồng trú bao Hiền thánh, Trí nhân?
- 142.** Bỏ lại đằng sau mọi dục tham,
Ta tôn sùng các Thánh vinh quang,
Giữa đời điên đảo vì cuồng vọng,
Chư vị ly tham, bước tịnh an.
- 143.** Các Ngài phá hết lưới Ma thân,
Cạm bẫy kẻ lừa dối đã giảng,
Thoát mọi buộc ràng thanh thân bước,
Ai đưa ta đến chỗ Ngài chẳng?

Ngài sống đời ẩn sĩ tu hành trong cung vua được bốn tháng, cuối cùng ngài quyết tâm từ bỏ đời thế tục. Ngài thấy cung vua chẳng khác nào một tầng địa ngục ở giữa các thế gian và ba cõi sinh hữu (dục giới, sắc giới, vô sắc giới) đang bốc cháy. Trong tâm trạng ấy, ngài bỗng phát họa cảnh kinh thành Mithilā cùng với ý tưởng: “Bao giờ thì đến lúc ta từ giã kinh thành Mithilā huy hoàng rực rỡ như cung trời Sakka (Đế-thích) này để đi vào dãy Tuyết Sơn khoác áo khổ hạnh?”

144. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
Rời thành phồn thịnh Mithilā,
Công trình cân đối, chia nhiều cấp,
Ôi, biết khi nào thỏa nguyện ta?
145. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
Rời thành phồn thịnh Mithilā,
Công trình rộng lớn, huy hoàng khắp,
Ôi, biết khi nào thỏa nguyện ta?
146. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
Rời thành phồn thịnh Mithilā,
Nơi nhiều thành vách, cung môn đẹp,
Ôi, biết khi nào thỏa nguyện ta?
147. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
Rời thành phồn thịnh Mithilā,
Nơi đồn lũy, tháp canh bền chắc,
Ôi, biết khi nào thỏa nguyện ta?
148. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
Rời thành phồn thịnh Mithilā,
Phân chia đại lộ thật đều đặn,
Ôi, biết khi nào thỏa nguyện ta?
149. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
Rời thành phồn thịnh Mithilā,
Phân chia phố, tiệm, chợ đều đẹp,
Ôi, biết khi nào thỏa nguyện ta?
150. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
Rời thành phồn thịnh Mithilā,
Nơi trâu, bò, ngựa, xe đông đúc,
Ôi, biết khi nào thỏa nguyện ta?
151. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
Rời thành phồn thịnh Mithilā,
Có hoa viên thắm, rừng cây quý,
Ôi, biết khi nào thỏa nguyện ta?
152. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
Rời thành phồn thịnh Mithilā,
Có vườn thượng uyển rừng hoa đẹp,
Ôi, biết khi nào thỏa nguyện ta?
153. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
Rời thành phồn thịnh Mithilā,

- Dãy cung điện với rừng xanh mướt,
 Ôi, biết khi nào thỏa nguyện ta?
154. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
 Rời thành phồn thịnh Mithilā,
 Tường thành ba lớp, có hoàng tộc,
 Được tạo bởi Somanassa,
 Vua xứ Videha danh tiếng,
 Ôi, biết khi nào thỏa nguyện ta?
155. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
 Rời quê hưng thịnh Videha,
 Kho tàng đầy ắp, hộ theo pháp,
 Ôi, biết khi nào thỏa nguyện ta?
156. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
 Rời quê hưng thịnh Videha,
 Hùng cường vô địch, hộ theo pháp,
 Ôi, biết khi nào thỏa nguyện ta?
157. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
 Rời hoàng cung lộng lẫy, nguy nga,
 Chia dinh thự khéo, đo cân đối,
 Ôi, biết khi nào thỏa nguyện ta?
158. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
 Rời hoàng cung lộng lẫy, nguy nga,
 Tường tô đất sét, vôi màu trắng,
 Ôi, biết khi nào thỏa nguyện ta?
159. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
 Rời hoàng cung lộng lẫy, nguy nga,
 Mùi hương tinh khiết bay thoang thoảng,
 Ôi, biết khi nào thỏa nguyện ta?
160. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
 Giã từ các mái tháp gần xa,
 Chia từng phần khéo, đo cân đối,
 Ôi, biết khi nào thỏa nguyện ta?
161. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
 Giã từ các mái tháp gần xa,
 Tường tô đất sét, vôi màu trắng,
 Ôi, biết khi nào thỏa nguyện ta?
162. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
 Giã từ các mái tháp gần xa,

- Mùi hương tinh khiết bay thoang thoảng,
Ôi, biết khi nào thỏa nguyện ta?
163. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
Giã từ các mái tháp gần xa,
Chiên-đàn tầm ướp, hương thoang thoảng,
Ôi, biết khi nào thỏa nguyện ta?
164. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
Rời long sàng quý dát bằng vàng,
Phía trên trải thảm lông dài mịn,
Ôi, biết khi nào thỏa nguyện ta?
165. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
Rời long sàng khảm ma-ni sang,
Phía trên trải thảm lông dài mịn,
Ôi, biết khi nào thỏa nguyện ta?
166. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
Rời y bông vải, lạnh Khoma,
Gấm Kodumba cùng tơ lụa,
Ôi, biết khi nào thỏa nguyện ta?
167. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
Rời hồ nước mát xinh xinh kia,
Thiên nga hồng lượn kêu nhau suốt,
Hồ phủ đầy sen súng như vậy,
Nổi bật sen hồng, hoa súng biếc,
Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?
- 168-69. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
Giã từ vương tượng cả binh đoàn,
Có đai, cương ánh vàng, trang sức,
Điều tượng sư trên thân tọa an,
Tay giữ thương, tay kia giữ móc,
Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?
- 170-71. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
Giã từ ngựa chiến cả binh đàn,
Giống thuần Sindh hiếm, phi nhanh lẹ,
Tô điểm rất nhiều món phục trang,
Điều mã sư mang cung với kiếm,
Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?
- 172-73. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
Giã từ xa chiến cả binh đoàn,

Có giăng cờ hiệu, điểm tô đẹp,
 Trang bị, da beo hổ trái sàng,
 Viên quân xa mang cung, áo giáp,
 Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?

174-75. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
 Giã từ, rời hẳn các kim xa,
 Có giăng cờ hiệu, điểm tô đẹp,
 Trang bị, da beo hổ trái sàng,
 Viên quân xa mang cung, áo giáp,
 Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?

176-77. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
 Giã từ xa bạc ánh cao sang,
 Có giăng cờ hiệu, điểm tô đẹp,
 Trang bị, da beo hổ trái sàng,
 Viên quân xa mang cung, áo giáp,
 Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?

178-79. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
 Giã từ những chiếc mã xa kia,
 Có giăng cờ hiệu, điểm tô đẹp,
 Trang bị, da beo hổ trái sàng,
 Viên quân xa mang cung, áo giáp,
 Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?

180-81. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
 Giã từ những chiếc lạc đà xa,
 Có giăng cờ hiệu, điểm tô đẹp,
 Trang bị, da beo hổ trái sàng,
 Viên quân xa mang cung, áo giáp,
 Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?

182-83. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
 Giã từ hẳn những chiếc ngưu xa,
 Có giăng cờ hiệu, điểm tô đẹp,
 Trang bị, da beo hổ trái sàng,
 Viên quân xa mang cung, áo giáp,
 Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?

184-85. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
 Giã từ những chiếc xe dê kia,
 Có giăng cờ hiệu, điểm tô đẹp,
 Trang bị, da beo hổ trái sàng,
 Viên quân xa mang cung, áo giáp,
 Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?

- 186-87. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
Giã từ những chiếc xe cừ kia,
Có giăng cờ hiệu, điếm tô đẹp,
Trang bị, da beo hồ trái sàng,
Viên quân xa mang cung, áo giáp,
Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?
- 188-89. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
Giã từ những chiếc xe nai kia,
Có giăng cờ hiệu, điếm tô đẹp,
Trang bị, da beo hồ trái sàng,
Viên quân xa mang cung, áo giáp,
Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?
190. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
Giã từ điều tượng sư hùng anh,
Họ mang áo giáp xanh oai vệ,
Tô điếm trên mình các phục trang,
Tay giữ thương, tay kia giữ móc,
Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?
191. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
Giã từ điều mã sư hùng anh,
Họ mang áo giáp xanh oai vệ,
Tô điếm trên mình các phục trang,
Tay giữ cung, tay kia giữ kiếm,
Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?
192. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
Giã từ viên quân xa hùng anh,
Họ mang áo giáp xanh oai vệ,
Tô điếm trên mình các phục trang,
Tay giữ cung, tay tên một bó,
Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?
193. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
Giã từ những xạ thủ hùng anh,
Họ mang áo giáp xanh oai vệ,
Tô điếm trên mình các phục trang,
Tay giữ cung, tay tên một bó,
Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?
194. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
Giã từ những hoàng tử hùng anh,
Họ mang áo giáp nhiều màu đẹp,
Tô điếm trên mình các phục trang,

- Đầu đội vòng hoa vàng óng ánh,
 Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?
195. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
 Giã từ các giáo sĩ thanh cao,
 Chuyên lo các lễ nghi tôn giáo,
 Phục sức, tẩm chiên-đàn loại vàng,
 Mặc vải Kāsi chất lượng nhất.
 Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?
196. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
 Giã từ các đại thần, thân quan,
 Họ đi phía trước, rất anh dũng,
 Tô điểm trên mình áo giáp vàng,
 Lại có mang thêm trang sức quý,
 Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?
197. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
 Giã từ phi, hậu, bảy trăm bà,
 Điểm tô đủ mọi trang sức đẹp,
 Ôi, biết khi nào thỏa nguyện ta?
198. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
 Giã từ phi, hậu, bảy trăm bà,
 Đảm đang, hiểu biết, vòng eo nhỏ,
 Ôi, biết khi nào thỏa nguyện ta?
199. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
 Giã từ phi, hậu, bảy trăm bà,
 Ân cần, niềm nở, lời hiền diệu,
 Ôi, biết khi nào thỏa nguyện ta?
200. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
 Giã từ bát nặng trăm pala,
 Làm bằng vàng, khắc trăm hình ảnh,
 Ôi, biết khi nào thỏa nguyện ta?
- 201-02. Biết đến khi nào ta tiến ra,
 Cả đoàn binh tượng không theo ta,
 Có đai, cương ánh vàng, trang sức,
 Điều tượng sư trên thân tọa an,
 Tay giữ thương, tay kia giữ móc,
 Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?
- 203-04. Biết đến bao giờ ta tiến ra,
 Cả đoàn ngựa chiến không theo ta,

Giống thuần Sindh hiểm, phi nhanh lẹ,
Tô điểm rất nhiều món phục trang,
Điều mã sư mang cung với kiếm,
Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?

205-06. Biết đến bao giờ ta tiến ra,
Cả đoàn xa chiến không theo ta,
Có giăng cờ hiệu, điểm tô đẹp,
Trang bị, da beo hồ trái sàng,
Viên quân xa mang cung, áo giáp,
Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?

207-08. Biết đến bao giờ ta tiến ra,
Đoàn kim xa cũng không theo ta,
Có giăng cờ hiệu, điểm tô đẹp,
Trang bị, da beo hồ trái sàng,
Viên quân xa mang cung, áo giáp,
Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?

209-10. Biết đến bao giờ ta tiến ra,
Cả đoàn xa bạc không theo ta,
Có giăng cờ hiệu, điểm tô đẹp,
Trang bị, da beo hồ trái sàng,
Viên quân xa mang cung, áo giáp,
Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?

211-12. Biết đến bao giờ ta tiến ra,
Đoàn xa mã cũng không theo ta,
Có giăng cờ hiệu, điểm tô đẹp,
Trang bị, da beo hồ trái sàng,
Viên quân xa mang cung, áo giáp,
Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?

213-14. Biết đến bao giờ ta tiến ra,
Lạc đà xa cũng không theo ta,
Có giăng cờ hiệu, điểm tô đẹp,
Trang bị, da beo hồ trái sàng,
Viên quân xa mang cung, áo giáp,
Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?

215-16. Biết đến bao giờ ta tiến ra,
Đoàn ngưu xa cũng không theo ta,
Có giăng cờ hiệu, điểm tô đẹp,
Trang bị, da beo hồ trái sàng,
Viên quân xa mang cung, áo giáp,
Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?

217-18. Biết đến bao giờ ta tiến ra,
 Đoàn xe dê cũng không theo ta,
 Có giăng cờ hiệu, điểm tô đẹp,
 Trang bị, da beo hồ trái sàng,
 Viên quân xa mang cung, áo giáp,
 Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?

219-20. Biết đến bao giờ ta tiến ra,
 Đoàn xe cừu cũng không theo ta,
 Có giăng cờ hiệu, điểm tô đẹp,
 Trang bị, da beo hồ trái sàng,
 Viên quân xa mang cung, áo giáp,
 Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?

221-22. Biết đến bao giờ ta tiến ra,
 Đoàn xe nai cũng không theo ta,
 Có giăng cờ hiệu, điểm tô đẹp,
 Trang bị, da beo hồ trái sàng,
 Viên quân xa mang cung, áo giáp,
 Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?

223. Biết đến bao giờ ta tiến ra,
 Các viên điều tượng không theo ta,
 Họ mang áo giáp xanh oai vệ,
 Tô điểm trên mình các phục trang,
 Tay giữ thương, tay kia giữ móc,
 Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?

224. Biết đến bao giờ ta tiến ra,
 Các viên điều mã không theo ta,
 Họ mang áo giáp xanh oai vệ,
 Tô điểm trên mình các phục trang,
 Tay giữ cung, tay kia giữ kiếm,
 Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?

225. Biết đến bao giờ ta tiến ra,
 Quân xa sư cũng không theo ta,
 Họ mang áo giáp xanh oai vệ,
 Tô điểm trên mình các phục trang,
 Tay giữ cung, tay tên một bó,
 Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?

226. Biết đến bao giờ ta tiến ra,
 Những người xạ thủ không theo ta,
 Họ mang áo giáp xanh oai vệ,
 Tô điểm trên mình các phục trang,

- Tay giữ cung, tay tên một bó,
Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?
227. Biết đến bao giờ ta tiến ra,
Những hoàng tử cũng không theo ta,
Họ mang áo giáp nhiều màu đẹp,
Tô điểm trên mình các phục trang,
Đầu đội vòng hoa vàng óng ánh,
Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?
228. Biết đến bao giờ ta tiến ra,
Mà đoàn giáo sĩ không theo ta,
Họ chuyên các lễ nghi tôn giáo,
Phục sức, tấm chiên-đàn loại vàng,
Mặc vải Kāsi chất lượng nhất.
Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?
229. Biết đến bao giờ ta tiến ra,
Đại thần thân cận không theo ta,
Họ đi phía trước, rất anh dũng,
Tô điểm trên mình áo giáp vàng,
Lại có mang thêm trang sức quý,
Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?
230. Biết đến bao giờ ta tiến ra,
Bảy trăm phi, hậu không theo ta,
Họ mang đủ mọi trang sức đẹp,
Ôi, biết khi nào thỏa nguyện ta?
231. Biết đến bao giờ ta tiến ra,
Bảy trăm phi, hậu không theo ta,
Họ nhiều hiểu biết, vòng eo nhỏ,
Ôi, đến khi nào thỏa nguyện ta?
232. Biết đến bao giờ ta tiến ra,
Bảy trăm phi, hậu không theo ta,
Họ luôn niềm nở, lời hiền diệu,
Ôi, biết khi nào thỏa nguyện ta?
233. Biết đến bao giờ có bát rồi,
Đầu ta đã cạo, đắp y đôi,
Ta đi khát thực ở nhiều chỗ,
Biết đến bao giờ thỏa nguyện, ôi!
234. Bao giờ sẽ có y đôi thường,
Từ các mảnh vải bản bên đường,

- Làm y phần tảo ta dùng mặc,
 Ôi, biết khi nào thỏa ước mong?
235. Bao giờ sẽ có trận mưa dai,
 Mưa đổ suốt trong cả bảy ngày,
 Ta khát thực mang y ẩm ướt,
 Ôi, khi nào có việc như này?
236. Khi nào ta sẽ đi muôn phương,
 Qua các cội cây, các cánh rừng,
 Trong dạ không còn những ước vọng,
 Ôi, điều này sẽ xảy ra bao giờ?
237. Biết đến bao giờ ta độc hành,
 Qua đồi núi hiểm trở, loanh quanh,
 Không còn nỗi hãi kinh, lo lắng,
 Ôi, biết khi nào việc trở thành?
238. Biết lúc nào tu trực hạnh tâm,
 Như người nghệ sĩ thất huyền cầm,
 Đàn hòa tuyệt diệu nghe thanh thoát,
 Ôi, biết khi nào việc trở thành?
239. Đoạn lúc nào thì kiết sử rời,
 Chính đây dục trối cõi người, trời,
 Giống như thợ mộc thật nhuần nhuyễn,
 Gọt láng sạch quanh guốc gỗ rồi?

Lúc bấy giờ, ngài sinh vào thời kỳ con người thọ đến một muôn tuổi. Vì vậy, sau khi trị nước bảy ngàn năm, ngài làm ẩn sĩ, ngài còn ba ngàn năm nữa và lúc bắt đầu sống đời khô hạnh, ngài vẫn còn ở hoàng cung bốn tháng kể từ ngày thấy cây xoài nhưng rồi ngài tự nhủ ở am ẩn sĩ tốt hơn ở hoàng cung.

Thế là ngài bí mật bảo người hầu cận tìm cho ngài vài chiếc y vàng và một bình bát bằng đất bán ở chợ. Ngài cho mời người thợ hớt tóc vào cạo bỏ râu tóc ngài, mặc một y vàng bên trong, một y vàng bên ngoài, đắp một y nữa lên vai. Rồi cầm chiếc gậy, ngài đi lui đi tới nhiều lần trên gác hoàng cung với những bước chân ngắt ngưỡng của một vị Độc Giác Phật. Ngày hôm ấy ngài còn ở đấy, nhưng sáng sớm hôm sau, ngài bắt đầu đi xuống.

Hoàng hậu Sīvalī cho gọi bảy trăm cung nữ được sủng ái vào bảo:

– Đã lâu lắm rồi, cả bốn tháng tròn kể từ khi chúng ta gặp Thánh thượng lần cuối, hôm nay chúng ta sẽ gặp được mặt rồng. Vậy các nàng hãy trang điểm cho mình thật đẹp, làm sao cố mê hoặc Thánh thượng để ngài tham đắm dục lạc không thoát ra nổi!

Được các cung nữ trang sức lộng lẫy hộ tống, hoàng hậu bước lên hoàng cung để yết kiến vua. Nhưng dù thấy ngài đi xuống, bà không nhận ra ngài, cứ

tướng đó là một vị Độc Giác Phật đến giáo hóa vua. Bà đánh lễ và đứng qua một bên, rồi Bồ-tát bước xuống khỏi hoàng cung. Nhưng hoàng hậu khi lên lầu ngắm các lọn tóc của vua màu ong nghệ rớt trên long sàng cùng các vật dụng tắm rửa của ngài liền thét lên:

– Đó không phải vị Độc Giác Phật đâu, có lẽ đó là Thánh thượng tôn quý của ta rồi. Thôi ta phải van xin ngài trở lại!

Thế là từ gác hoàng cung đi xuống sân rồng, hoàng hậu cùng các cung phi xõa tóc rũ rượi trên lưng, đầm ngực đi theo nhà vua than khóc thảm thiết:

– Ôi, Đại vương, sao ngài nữ làm vậy?

Cả kinh thành náo động lên, dân chúng ùa theo đức vua khóc lóc:

– Thánh thượng đã làm ân sĩ rồi, ta còn tìm đâu ra một vị anh quân như vậy nữa?

Lúc ấy, bậc Đạo sư tả cảnh các cung phi khóc lóc và nhà vua cứ bỏ mặc họ mà đi, đã ngâm kệ này:

240. Bảy trăm nàng hậu với phi tần,
Tô điểm trên người mọi phục trang,
Tay hướng lên cao, than khóc lớn:
“Sao ngài nữ bỏ thiếp lên đàng?”

241. Bảy trăm nàng hậu với phi tần,
Họ có eo thon, rất đầm đàng,
Tay hướng lên cao, than khóc lớn:
“Sao ngài nữ bỏ thiếp lên đàng?”

242. Bảy trăm nàng hậu với phi tần,
Niềm nở, ân cần, lời dịu ngoan,
Tay hướng lên cao, than khóc lớn:
“Sao ngài nữ bỏ thiếp lên đàng?”

243. Giã từ phi, hậu, bảy trăm nàng,
Tô điểm trên người mọi phục trang,
Đại đế lên đường rời chỗ ấy,
Ngài luôn trọng cất ái, ly gia.

244. Giã từ phi, hậu, bảy trăm nàng,
Họ có eo thon, rất đầm đàng,
Đại đế lên đường rời chỗ ấy,
Ngài luôn trọng cất ái, ly gia.

245. Giã từ phi, hậu, bảy trăm nàng,
Niềm nở, ân cần, lời dịu ngoan,
Đại đế lên đường rời chỗ ấy,
Ngài luôn trọng cất ái, ly gia.

246. Giã từ chén rượu lễ đăng quang,
Dấu xưa vương giả cảnh huy hoàng,
Hôm nay ngài lấy bình bằng đất,
Sự nghiệp mới đang phải khởi đường.¹³

Hoàng hậu Sīvalī thấy khóc than không thể cản bước vua được liền nghĩ một cách khác. Bà cho triệu viên đại tướng quân đến, ra lệnh đốt lửa trước mặt vua, giữa những căn nhà hoang phế nằm trên hướng vua đi tới, chất cao cỏ rác thành từng đống, khói tỏa mịt mù khắp nơi. Vị này tuân lệnh. Rồi bà chạy đến bên chân vua, quỳ xuống dưới chân ngài, râu rắng kinh thành Mithilā đang bốc cháy qua hai vãn kệ này:

247. Thật là khủng khiếp, lửa hoành hành,
Kho báu, kho hàng cháy thật nhanh,
Vàng, bạc, ngọc, sò lẫn lượt cháy,
Thảy đều tiêu hủy đến tan tành.
248. Xiêm y lỏng lẫ, ngà, da, đồng,
Tất cả gặp chung phận phũ phàng,
Tâu Chúa thượng, xin mau trở lại,
Cứu tài sản trước lúc tiêu vong!

Bồ-tát trả lời:

– Ô hay, Hoàng hậu nói gì vậy? Kẻ nào có của cải mới lo bị đốt cháy, chứ ta có gì đâu?

249. Ta chẳng có đâu của cải gì,
Sống không lo lắng hoặc sầu bi,
Mithilā có nguy cơ cháy,
Ta cũng chẳng còn cháy vật chi!¹⁴

Nói xong, ngài đi ra phía Bắc môn, các cung phi cũng theo sau. Hoàng hậu Sīvalī ra lệnh bảo họ chỉ cho ngài xem các làng mạc bị tàn phá, đất bị bỏ hoang và họ lại chỉ cho ngài thấy nhiều người mang khí giới chạy đi cướp bóc khắp nơi, trong khi một số người khác được phết sơn đỏ lên người và khiêng đi trên các tấm ván như thể bị thương hay đã chết rồi. Dân chúng la hét lên:

– Tâu Đại vương, trong khi ngài gìn giữ giang sơn, chúng phá phách giết hại đồng bào như vậy đó.

Thế là hoàng hậu ngâm vãn kệ van xin vua trở về:

¹³ Xem *Thag.* v. 97, 892.

¹⁴ Tham chiếu: *Dh.* v. 200; *S.* I. 113, *Pinḍasutta* (Kinh Khất thực); *Pháp cú kinh* “An ninh phẩm” 法句經安寧品 (T.04. 0210.23. 0567b17); *Pháp cú thí dụ kinh* “An ninh phẩm” 法句譬喻經安寧品 (T.04. 0211.23. 0594c07); *Xuất diệu kinh* “Lạc phẩm” 出曜經樂品 (T.04. 0212.31. 0753a10); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Lạc phẩm” 法集要頌經樂品 (T.04. 0213.30. 0794a16).

250. Bọn giữ rừng đang bỏ đất hoang,
Xin ngài về cứu độ toàn dân,
Giang sơn đừng để ngài không trị,
Đành sụp đổ vô vọng nát tan.

Nhà vua suy nghĩ: “Khi ta đang cai trị, không có cướp bóc nào nổi lên phá hoại đất nước cả, chắc đây là trò bịa đặt của Hoàng hậu Sīvalī.” Vì vậy, ngài ngâm các vần kệ này như thể ngài không biết bà nói gì:

251. Ta chẳng có đầu của cái gì,
Sống không lo lắng hoặc sầu bi,
Giang sơn có thể nằm hoang vắng,
Nhưng chính ta không thiệt hại chi.
252. Chúng ta không có của gì riêng,
Sống chẳng lo âu, chẳng muộn phiền,
Thọ hưởng niềm vui trong cực lạc,
Khác gì một vị Quang Âm thiên.

Dù ngài nói vậy, dân chúng vẫn đi theo ngài, ngài tự nhủ: “Họ không muốn trở về, vậy ta phải buộc họ trở về.” Rồi khi ngài đi được chừng nửa dặm, ngài quay lui hỏi vị đại thần:

- Đất nước này của ai đây?
- Tâu Đại vương, đất nước của Đại vương.
- Vậy thì hãy trừng phạt kẻ nào vượt khỏi ranh giới này.

Nói xong, ngài vạch một lần ranh bằng cây gậy của ngài. Không một kẻ nào dám vi phạm ranh giới này cho nên dân chúng đứng sau lần ranh la khóc ầm ĩ. Hoàng hậu cũng không thể vượt lần ranh, chỉ biết nhìn theo nhà vua đang đi xa dần, quay lưng về phía bà. Rồi bà không ngăn được sầu khổ, đầm ngực khóc lóc, ngã xuống, cố vượt qua khỏi lần ranh. Dân chúng la to:

- Quân canh giữ đã phá lần ranh rồi.

Thế là họ theo gương hoàng hậu bước qua.

Bậc Đại sĩ đi về phía bắc dãy Himavanta (Tuyết Sơn), hoàng hậu cũng đi theo ngài, kéo theo cả binh sĩ cùng đàn voi ngựa để cưỡi. Vua không ngăn chặn họ được nên cứ tiếp tục cuộc hành trình chừng sáu mươi do-tuần nữa.

Lúc bấy giờ, có một ẩn sĩ tên gọi Nārada ở trong Kim động thuộc dãy Himavanta đã chứng được năm thắng trí. Sau bảy ngày nhập định, vị ấy xuất thiên và đắc thắng reo lên:

- Ôi, cực lạc! Ôi, cực lạc!

Rồi trong khi vị ấy dùng thiên nhãn nhìn xem có ai trong cõi Diêm-phù-đề này đang đi tìm cực lạc như vậy không, chợt vị ấy thấy Bồ-tát Mahājanaka. Vị ấy nghĩ: “Ông vua này đã làm đại sự xuất thế nhưng lại không ngăn được đám

đông dân chúng do Hoàng hậu Sīvalī dẫn đường, họ có thể gây cản trở cho ngài. Vậy ta phải khích lệ sao cho nhà vua giữ chí nguyện vững vàng hơn nữa.”

Rồi vị ấy dùng thần lực đứng trên không trước mặt vua ngâm kệ để giúp tăng cường quyết tâm của ngài:

- 253.** Do đâu huyền náo ở đằng kia,
Nhu thể là đình đám hội hè,
Sao đám đông này đang tụ tập,
Xin ngài ă sĩ nói cho nghe?

Vua liền đáp:

- 254.** Ta đã vượt ranh giới, xuất gia,
Cho nên dân chúng đến đây mà,
Ta xa đời với lòng an lạc,
Người đã biết rồi, sao hỏi ta?

Vị ă sĩ ngâm vần kệ để xác nhận ý chí của vua:

- 255.** Đừng nghĩ rằng ngài đã vượt ranh,
Vẫn còn dao động ở trong mình,
Vẫn còn chướng ngại ngay đằng trước,
Chiến thắng ngài chưa thể đạt thành.

Bậc Đại sĩ lớn tiếng tuyên bố:

- 256.** Không dục lạc dầu thuộc loại nào,
Làm sòn ý chí vững bền đâu,
Cừu nhân nào cản đường ta được,
Trong lúc ta đang tới đích mau?

Sau đó, ă sĩ ngâm vần kệ nêu rõ các chướng ngại:

- 257.** Hôn trầm, phóng dật theo tham dục,
Mê đắm, tâm bất mãn, hận sân,
Thân đón bọn này như khách quý,
Tất nhiều chướng ngại phải đa mang.

Bậc Đại sĩ liền khen ngợi vị ấy qua vần kệ:

- 258.** Đạo sĩ, lời khuyên đáng bậc Hiền,
Cám ơn người đã nói lời trên,
Trả lời ta hỏi như người muốn,
Xin nói là ai đó, họ tên?

Ă sĩ đáp:

- 259.** Ta đây danh hiệu Nārada,
Từ chốn ă cư tiên giới, ta
Vừa đến nói điều này với bạn,
Kết giao bậc Trí tối ưu mà.

260. Thực hành bốn pháp tối cao thay,
Tìm cực lạc trong Thánh đạo này,
Dù thiếu thứ gì ngài cũng mặc,
Sống bằng nhần nhục, tịnh an đây.
261. Ngã tưởng dù là thấp hoặc cao,
Đều không xứng với bậc Hiền đầu,
Hãy xem giới luật và tri kiến,
Pháp bảo hộ cho cuộc Thánh cầu.

Rồi Nārada bay về cõi an trú của mình. Sau đó, một ả sĩ khác tên Migājina vừa mới xuất thiền định, đang chiêm ngưỡng bậc Đại sĩ và quyết định khuyến khích ngài bảo dân chúng ra về nên vị này hiện ra trên không trước mặt ngài và ngâm các vần kệ sau:

262. Các đàn ngựa, voi, các cỗ xe,
Thần dân thành thị lẫn thôn quê,
Mahājanaka đã lìa xa chúng,
Bình bát đất làm ngài thỏa thuê.
263. Hãy nói, phải chăng các đại thần,
Chư hầu, quyến thuộc hoặc thân bằng,
Làm ngài thương tổn vì lừa phản,
Ngài chọn đây làm chỗ trú chân?

Bậc Đại sĩ đáp:

264. Hiền nhân, không thể có khi nào,
Bất cứ nơi nào, hoặc có sao,
Ta đã làm sai cho quyến thuộc,
Hoặc là họ khiến ta buồn đau.

Sau khi bác lại câu hỏi như vậy, giờ ngài nói vần kệ này để chỉ rõ nguyên nhân đi tu:

265. Thấy đời bị nghiền nát đau thương,
Tăm tối vì ô nhiễm, bụi bùn,
Thấy nạn nhân gông xiềng, giết chết,
Người đời dính mắc dục phạm trần,
Lấy đây ví dụ cho mình vậy,
Khất sĩ từ đây khởi bước đường.

Vị khổ hạnh muốn nghe thêm nữa liền hỏi ngài:

266. Không ai muốn khổ hạnh lang thang,
Nếu chẳng Đạo sư chỉ lối đường,
Dù cách thực hành hay lý thuyết,
Ai là sư phụ nói cho tường?

Bậc Đại sĩ đáp:

267. Hiền giả, chưa hề trước đến giờ,
Ta nghe lời nói động tâm ta,
Từ môi đạo sĩ hay du sĩ,
Khuyên bảo ta làm khổ hạnh gia.

Bậc Đại sĩ nói cho vị ấy đầy đủ chi tiết lý do ngài xuất thế:

268. Ta đã nhân du chôn ngự viên,
Một ngày mùa hạ đại trang nghiêm,
Vớ bao ca khúc và đàn địch,
Tràn ngập không gian khắp mọi miền.
269. Nơi kia ta thấy một cây xoài,
Đứng cạnh bức tường gốc rễ phơi,
Vì bọn phàm nhân tìm hái trái,
Toàn thân xơ xác, lá tươi rời.
270. Giật mình rời cảnh tượng oai hùng,
Dừng bước ngắm cây, mắt lạ lùng,
So sánh cây xoài này có trái,
Vớ cây không trái mọc kề gần.
271. Cây có trái kia đứng lụi tàn,
Mọi cành trơ trụi lá tan hoang,
Cây không trái đứng xanh, cường tráng,
Tán lá vẫy trong gió nhẹ nhàng.
272. Cây đầy trái cũng giống như vua,
Lăm địch thủ mong giết hại ta,
Và cướp của ta bao trái ngọt,
Trong thời gian ngắn phô bày ra.
273. Voi bị giết vì chính bộ ngà,
Cọp beo bị giết bởi vì da,
Bơ vợ, không cửa nhà, bằng hữu,
Người đại phú sau rốt hiểu ra:
Tài sản chính là tai họa lớn,
Hai cây xoài ấy chính thầy ta,
Từ hai cây ấy ta tìm được
Bài học dạy ta sống xuất gia.

Ân sĩ Migājina nghe vua nói như vậy liền khuyên nhủ ngài nên nhất tâm rồi trở về nơi trú của mình. Khi ân sĩ đi rồi, Hoàng hậu Sīvalī liền quỳ xuống chân vua và tâu:

274. Ở trên vương tượng hoặc vương xa,
Kỵ mã, bộ binh khắp mọi nhà,

Tất cả thần dân đều khóc lớn:
“Đại vương đã xuất thế ly gia!”

- 275.** Xin trấn an lòng chúng trữu buồn,
Hoàng nhi, ngài hãy đợi phong vương,
Rồi xa trần thế như ngài muốn,
Khổ hạnh đơn thân tiến bước đường.

Bồ-tát đáp:

- 276.** Ta bỏ đằng sau những cận thân,
Thân bằng, quyến thuộc khắp non sông,
Nhưng còn vương tộc Vi-đề ấy,
Huân luyện Dīghāvu trị dân,
Hoàng hậu Mithilā chớ sợ,
Quần thần sẽ hỗ trợ kẻ gần!

Hoàng hậu kêu lên:

– Tâu Đại vương, Đại vương đã làm ân sĩ, vậy thần thiếp phải làm gì bây giờ?

Nhà vua liền bảo:

– Ta khuyên Hoàng hậu thế này, hãy gắng thực hiện lời ta!

Rồi ngài nói với bà như sau:

- 277-78.** Nếu dạy hoàng nhi lúc trị dân,
Sai lầm trong ý tưởng, lời, thân,
Sau nàng sẽ gặp nhiều đau khổ,
Vận mạng này đây đã định phần.
Vật bố thí dành cho khát sĩ,
Bạc Hiền bảo đầy chúng ta cần.

Ngài khuyên nhủ hoàng hậu như thế xong rồi cùng đàm đạo với bà trên đường đi cho đến khi mặt trời lặn. Hoàng hậu cho cắm trại vào một nơi thích hợp, còn nhà vua đến một gốc cây ngủ qua đêm. Ngày hôm sau, khi tắm rửa xong, ngài lại tiếp tục ra đi. Hoàng hậu ra lệnh cho binh lính phải đi theo và bà cũng đi theo ngài.

Vào giờ khát thực, họ đến kinh thành Thūṇa. Lúc đó, có một người đàn ông mua một miếng thịt lớn ở hàng thịt xong, đem nướng chín trên vĩ và đặt trên một tấm thớt chờ nguội. Nhưng trong khi gã bận rộn làm việc khác thì một con chó đến tha thịt đi mất. Người ấy đuổi theo đến cửa Nam kinh thành nhưng vì mệt quá phải dừng lại.

Vua và hoàng hậu đang đi đến trước mặt con chó, nó hoảng sợ khi thấy hai vị nên làm rơi miếng thịt và chạy mất. Bạc Đại sĩ thấy vậy liền nghĩ: “Nó đã làm rớt miếng thịt và chạy trốn, không màng đến thịt nữa mà chủ nhân thì không biết là ai, thật không có của bố thí nào tốt hơn cái này, ta phải ăn mới được.”

Thế rồi ngài lấy bình bát đất ra, cầm miếng thịt lên phủi bụi dơ đặt vào bình bát, tìm một nơi dễ chịu mát mẻ có nước chảy rồi ăn thịt.

Hoàng hậu nghĩ thầm: “Nếu đức vua xứng đáng ngồi trên ngai vàng thì ngài đã không ăn vật thừa đầy bụi bặm của chó, thật bây giờ ngài không còn là quân vương của ta nữa.” Rồi bà nói to:

– Đại vương ôi! Ngài ăn miếng thịt ghê tởm như vậy sao?

– Ấy chính sự ngu dại mù quáng của nàng làm cho nàng không thấy được giá trị đặc biệt của vật bổ thí này.

Rồi ngài thận trọng quan sát chỗ miếng thịt đã rơi xuống và ăn thịt ngon lành như thể cao lương mỹ vị của thần tiên xong rửa miệng và tay chân.

Lúc ấy, hoàng hậu nói giọng khiển trách ngài:

279. Tứ thời ăn cứ đến xoay vần,
 Nếu nhịn ăn, người phải bỏ thân,
 Tuy thế một người dòng quý tộc,
 Sẽ không ném vật bản kinh hồn.
 Ngài đã làm đây việc trái sai,
 Đại vương ôi, đáng thẹn cho ngài,
 Lấy ăn đồ vật thừa từ chó,
 Việc bất xứng kia đã phạm rồi.

Bậc Đại sĩ đáp:

280. Vật thừa từ chó hoặc từ người,
 Ta chắc chẳng là của cấm ai,
 Nếu được vật kia theo đúng pháp,
 Thức ăn hợp lý, sạch mà thôi.

Đang lúc nói chuyện, vua và hoàng hậu đi đến cổng thành. Trẻ con đang chơi đùa ở đó, một cô bé đang sảy cát trong một cái sần sảy thóc nhỏ. Trên tay cô bé có một chiếc vòng không gây tiếng động nào, còn tay kia có hai chiếc vòng kêu reng reng. Nhà vua thấy vậy nghĩ thầm: “Sīvalī cứ đi theo ta mãi, kẻ khổ hạnh còn có vợ thật là tai hại, người đời sẽ chê trách ta và bảo rằng ngay cả khi ta đã xa lìa thế tục mà ta lại không xa vợ được. Vậy nếu cô gái này khôn ngoan, cô bé có thể nói cho Sīvalī hiểu tại sao nàng phải quay về và xa lìa ta cho rồi. Ta sẽ nghe chuyện cô bé này và bảo Sīvalī phải đi ngay.” Rồi ngài bảo:

281. Cô bé nép mình dưới mẹ hiền,
 Với vòng nho nhỏ ấy đeo trên,
 Vì sao chỉ một tay rung nhạc,
 Trong lúc tay kia mãi lặng yên?

Cô bé đáp:

282. Hai vòng đeo ở cánh tay tôi,
 Chẳng phải một vòng, khát sĩ ôi!

Vì xúc phạm nhau gây tiếng động,
Việc này do chính chiếc vòng đôi.

283. Nhưng chú ý xem tay phía này,
Chiếc vòng độc nhất nó đeo vậy
Đứng yên tại chỗ không lên tiếng,
Im lặng chỉ vì chẳng có hai.

284. Chính chiếc vòng đôi tạo tiếng ồn,
Một vòng độc nhất ấy thì không,
Ngài tìm hạnh phúc nên đơn độc,
Hạnh phúc chỉ người sống độc thân.

Nghe lời cô gái, ngài hiểu ý và bảo hoàng hậu:

285. Hãy nghe lời nói của cô này,
Cô gái làm ta hồ thẹn đây,
Ví thử nghe lời nàng thỉnh nguyện,
Lỗi lầm chính kẻ thứ hai gây.

286-87. Đây hai đường, chọn một cho nàng,
Còn lối kia, ta chọn chính ta,
Đừng gọi ta là chồng vậy nữa,
Nàng không còn vợ, hãy chia xa!

Hoàng hậu nghe ngài nói thế liền xin ngài đi rẽ về phía tay phải tốt hơn, còn bà đi về phía trái. Nhưng chỉ đi được một đoạn, bà không ngăn chặn được sầu khổ liền trở lại với ngài và cùng ngài đi vào thành.

Bậc Đạo sư giải thích chuyện này và nói như sau:

Cùng với những lời này trên môi,
Hai vị đi vào thành Thūṇa.

Sau khi đã vào thành, Bồ-tát tiếp tục đi khát thực, đến cửa nhà một người làm cung tên, trong khi đó hoàng hậu đứng một bên. Bấy giờ, người thợ đang nung đỏ mũi tên trên một lò than rồi nhúng ướt tên đó trong một ít bột hồ chua, nheo một mắt lại, còn mắt kia nhắm mũi tên cho thẳng. Bồ-tát nghĩ: “Nếu người này khôn ngoan thì có thể giải thích cho ta rõ chuyện này. Để ta hỏi gã thử xem!” Rồi ngài đến gần gã.

Bậc Đạo sư tả cảnh này qua vần kệ:

288. Đến nhà khát thực kẻ làm tên,
Người ấy nheo con mắt đứng lên,
Và với mắt kia nhìn một hướng,
Để làm cho thẳng mũi tên rèn.

Lúc ấy, bậc Đại sĩ bảo gã:

289. Một mắt sao ngươi cứ nhắm hoài,
Chỉ nhìn một mắt chẳng hề sai,
Xin ngươi giải thích hành vi ấy,
Ngươi nghĩ nó hoàn thiện mắt ngươi?

Gã đáp lại:

290. Tầm mắt hai tròng mở rộng ra,
Chỉ làm lạc hướng nhãn quang ta,
Không nhìn thấy được chỗ cong vẹo,
Chẳng tạo được tên nào thẳng ngay.
291. Khi một mắt vừa nhắm lại xong,
Chỉ dùng một mắt ngắm nơi cong,
Mới nhìn thấy rõ chỗ sai khác,
Tạo được chiếc tên thẳng ước mong.
292. Có kẻ thứ hai có cãi tranh,
Một người thì cãi với ai đành?
Nếu ngài muốn côi phúc, thiên giới,
Hãy mền ưa đơn độc, gắng hành!

Sau mấy lời khuyên nhủ này, gã yên lặng. Bậc Đại sĩ lại tiếp tục đi khát thực, khi đã thọ lãnh đủ loại thức ăn, ngài liền đi ra khỏi thành tìm chỗ mát mẻ có nước chảy ngồi xuống. Khi đã ăn uống xong xuôi, ngài cất bình bát vào chiếc bị và bảo Hoàng hậu Sīvalī:

293. Nàng nghe lời gã nhắm tên vầy,
Chẳng khác gì cô gái trước đây,
Gã sẽ làm cho ta rối trí,
Với bao hổ thẹn ngập đầu này,
Nếu ta nhượng bộ nàng cầu thỉnh,
Gây lỗi chính là kẻ thứ hai.

- 294-95. Đây hai đường, chọn một cho nàng,
Còn lối kia, ta chọn chính ta,
Đừng gọi ta là chồng vậy nữa,
Ta không có vợ, già từ nàng!

Dù nghe lời ngài nói vậy, hoàng hậu vẫn đi theo ngài nhưng bà hiểu bà không thể nào thuyết phục vua quay trở về được nữa, còn dân chúng cũng cứ tiếp tục theo sau bà. Lúc bấy giờ, có một khu rừng không xa đó mấy, bậc Đại sĩ thấy bóng cây đổ xuống tối mờ, ngài muốn bảo hoàng hậu quay về nên khi thấy cỏ muñja mọc bên lề đường, ngài ngắt một cọng cỏ, bảo bà:

– Nay Sīvalī, thân cây cỏ này không thể nổi lại được nữa, vậy từ nay mỗi liên lạc giữa ta và nàng cũng không bao giờ nổi lại được nữa đâu.

Rồi ngài ngâm lớn nửa vắn kệ:

Như cỏ muñja đã lớn này,
Sīvalī, độc trú từ đây.

Khi hoàng hậu nghe thế, bà nói:

– Từ nay ta cũng không liên lạc gì với Vua Mahājanaka nữa.

Rồi không thể ngăn được sầu khổ, bà đắm ngực la khóc và ngắt xiu bên vệ đường. Bậc Đại sĩ thấy bà đã bất tỉnh mê man, lập tức đi sâu vào rừng, cẩn thận xóa mờ dấu chân của ngài. Các quan đại thần chạy đến rảy nước vào thân thể hoàng hậu, xoa bóp tay chân của bà một lát thì bà hồi tỉnh. Bà hỏi:

– Đại vương đâu rồi?

Họ tâu:

– Thế Hoàng hậu không biết sao?

Hoàng hậu bảo họ:

– Đi tìm Hoàng thượng ngay!

Nhưng dù họ đi quanh quẩn khắp nơi, họ cũng không tìm thấy ngài đâu. Vì thế bà than khóc thảm thiết, và sau khi bảo dựng đền thờ nơi ngài đứng trước kia, bà cúng dường hương hoa rồi trở về.

Bậc Đại sĩ ở trong Tuyết Sơn, trong bảy ngày ngài chứng đắc năm thắng trí và tám thiền chứng rồi ngài không trở lại cõi đời này nữa. Hoàng hậu bảo dựng đền thờ ở các nơi ngài đã đến và nói chuyện với người thợ làm tên, với cô bé gái, nơi ngài đã ăn miếng thịt, nơi ngài nói chuyện với hai ẩn sĩ Migājina và Nārada xong, bà làm lễ cúng dường hương hoa.

Rồi được binh lính hộ tống, bà vào thành Mithilā cử hành lễ phong vương cho hoàng tử trong vườn xoài và ra lệnh đem hoàng tử cùng binh lính vào thành. Còn phần bà, sau khi chọn đời khổ hạnh của một nữ ẩn sĩ, bà sống ở trong vườn xoài và hành trì các pháp môn đưa đến thiền định cho đến khi bà chứng đắc thiền định và được sinh vào cảnh giới của Phạm thiên.

Sau khi kể pháp thoại này xong, bậc Đạo sư nói với các Tỷ-kheo:

– Nay các Tỷ-kheo, đây không phải lần đầu tiên Như Lai làm đại sự xuất thế mà xưa kia Như Lai cũng đã làm như vậy.

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Lúc ấy, vị nữ hải thần là Uppalavaṇṇā (Liên Hoa Sắc), Hiền giả Nārada là Sāriputta (Xá-lợi-phất), Hiền giả Migājina là Moggallāna (Mục-kiền-liên), cô gái là Tỷ-kheo-ni Khemā, người làm tên là Ānanda (A-nan), Hoàng hậu Sīvalī là mẹ của Rāhula, Hoàng tử Dīghāvu là Rāhula (La-hầu-la), cha mẹ của Bô-tát là hai vị trong vương tộc ngày nay và Vua Mahājanaka chính là Ta.

§540. CHUYỆN HIẾU TỬ SĀMA (*Sāmajātaka*)¹⁵ (J. VI. 68)

Ai đó đang mai phục bắt mình...

Câu chuyện này bậc Đạo sư kể tại Kỳ Viên về một Tỷ-kheo phụng dưỡng mẹ.

Chuyện kể rằng có một thương nhân giàu có tại thành Xá-vệ, của cải lên đến một trăm tám mươi triệu, người này có một cậu con trai rất được yêu quý. Một ngày nọ, cậu con trai đi lên lầu, mở cửa nhìn xuống đường, khi thấy đám đông dân chúng đang đi đến Kỳ Viên, tay cầm hương hoa cúng dường để nghe thuyết pháp, cậu bảo rằng cậu cũng muốn đi. Cậu truyền đem hương hoa lại, rồi cậu đi đến tinh xá cúng dường y phục, được phẩm cùng các thức ăn uống cho chúng Tỷ-kheo ở đó, và đánh lễ đức Thế Tôn với hương hoa rồi ngồi xuống một bên.

Sau khi nghe thuyết pháp, cậu nhận thức được các quả ác do tham dục gây ra và những quả phúc do đời sống tu hành mang lại. Rồi khi hội chúng ra về, cậu xin đức Thế Tôn cho cậu thọ giới. Nhưng đức Như Lai bảo cậu rằng Ngài không truyền giới cho ai khi chưa xin phép cha mẹ. Vì thế cậu ra về, nhịn ăn một tuần, cuối cùng được cha mẹ chấp thuận, cậu trở lại và xin thọ giới. Thế Tôn bảo một Tỷ-kheo làm lễ xuất gia cho cậu.

Sau đó, vị Tỷ-kheo mới này được tán thán và đạt nhiều công hạnh, được sự ái mộ của các vị Sư trưởng và Giáo thọ sư; và khi đã thọ Đại giới, ông tinh thông giáo pháp trong vòng năm năm. Rồi vị Tỷ-kheo này nghĩ: “Ta sống viễn ly ở chôn này thật không thích hợp với ta.” Và ông nóng lòng đạt cứu cánh của thiền định. Thế là sau khi nghe lời dạy của vị Giáo thọ sư về thiền định, ông đi đến một làng ở biên địa sống trong rừng sâu hành trì thiền định, nhưng không đạt được ý niệm nào đặc biệt dù ông đã tinh cần tu tập trong mười hai năm liền mà tâm vẫn không được định tĩnh.

Cũng trong thời gian này, cha mẹ của Tỷ-kheo này trở nên nghèo túng vì những người thuê đất hay bán hàng cho nhà này thấy trong nhà không có con em gì đến buộc họ trả nợ cho nên đã chiếm đoạt hết những của cải nào rơi vào tay họ và tha hồ chạy trốn, gia nhân tôi tớ trong nhà lại trộm vàng bạc trốn đi. Vì thế cuối cùng hai người lâm vào cảnh khốn cùng, không còn đến cái bình đựng nước, phải bán nhà đi lang thang hết sức cùng cực, phải đi ăn xin, mặc áo rách rưới và mang chiếc bình mẻ trong tay.

Lúc bấy giờ, có một Trưởng lão Tỷ-kheo từ Kỳ Viên đến nơi cư trú của người con trai ấy, ông tiếp đón ân cần vị khách kia xong, ngồi yên lặng hỏi thăm khách từ đâu đến. Khi được biết từ Kỳ Viên, ông hỏi thăm sức khỏe của bậc Đạo sư cùng các vị đại đệ tử của Ngài xong rồi hỏi thăm tin tức cha mẹ mình.

– Thưa Tôn giả, xin Tôn giả cho biết tình cảnh của một gia đình thương nhân ở Xá-vệ!

¹⁵ Xem Cp. 101, *Suvaṇṇasāmacariya* (Hạnh của đức Bồ-tát *Suvaṇṇasāma*).

– Này Hiền hữu, đừng hỏi thăm tin tức gia đình ấy nữa!

– Tại sao thế, thưa Tôn giả?

– Người ta nói gia đình ấy có một cậu con trai nhưng cậu ta đã đi tu theo đạo pháp, và từ khi cậu ấy xuất gia thì gia đình cậu bị sạt nghiệp, lúc này cả hai ông bà lão đang lâm vào tình cảnh rất thê thảm và phải đi ăn xin.

Khi ông nghe khách nói xong, không thể nào cầm lòng được, nước mắt cứ ràn rụa, và khi khách hỏi tại sao lại khóc, ông đáp:

– Thưa Tôn giả, đó chính là cha mẹ tôi, tôi là con của các vị ấy.

– Này Hiền hữu, cha mẹ bạn đã sạt nghiệp vì bạn, vậy hãy về phụng dưỡng các vị!

Ông liền nghĩ: “Trong mười hai năm liền ta tinh cần tu tập mà không thể nào đạt đạo hay đắc quả, có lẽ ta vô tài trí. Vậy ta có làm gì được với đời sống Phạm hạnh này? Chi bằng ta trở về làm một gia chủ phụng dưỡng cha mẹ già và bổ thí của cải. Như vậy, cuối cùng ta cũng sẽ được sinh lên thiên giới.” Quyết định xong, ông nhường chỗ cư trú của mình trong rừng cho vị Trưởng lão kia.

Hôm sau ông ra đi, qua nhiều chặng đường thì tới tỉnh xá phía sau Kỳ Viên không xa thành Xá-vệ mấy. Tại đó ông thấy hai con đường, một đường dẫn đến Kỳ Viên, một đường dẫn đến Xá-vệ. Khi đứng đó, vị Tỷ-kheo này suy nghĩ: “Ta đến viếng cha mẹ ta trước hay đức Phật trước?” Rồi ông tự nhủ: “Ngày xưa ta gặp cha mẹ ta luôn, từ đây ta sẽ ít có dịp yết kiến đức Phật, vậy ta hãy đến yết kiến bậc Chánh Đẳng Giác ngày hôm nay và nghe thuyết pháp rồi ngày mai ta sẽ đi thăm cha mẹ.”

Thế là ông bỏ con đường đi Xá-vệ và đi đến Kỳ Viên vào lúc chiều tối. Vào ngày đó, lúc tảng sáng, bậc Đạo sư quan sát thế gian đã thấy được tiềm lực ngộ đạo của vị này nên khi ông đến yết kiến Thế Tôn, Ngài tán thán công đức của cha mẹ theo như trong *Chuyện voi hiếu dưỡng mẹ*.¹⁶ Trong khi đứng ở cuối hội chúng Tỷ-kheo và nghe thuyết pháp, ông nghĩ: “Nếu ta trở thành người gia chủ, ta có thể phụng dưỡng cha mẹ ta, nhưng bậc Đạo sư cũng dạy: ‘Một người con đi xuất gia vẫn có thể giúp đỡ cha mẹ mình.’ Trước kia, khi ta rời bỏ thế tục mà không đến yết kiến đức Thế Tôn và ta đã thất bại trong sự thọ giới không trọn vẹn như vậy. Bây giờ, ta muốn phụng dưỡng cha mẹ ta mà vẫn duy trì đời sống tu hành chứ không làm một người gia chủ.”

Ông đi đến nơi phát thê, nhận thê phát vật thực và cháo của mình, cảm thấy như thể mình đã phạm trọng tội đáng bị khai trừ sau mười hai năm làm Tỷ-kheo tu trong rừng. Sáng hôm sau, ông đi đến Xá-vệ và nghĩ thầm: “Ta nên đi lấy cháo trước hay thăm cha mẹ ta trước đây?” Ông nghĩ lại và thấy rằng đi thăm cha mẹ trong lúc cha mẹ nghèo khổ mà không có gì trong tay để biếu thì thật là không phải đạo. Vì thế, ông đi lấy cháo trước rồi đến trước cửa nhà cũ, vừa thấy

¹⁶ Xem J. IV. 90, *Mātiposakajātaka* (Chuyện voi hiếu dưỡng mẹ), số §455.

cha mẹ ngồi cạnh bức tường đối diện. Sau khi đã đi một vòng khát thực được cháo lỏng, ông đứng không cách xa họ mấy và bỗng thấy nổi sầu thương trỗi lên, mắt đầm lệ. Còn họ thấy ông nhưng không nhận ra, rồi bà mẹ tưởng rằng đó là một kẻ đang chờ của bố thí liền nói:

– Chúng ta không có gì để bố thí cho người cả, người chịu khó đi nơi khác.

Nghe bà mẹ nói vậy, ông cố nén nổi buồn đang trào dâng trong lòng, đứng yên mắt đầm lệ. Và khi được bảo lần thứ hai, lần thứ ba, ông vẫn đứng yên. Cuối cùng, ông cha bảo bà mẹ:

– Bà đến xem thử có phải con trai bà đó không?

Bà vùng dậy chạy đến nhìn ra con, gục xuống chân mà than khóc, người cha cũng khóc theo, bao nổi sầu khổ đều tuôn ra hết. Gặp lại cha mẹ, ông không thể kìm nén được lòng mình cũng bật khóc. Sau cơn xúc động, ông nói:

– Đừng buồn nữa cha mẹ ôi, con sẽ phụng dưỡng cha mẹ!

Thế là sau khi an ủi cha mẹ và cho họ húp nước cháo rồi ngồi xuống bên đường, ông lại ra đi khát thực đem về cho cha mẹ dùng, sau đó mới đi khát thực cho chính mình. Xong bữa ăn, ông liền đi tìm nơi trú chân không xa đó mấy. Từ ngày ấy về sau, ông chăm sóc cha mẹ bằng cách này, ông đem cho cha mẹ đồ khát thực dành cho mình, luôn cả những vật dụng bố thí mỗi nửa tháng một lần, và ông đi khát thực nhiều lần để thọ dụng. Còn những vật thực dành cho mùa mưa cũng đều đem cho cha mẹ dùng, trong khi ông đem áo quần rách của cha mẹ về đóng kín cửa mà nhuộm lại để mặc. Nhưng rất ít ngày ông đi khát thực được đồ dùng, phần nhiều là chẳng được gì cả nên y trong cũng như y ngoài đều rách tả tơi cả. Trong thời gian chăm sóc cha mẹ như thế, ông dần dần trở nên xanh xao gầy ốm. Bạn hữu thấy vậy, bảo:

– Da dẻ bạn trước đây tươi sáng nhưng nay bạn xanh xao quá, hẳn có bệnh gì?

Ông đáp:

– Ta không có bệnh gì cả, nhưng ta đang gặp một chương ngại.

Rồi ông kể cho họ nghe câu chuyện nhà. Họ đáp:

– Thừa Hiền giả, bậc Đạo sư không cho phép chúng ta phí phạm lễ vật cúng dường của các thí chủ, bạn đã làm việc trái phép khi đem lễ vật cúng dường của thí chủ cho người thế tục.

Nghe nói vậy, ông hổ thẹn cúi gằm mặt xuống, nhưng vẫn chưa thỏa dạ, họ đem chuyện kể với bậc Đạo sư:

– Bạch Thế Tôn, người này đã phí phạm lễ vật cúng dường và đem cho người thế tục.

Bậc Đạo sư cho gọi vị Tỷ-kheo trẻ ấy đến và hỏi:

– Có phải ông đã xuất gia mà còn lấy vật cúng dường của thí chủ đem cho người thế tục không?

Ông thú nhận là có. Rồi bậc Đạo sư muốn ngợi khen việc làm của ông và nói về một việc cũ của Ngài liền hỏi:

– Thế ông phụng dưỡng người thế tục nào đó?

Ông đáp:

– Bạch Thế Tôn, chính cha mẹ của con.

Lúc đó, Thế Tôn muốn khuyến khích việc làm của ông hơn nữa, Ngài bảo ba lần:

– Tốt lành thay! Tốt lành thay! Ông đang đi con đường ngày xưa Ta đã đi qua, ngày xưa khi đi khát thực, Ta cũng phụng dưỡng cha mẹ Ta.

Như thế, vị Tỷ-kheo được Ngài khích lệ vì việc đó. Rồi theo lời thỉnh cầu của chúng Tỷ-kheo, bậc Đạo sư kể chuyện quá khứ để cho biết các nghiệp đời trước của Ngài.

Ngày xưa, không xa thành Ba-la-nại, ở phía bên này sông có một làng thợ săn và một làng nữa ở bên kia sông, mỗi làng có chừng năm trăm gia đình cư trú. Lúc bấy giờ, có hai nhà thiện xạ trong hai làng đó là đôi bạn thân thích, họ giao ước với nhau từ thời trẻ rằng, nếu đôi bên sinh con trai và con gái thì sẽ gả con cho nhau. Theo thời gian trôi, một cậu trai được hạ sinh trong nhà thiện xạ bên này sông và một cô gái được sinh vào nhà thiện xạ kia. Cậu bé được đặt tên là Dukūlaka¹⁷ vì khi sinh ra đời cậu được quấn trong lớp tã lót thật đẹp. Cô gái được đặt tên là Pārikā vì cô sinh ra bên kia sông. Cả hai đều xinh đẹp với làn da óng ả như vàng và mặc dù được sinh ra trong làng săn bắn nhưng chúng không hề sát sinh hại mạng. Khi cậu bé lên mười sáu tuổi, cha mẹ cậu bảo:

– Này con, cha mẹ sẽ cưới vợ cho con.

Nhưng cậu là một người thanh tịnh từ Phạm thiên giới mới xuống đây cho nên cậu bặt tai lại bảo:

– Con không muốn ở trong nhà, đừng nói chuyện ấy với con!

Rồi mặc dù cha mẹ cậu nói chuyện đó đến ba lần, cậu không tỏ ý ham thích chút nào. Còn nàng Pārikā cũng vậy, khi cha mẹ nàng bảo:

– Con trai của ông bạn nhà ta thật khôi ngô với làn da óng ả như vàng, cha mẹ định gả con cho cậu ấy đấy.

Nàng cũng bặt tai lại và trả lời như chàng trai kia vì chính nàng cũng xuống đây từ Phạm thiên giới. Cậu Dukūlaka bí mật gửi cho cô gái một lời nhắn nhủ: “Nếu nàng muốn sống đời vợ chồng thì hãy tìm đến một gia đình khác, vì ta không muốn như vậy.” Và nàng cũng gửi cậu một lời nhắn nhủ tương tự như thế. Nhưng dù họ không đồng ý, cha mẹ họ vẫn cử hành hôn lễ. Thế là cả hai

¹⁷ Bản CST viết Dukūla.

người sống riêng lẻ như các vị Phạm thiên, không hề sa vào bẻ ái dục. Dukūlaka không hề giết cá hay nai hươu cũng không hề bán các thứ cá mà người khác mang đến cho cậu. Cuối cùng, cha mẹ cậu bảo:

– Con sinh ra trong gia đình sẵn bản mà con lại không thích sống trong nhà, cũng không sát sinh hại vật, vậy con muốn gì?

Cậu đáp:

– Nếu cha mẹ cho phép, chúng con xin làm ẩn sĩ ngay ngày hôm nay.

Cha mẹ họ đều cho phép họ ngay lập tức. Thế là họ từ giả cha mẹ ra đi dọc theo bờ sông Hằng, rồi rời bỏ sông Hằng, họ đi lên núi dọc theo sông Migasammata. Lúc bấy giờ, cung của Thiên chủ Sakka bỗng nóng rực lên. Thiên chủ Sakka sau khi xác định duyên có liền bảo thần Vissakamma:

– Nay Vissakamma, có hai bậc Đại nhân đã xuất thế và đang đi vào Tuyết Sơn, chúng ta phải tìm nơi trú ẩn cho họ. Vậy ông hãy đi dựng am lá và cung cấp mọi vật dụng cần thiết cho cuộc đời tu hành của họ ở một nơi cách sông Migasammata chừng một phần tư dặm đường xong rồi trở lại đây.

Thế là vị này đi chuẩn bị đủ mọi vật dụng giống như được mô tả trong *Chuyện Vương tử què câm*,¹⁸ rồi trở về sau khi đã xua hết mọi súc vật có thể gây ồn ào khó chịu trong rừng và mở một con đường mòn gần đó. Hai vị ẩn sĩ thấy có đường mòn liền theo đó đến am. Khi Dukūlaka bước vào trong am, thấy đủ mọi vật dụng cần thiết liền kêu lên:

– Đây chính là lễ vật của Thiên chủ Sakka cúng dường ta.

Thế rồi Dukūlaka cởi áo ngoài ra, mặc vào chiếc y màu vỏ dẻ, đắp tấm da hươu qua một bên vai, cột túm tóc lại ra dáng một vị khổ hạnh, rồi cũng làm lễ truyền giới cho Pārikā như vậy; xong rồi họ sống ở đó, tu tập lòng từ thuộc về cõi dục. Nhờ ảnh hưởng lòng từ của họ đối với mọi vật, chim muông và thú rừng cũng khởi lên lòng từ ái đối với nhau, không hề làm hại lẫn nhau.

Pārikā lo kiếm nước và thức ăn, quét dọn am, làm đủ mọi việc cần thiết, rồi cả hai người đi kiếm đủ loại trái cây về ăn. Sau đó, họ vào ở trong thảo am riêng của mình, hành trì đủ mọi giới luật của đời Phạm hạnh. Thiên chủ Sakka cung cấp đủ mọi nhu cầu của họ.

Một ngày kia, ngài tiên tri được một hiểm họa sắp xảy ra cho họ, họ sẽ mất thị giác. Vì thế, ngài tìm đến Dukūlaka, đánh lễ xong, ngồi xuống một bên, ngài bảo:

– Thưa Tôn giả, ta thấy trước một hiểm họa sắp đe dọa các Tôn giả, vậy các Tôn giả phải sinh một đứa con trai để phụng dưỡng các vị sau này, hãy đi theo đường lối của thế gian!

– Thưa Thiên chủ, tại sao ngài lại bảo vậy? Ngay cả khi còn ở chung một

¹⁸ Xem J. VI. 1, *Mūgapakkhajātaka* (Chuyện Vương tử què câm), số §538.

nhà trước kia, chúng ta cũng đã chán ghét ái dục, giờ đây làm sao thực hiện điều ấy được khi chúng ta đã vào rừng sống đời Phạm hạnh của kẻ xuất gia?

– Được rồi, nếu Tôn giả không muốn làm như ta nói thì đợi đến lúc thuận tiện hãy lấy tay sờ rốn của Pārikā.

Dukūlaka ưng thuận làm theo. Thiên chủ Sakka từ giã ra về. Dukūlaka kể chuyện ấy với Pārikā và đến lúc thời cơ thuận lợi, lấy tay sờ vào rốn Pārikā. Ngay lúc ấy, Bồ-tát từ thiên giới xuống nhập vào bụng bà và bà mang thai từ đó. Sau mười tháng, bà hạ sinh một hài nhi da vàng óng, vì thế nên họ đặt tên là Suvannasāma (Hoàng Kim).

Lúc bấy giờ, các nữ thần kinnara¹⁹ ở núi bên kia đến chăm sóc Pārikā lúc bà lâm bồn. Đôi cha mẹ này tắm rửa hài nhi xong, đặt vào chồi lá và đi kiếm đủ loại trái cây. Trong khi họ ra ngoài, các nữ thần kinnara đem hài nhi vào động của họ, tắm rửa và đem lên đỉnh núi, trang hoàng cho hài nhi đủ loại hoa, lấy chất sơn vàng đỏ xanh làm dấu đặc biệt trên thân thể rồi đem về để lại trên giường trong chồi lá, sau đó Pārikā về chồi cho con bú.

Họ yêu quý con, nâng niu chăm sóc con cho đến năm mười sáu tuổi. Họ thường để con ở trong chồi rồi đi vào rừng kiếm củ và trái cây. Bồ-tát suy nghĩ: “Mối hiểm họa một ngày kia sẽ xảy ra.” Ngài thường canh chừng con đường cha mẹ ngài đi ra.

Một ngày kia, họ trở về lúc chiều tối sau khi đã nhặt củ và trái cây. Vừa đến gần chồi thì một đám mây lớn kéo tới. Họ vội ẩn mình dưới gốc cây trên một ổ mối. Trong ổ mối này có một con rắn độc. Lúc bấy giờ, nước trên thân họ nhỏ giọt xuống mang theo mùi mồ hôi xông đến mũi con rắn làm nó tức giận, thổi phả hơi độc lúc họ đứng đó để tấn công họ, khiến cho cả hai đều bị mù, không nhìn thấy nhau được nữa. Dukūlaka gọi lớn Pārikā:

– Mắt ta mù rồi, ta không thấy nàng nữa.

Họ bảo nhau trong khi quờ quạng đi quanh, khóc lóc và không sao tìm được lối về. “Đời trước ta đã phạm tội gì?”, họ nhủ thầm như vậy. Thuở tiền kiếp, họ sinh vào gia đình một y sĩ. Vị y sĩ đó chữa bệnh mắt cho một người giàu có nhưng người này không chịu trả y phí, vị y sĩ tức giận nói với vợ:

– Ta phải làm sao đây?

Bà vợ cũng tức giận bảo:

– Ta không cần tiền của nó, cứ chế ra một thứ thuốc rồi bảo đó là thuốc chữa bệnh và ta làm mù mắt nó đi.

Vị y sĩ đồng ý làm theo lời vợ và chính vì tội này mà giờ đây cả hai đều bị mù lòa.

¹⁹ Khẩn-na-la (P. kinnara, S. kimnara, 緊那羅), một loại phi cầm có đầu giống người (人頭鳥), là ca thần của Thiên chủ Sakka.

Lúc ấy, bậc Đại sĩ suy nghĩ: “Trước đây cha mẹ ta thường về vào giờ này, ta chẳng biết chuyện gì xảy ra cho cha mẹ ta, ta phải đi tìm mới được.” Vì thế, ngài ra đi tìm họ và gây nên một tiếng động. Họ nhận ra tiếng động ấy nên cũng làm một tiếng động đáp lại và vì lòng thương con, họ bảo con:

– Sāma ơi, ở đây nguy hiểm lắm, con đừng tới gần!

Vì thế, ngài đưa cho cha mẹ một cây gậy dài, bảo họ cầm lấy đầu cây gậy rồi đi lần về phía ngài. Ngài bảo với họ:

– Cha mẹ bị mù mắt vì duyên có gì?

– Khi trời mưa chúng ta núp dưới gốc cây trên một ổ mối, thế là chúng ta bị mù mắt.

Nghe thế ngài biết ngay sự việc đã xảy ra. “Có lẽ ở đó có rắn độc, đang lúc nổi giận, nó phun nọc độc ra đấy.” Khi ngài nhìn cha mẹ, ngài bật khóc rồi lại bật cười. Cha mẹ ngài hỏi tại sao, ngài đáp:

– Con khóc vì cha mẹ bị mù lúc còn trẻ nhưng con lại cười vì từ đây con sẽ phụng dưỡng cha mẹ, cha mẹ đừng buồn, con sẽ chăm nom cha mẹ chu đáo.

Thế rồi ngài dẫn họ về chòi, buộc dây thừng tứ phía, phân chia các gian để ở ban ngày và ban đêm, các trai phòng và các phòng khác nữa. Từ ngày ấy, ngài bảo cha mẹ ở nhà, còn ngài đi kiếm củ và trái rừng. Buổi sáng, ngài dọn dẹp nhà cửa, đi lấy nước sông Migasammata về nấu thức ăn và nước, rồi lấy nước rửa mặt đánh răng cho cha mẹ, đem đến cho cha mẹ đủ loại trái cây ngon ngọt. Khi cha mẹ súc miệng xong, ngài mới dùng. Ăn xong, ngài chào cha mẹ rồi được một đàn nai hộ tống, ngài vào rừng hái quả.

Sau khi hái quả cùng với các nữ thần kinnara trên núi, ngài trở về lúc chiều tối, nấu nước nóng tắm rửa chân tay cho cha mẹ rồi mang lại một mẻ chậu than hồng hơ ấm tay chân cha mẹ. Ngài đem đủ loại trái cây cho cha mẹ dùng, sau đó ngài mới ăn phần mình và cất dọn các thứ còn lại. Cứ thế, ngài chăm sóc cha mẹ mỗi ngày.

Lúc ấy, có một vị vua tên Piliyakkha²⁰ trị vì Ba-la-nại. Vị này rất thích thịt thú rừng nên đã giao việc triều chính cho mẹ rồi nai nịt năm loại vũ khí đi vào Tuyết Sơn săn bắn hươu nai để ăn thịt, tiến lần đến con sông Migasammata và cuối cùng tới nơi Sāma thường xuống mức nước. Thấy có vết chân hươu nai, vua dựng chỗ trú ẩn dưới các bụi cây màu ngọc bích, lấy tên tấm thuốc độc vào, sẵn sàng giương lên và nằm mai phục.

Buổi chiều, bậc Đại sĩ đã hái trái cây xong, đem về lều, chào hỏi cha mẹ rồi nói:

– Con sẽ đi tắm và múc ít nước.

Ngài cảm bình, cả một đàn nai vây quanh, ngài chỉ chọn ra hai con buộc

²⁰ Bản CST viết Pīliyakkha.

bình vào lưng chúng rồi dẫn chúng đến nơi tắm sông. Nhà vua thấy ngài đến gần tự nhủ: “Suốt thời gian ta đi quanh quần nơi đây, ta chưa hề thấy bóng người nào cả, vậy đó là thiên thần hay rắn thần? Bây giờ nếu ta đến gần hỏi nó ắt nó sẽ bay lên trời nếu đó là thiên thần, hoặc sẽ độn thổ nếu đó là rắn thần. Nhưng ta có ở Tuyết Sơn này mãi đâu, một ngày kia ta sẽ trở về Ba-la-nại. Lúc đó, các quan đại thần sẽ hỏi ta có thấy được việc gì kỳ lạ trong thời gian ta lang bạt ở đây không. Nếu ta bảo họ ta có thấy một người như vậy như vậy thì họ sẽ gạn hỏi ta tên nó là gì, nếu ta trả lời không biết thì họ sẽ chê trách ta. Vậy thì ta cứ bắn nó cho bị thương rồi hỏi nó sau.”

Vừa lúc ấy, bầy nai đi xuống trước để uống nước rồi bước lên khỏi chỗ tắm. Sau đó, Bò-tát chậm chậm bước xuống nước như thể một vị đại Trưởng lão đầy đủ giới luật uy nghi đang chuyên tâm đạt đại định, khoác bộ áo bằng vỏ cây và đắp tấm y bằng da nai qua một bên vai, nhấc bình lên mức đầy nước rồi đặt trên vai trái. Ngay lúc này, vua thấy rằng đã đến thời liền bắn mũi tên tẩm thuốc độc, làm bậc Đại sĩ bị thương ở sườn bên phải rồi mũi tên xuyên qua sườn bên trái.

Bầy nai thấy ngài bị thương, kinh hãi chạy trốn, nhưng Suvannasāma mặc dù bị thương nặng, vẫn hết sức giữ bình nước cho vững và cố định thân, ngài chậm chậm bước ra khỏi nước. Ngài đào cát chát lên một ụ cao, kê đầu lên hướng về phía chòi của cha mẹ và ngài nằm xuống chẳng khác nào một bức tượng vàng trên bãi cát màu sáng bạc. Rồi hồi tưởng lại, ngài suy xét mọi việc đã xảy ra: “Ta không có kẻ thù nào trong vùng Tuyết Sơn này, ta cũng không thù oán ai cả.” Khi ngài nói như vậy, máu từ miệng ngài tuôn ra và vì không nhìn thấy vua, ngài liền ngâm kệ:

- 296.** Ai đó đang mai phục bắn mình,
Khi ta đã mức nước đầy bình,
Bà-la-môn, quý tộc, nô lệ,
Ai ám hại ta chẳng biết danh?

Rồi ngài ngâm thêm một vần kệ cho biết thịt của ngài vô dụng, không làm thức ăn được:

- 297.** Người chẳng thể nào ăn thịt ta,
Cũng không thể sử dụng bao da,
Sao người nghĩ lấy ta làm đích,
Người đã tưởng đâu thắng lợi mà?

Ngài lại ngâm thêm một vần kệ khác hỏi họ tên của vua:

- 298.** Người là ai, hãy nói con ai,
Là gì ta sẽ gọi tên người,
Tại sao người lại nằm mai phục,
Thành thật xin người hãy trả lời?

Khi nghe vậy, vua tự nhủ: “Mặc dù kẻ này đã bị ta bắn trọng thương bằng tên độc vẫn không mảy lỵ ta, oán trách ta, lại còn nói năng dịu dàng như thể ru lòng ta vậy. Thôi ta đến xem sao!” Thế là vua đến gần bên ngài và ngâm kệ:

299. Chúa tể Kāsi quốc chính ta,
Đại vương danh hiệu Piliyakkha,
Ta rời ngôi báu vì thềm thịt,
Thơ thân tìm nai rừng núi xa.

300. Tài thiện xạ ta thật khéo thay,
Tâm ta can đảm chẳng lung lay,
Chẳng rùng rần thoát tên ta được,
Khi nó đã vào tâm bắn đây.

Sau khi tự khen ngợi tài năng mình như vậy, vua hỏi gia thế của ngài:

301. Ngươi là ai đó vậy, con ai,
Là gì ta sẽ gọi tên ngươi,
Và tên thân phụ cùng gia tộc,
Tên của nhà ngươi, hãy trả lời?

Bậc Đại sĩ suy nghĩ: “Nếu ta bảo rằng ta là thiên thần hay dòng dõi các nữ thần kinnara, hoặc bảo ta là một Sát-đế-lỵ hay thuộc một quý tộc tương tự, vị này sẽ tin ngay, nhưng ta phải nói sự thật.” Vì thế, ngài nói:

302. Lúc ta sinh được gọi Sāma,
Con thợ săn cùng khổ chính ta,
Nay ở đây nằm trên đất lạnh,
Người nhìn ta đã gặp nguy cơ.

303. Tên độc của người bắn trọng thương,
Ta nằm đơn độc tựa linh dương,
Nạn nhân người giết nhờ tài nghệ,
Lăn lóc ta nay nhuộm máu hường.

304. Tên của người xuyên suốt thịt da,
Theo từng hơi thở máu trào ra,
Ngất ngư, ta vẫn còn than hỏi,
Người muốn gì, mai phục bắn ta?

305. Người chẳng thể nào ăn thịt ta,
Cũng không thể sử dụng bao da,
Sao người nghĩ lấy ta làm đích,
Người đã tưởng đâu thắng lợi mà?

Khi vua nghe vậy, biết rằng không thể nói thật được liền bịa một câu chuyện như sau:

306. Một nai đã đến đúng vừa tầm,
Ta nghĩ rằng ta sắp hưởng phần,

Nhưng thấy người, nai kinh hoảng chạy,
Với người, ta chẳng có lòng sân.

Bậc Đại sĩ đáp:

– Tại sao Đại vương nói như vậy được? Cả vùng Tuyết Sơn này không có con nai nào thấy ta mà bỏ chạy.

307-10. Từ khi ta mới biết suy tư,
Nhớ lại thời xưa mãi đến giờ,
Không thú mỗi hay nai chạy trốn,
Kinh hoàng khi gặp bước ta qua.
Từ lúc ta mang áo vỏ cây,
Bỏ đằng sau chuỗi ngày thơ ngây,
Không nai hay thú mỗi đào tẩu,
Khi thấy ta qua các lối này.
Các thú hoang kia chính bạn mình,
Cùng ta phiêu bạt khắp rừng xanh,
Nai này sao lại như người nói,
Khi thấy ta liền chạy hãi kinh?

Khi vua nghe nói liền nghĩ thâm: “Ta đã làm trọng thương con người vô tội này và lại còn nói dối, thôi ta phải thú tội mới được.” Nghĩ vậy, vua nói:

311. Chẳng có nai nào thấy Sāma,
Sao ta nói dối quá dư thừa?
Lòng ta tràn ngập niềm tham, hận,
Và bắn đầu tên ấy, chính ta.

Rồi vua nghĩ: “Suvannasāma không thể sống một mình trong rừng được, chắc phải có thân thích ở đây, để ta thử hỏi xem.” Vì thế, vua ngâm kệ:

312. Sáng sớm từ đâu đến, bạn lành,
Ai người bảo bạn phải cầm bình,
Đổ đầy nước mức bờ sông ấy,
Mang gánh nặng lui bước lộ trình?

Nghe vậy, bậc Đại sĩ cảm thấy một nỗi đau đớn vô cùng và ngâm vãn kệ trong khi máu trào ra từ miệng:

313. Cha mẹ sống rừng vắng phía xa,
Mù lòa chỉ lệ thuộc con thơ,
Vì hai thân, đến bên bờ nước,
Ta đổ đầy bình nước của ta.

Rồi ngài tiếp tục than khóc số phận của cha mẹ:

314. Đời sống chỉ như lửa chập chờn,
Một tuần thực phẩm trữ không hơn,

- Nếu không có nước ta đem lại,
Yếu đuối, mù lòa chết thảm thương.
- 315.** Ta chẳng sợ đau khổ tử vong,
Ấy là số phận mọi loài chung,
Sống không còn được nhìn thân mẫu,
Điều ấy khiến tâm trí hải hùng.
- 316.** Ta chẳng sợ đau khổ tử vong,
Ấy là số phận mọi loài chung,
Sống không còn được nhìn thân phụ,
Điều ấy khiến tâm trí hải hùng.
- 317.** Thời khắc lê thê nặng khổ buồn,
Mẹ ta áp ủ nỗi sầu thương,
Nửa đêm và cả khi trời sáng,
Dòng lệ chảy như suối nước tuôn.
- 318.** Thời khắc lê thê nặng khổ buồn,
Cha ta áp ủ nỗi sầu thương,
Nửa đêm và cả khi trời sáng,
Dòng lệ chảy như suối nước tuôn.
- 319.** Họ lang thang khắp chốn rừng hoang,
Than vãn con đi quá muộn màng,
Chờ đợi hoài công nghe tiếng bước,
Hay chờ ta vượt tằm thân tàn.
- 320.** Ý tưởng này, tên độc thứ hai,
Đâm sâu hơn trước nữa, than ôi!
Vì ta nằm tại đây chờ chết,
Không thể nhìn cha mẹ nữa rồi!

Nhà vua nghe ngài than khóc, nghĩ thầm: “Người này phụng dưỡng cha mẹ hết lòng hiếu thảo tận tụy, ngay bây giờ đang lúc đau đớn mà cũng chỉ nghĩ đến cha mẹ, ta thật đã gây tội ác với một Thánh nhân như vậy, làm sao ta an ủi được người đây? Khi ta đọa xuống địa ngục rồi thì ngài vàng có ích gì cho ta? Thôi ta nguyện phụng dưỡng cha mẹ người như người đã phụng dưỡng họ. Như thế cái chết của người không ảnh hưởng mấy đến họ.” Liền sau đó, vua nói lên quyết tâm của mình qua các vần kệ sau:

- 321.** Nay hỡi Sāma đáng cát tường,
Chớ nên tuyệt vọng ngập tâm hồn,
Vì ta phụng dưỡng hai thân lão,
Trong cảnh cô đơn nặng khổ buồn.
- 322.** Ta nay thành thạo với cây cung,
Lời hứa ta cương quyết thủy chung,

Ta sẽ thay người và phụng dưỡng,
Mẹ cha người sống ở trong rừng.

323. Ta sẽ đi tìm miếng thịt nai,
Đủ dùng củ rễ, trái cây tươi,
Rồi ta hầu hạ hai thân lão,
Ta chính gia nô của các ngài.

324. Hiện nay hai vị ở rừng nào?
Này hỡi Sāma, hãy nói mau!
Ta thề bảo vệ, nuôi hai vị,
Như chính người làm tợ bấy lâu.

Bậc Đại sĩ đáp:

– Thế thì tốt quá, xin Đại vương nuôi nấng cha mẹ ta giùm!

Rồi ngài chỉ đường cho vua:

325. Nơi chốn đầu ta đặt ở đây,
Hai trăm tầm chạy giữa rừng cây,
Con đường dẫn đến lều cha mẹ,
Xin đến làm ơn phụng dưỡng thay.

Sau khi chỉ đường và kiên nhẫn chịu đựng sự đau đớn khủng khiếp vì lòng thương yêu cha mẹ, ngài kính cẩn chấp tay lại, thỉnh cầu vua một lần cuối hãy nuôi dưỡng cha mẹ thay mình:

326. Cung kính lễ ngài, bậc Đại vương,
Ngài đi như vậy đúng con đường,
Mù lòa, cha mẹ ta đơn độc,
Xin bảo vệ, nuôi dưỡng, đoái thương!

327. Kính lễ Kāsi Chúa thượng ôi!
Hai tay ta chấp khấn cầu ngài,
Nhân danh ta gửi về cha mẹ,
Lời nhắn nhủ ta đã nói rồi.

Vua nhận lời ủy thác, và bậc Đại sĩ sau khi nói xong lời nhắn nhủ cuối cùng liền bất tỉnh.

Bậc Đạo sư giải thích việc này như sau:

328. Sāma với vẻ mặt hiền lương,
Đã nói lời này với Đại vương,
Rồi ngất lịm dần vì thuốc độc,
Nằm mê man tựa bỏ thân tàn.²¹

²¹ Xem Miln. 198, *Mettānisamsapañha* (Câu hỏi về lợi ích của tâm từ).

Từ trước đến giờ ngài cố gắng thốt ra những lời lẽ trên như thể người bị hụt hơi nhưng đến đây tiếng nói đã đứt quãng vì toàn thân, tim óc, sinh lực của ngài đều lần lượt chịu sự tác động dữ dội của thuốc độc nên miệng và mắt ngài khép lại, tay chân cứng đờ, toàn thân đầm máu. Vua kêu lên:

– Người này đang nói với ta cho đến giờ phút này, bỗng dừng tại sao lại hết thở vô ra rồi kia? Các cơ quan đã ngưng hoạt động, thân thể đã cứng đờ, chắc hẳn Sāma đã chết rồi!

Và không thể nào ngăn được sầu thương, vua đắm vào đau than khóc thảm thiết.

Đến đây, bậc Đạo sư ngâm kệ để làm sáng tỏ vấn đề này:

329. Đau đớn nhà vua đã khóc than:

“Trước kia chưa xảy đến tai nạn,
Ta không hề biết già rồi chết,
Trời hỡi, giờ ta biết rõ ràng!

330. Nay thấy mọi người phải chết thôi,
Chính Sāma cũng chết, than ôi!
Chàng vừa khuyên nhủ, lời trần trời,
Khi hấp hối từ già cõi đời.

331. Địa ngục đây, ta đọa hiển nhiên,
Thánh nhân bị giết đó, nằm yên,
Mọi người thôn xóm nào ta gặp,
Sẽ nói đồng thanh tội lỗi trên.

332-33. Sống ở rừng hoang vắng vẻ này,
Họ tên ta có kẻ nào hay?
Đây miền hiu quạnh không người ở,
Ai sẽ nhắc ta mối nhục này?”

Lúc bấy giờ, có một nữ thần tên gọi Bahusodarī ở tại núi Gandhamādana (Hương Sơn) đã là mẹ của Bồ-tát cách đây bảy đời trước, vẫn thường tưởng nhớ đến ngài với tình mẹ thương con, nhưng ngày hôm đó vì ham hưởng lạc thú thiên giới nên bà không nhớ đến ngài như thường lệ. Các bằng hữu của bà lại bảo bà đã đi dự hội trên thiên giới cho nên đã không nói gì.

Bỗng nhiên, bà nghĩ đến ngài đúng lúc ngài đang bất tỉnh. Bà tự nhủ: “Việc gì đã xảy ra cho con ta?” và bà nhìn thấy Vua Piliyakkha đã giết ngài bằng mũi tên tẩm thuốc độc bên bờ sông Migasammata. Ngài đang nằm trên bờ cát, còn nhà vua đang than khóc thảm thiết. Bà nghĩ: “Nếu ta không đến đó thì con ta sẽ chết, vua sẽ đau đớn lắm, còn cha mẹ Sāma sẽ chết đói, chết khát. Nhưng nếu ta đến thì vua sẽ mang bình nước lại cho cha mẹ của con ta. Sau khi nghe họ nói, vua sẽ dẫn họ đến gặp con, rồi ta và họ sẽ cùng thành tâm thực hiện lời nguyện trang nghiêm để đánh tan chất độc trong thân thể Sāma, làm cho con ta sống

lại. Cha mẹ của con ta lại được sáng mắt ra và sau đó khi đã nghe Sāma thuyết giảng, vua sẽ làm bố thí lớn và được tái sinh lên cõi trời, vậy ta phải đi liền!” Thế rồi, bà đến bờ sông Migasammata và ẩn mình đứng trên không, thuyết pháp cho vua nghe.

Đến đây, bậc Đạo sư ngâm kệ để làm sáng tỏ vấn đề này:

334. Thần nữ ẩn mình giữa cõi không,
Ở trên thượng đỉnh của Hương Sơn,
Rót vài câu kệ vào tai họ,
Vì bởi xót thương vị chúa công:

335. “Ngài đã tạo ra một ác hành,
Tội kia đè nặng ở trên mình,
Mẹ, cha, con thấy đều vô tội,
Mũi tên ngài giết cả gia đình.”

336. Đến đây ta bảo với ngài nào:
“Tìm chỗ trú an nương tựa vào,
Cấp dưỡng người mù rừng vắng họ,
Tâm ngài sẽ hạnh phúc đường bao!”

Nghe nữ thần dạy bảo, vua tin lời bà ngay, rằng nếu đi phụng dưỡng hai người mù lòa đó, vua sẽ được lên thiên giới. Vì thế, vua quyết định: “Ta còn cần gì ngai vàng nữa, ta sẽ bỏ đi và hết lòng phụng dưỡng họ.” Sau một hồi tuôn trào lời than khóc, vua cố nén nỗi sầu bi vì cho rằng Sāma đã chết thật rồi. Vua làm lễ cung kính thì thể ngài với đủ loại hoa thơm, rải nước lên thì thể ngài, đi nhiều quanh ba vòng, thân phía bên hữu hướng về thì thể và lễ bái khắp bốn phương. Rồi vua cầm bình nước đã được giao và đi về hướng Nam, lòng nặng trĩu u sầu.

Đến đây, bậc Đạo sư giải thích thêm qua vần kệ:

337. Sau một hồi tuôn lệ khóc than,
Thương chàng xấu số nửa chừng xuân,
Vua liền tiến lại cầm bình nước,
Và hướng mặt đi đến phía Nam.

Nhà vua vốn là người mạnh khỏe nên cầm bình nước, cương quyết băng rừng đến am ẩn sĩ và cuối cùng cũng đến trước cửa am của bậc Hiền giả. Hiền giả Dukūlaka đang ngồi trong am, nghe tiếng chân người đến gần, phân vân không biết là ai liền thốt lên lời kệ:

338. Ta đang nghe các bước chân này,
Một kẻ nào đi đến lối đây,
Không phải tiếng chân Sāma bước,
Này người, cho hỏi người là ai?

339. Sāma con lão đi êm, lặng,
Lúc đặt bàn chân rất nhẹ nhàng,
Tiếng bước chân này không phải nó,
Đây người, cho hỏi là ai sang?

Vua nghe nói liền suy nghĩ: “Nếu ta bảo thật cho ông lão biết ta đã giết con ông và không nói rõ ta là vua thì họ sẽ phẫn nộ và mắng chửi ta và lòng sân hận của ta sẽ nổi lên khiến ta xúc phạm đến họ, lại càng gây thêm tội ác. Nhưng thường tình ai gặp vua mà lại không kính sợ, vậy ta phải nói cho họ biết.” Vì thế, vua đặt bình nước vào đúng chỗ rồi đứng trước cửa am nói to:

340. Kāsi Chúa tể chính là ta,
Tên được gọi là Piliyakkha,
Từ già ngời vì thêm món thịt,
Săn nai, phiêu bạt chốn rừng già.
341. Có tài thiện xạ chính ta đây,
Cương quyết lòng ta chẳng chuyển lay,
Chẳng rắn thân nào hòng thoát khỏi,
Một khi đã đến trong tầm tay.

Lão Hiền nhân chào mừng vua với tình thân hữu và đáp lời:

342. Kính mừng vạn tuế, đáng Quân vương!
Hạnh ngộ ngài đi lạc bước đường,
Chúa thượng vinh quang và vĩ đại,
Sứ mạng gì xin được tỏ tường?²²
343. Tinduka, piyāla, các lá cây,
Kāsumārī trái ngọt ngào thay,
Dù còn chỉ ít oi đôi chút,
Chọn thứ thiệt ngon có sẵn đây.²³
344. Nước mát này từ dưới động sâu,
Ẩn mình trên một ngọn đồi cao,
Kính mời Chúa thượng, xin ngài ngự,
Cầm lấy uống vào thỏa ước ao.

Vua nghe lời tung hô nọ liền nghĩ: “Nếu ta nói ngay với ông lão rằng ta vừa giết chết con lão thì thật là thất sách. Vậy ta phải khởi đầu câu chuyện như ta chẳng biết gì cả rồi sẽ nói sau.” Vì thế, vua hỏi:

345. Sao người mù lặn quần rừng hoang,
Các trái này đây, ai đã mang?

²² Xem J. V. 317, *Sona-Nanda-jātaka* (Chuyện hai Hiền giả Sona và Nanda), số §532; J. VI. 481, *Vessantarajātaka* (Chuyện Đại vương Vessantara), số §547.

²³ Hai câu kệ 343-44, xem J. VI. 481, *Vessantarajātaka* (Chuyện Đại vương Vessantara), số §547.

Người ấy phải là người sáng mắt,
Hái nhiều loại tích trữ kho hàng.

Lão Hiền nhân ngâm hai vần kệ sau cho biết hai vợ chồng lão không đi hái trái mà là con trai đã mang về:

346. Sāma con trẻ tuổi hoa niên,
Tâm thước đẹp sao mắt ngắm xem,
Tóc dài đen nhánh quanh đầu nọ,
Cứ cuộn tròn trông thật tự nhiên.

347. Đem trái cây rồi lại bước ra,
Vội đi đổ nước đầy bình ta,
Sẽ quay trở lại tức thì đó,
Đường đến bờ sông cũng chẳng xa.

Vua đáp lời:

348-49. Sāma hiểu tử của hai người,
Người tả đẹp sao, tốt tuyệt vời,
Ta đã giết chàng nằm ở đó,
Tóc đen kia nhuộm máu hồng rồi!

Chòi lá của Pārikā gần đó, trong lúc bà ngồi nghe giọng nói của vua, bà lo ngại không biết việc gì đã xảy ra và khi đi đến gần men theo sợi dây thừng đến trước Hiền giả Dukūlaka, bà kêu lên:

350. Cho biết là ai, Dukūla,
Nói rằng con bị giết, Sāma,
Sāma đã chết, đây tin dữ,
Như xẻ làm đôi tim của ta!

351. Như thể chồi cây sung trẻ non,
Bị cơn gió mạnh xé lìa tan,
Sāma đã chết, nghe tin ấy,
Đau khổ làm ta nát ruột gan.

Lão nhân khuyên nhủ bà:

352. Đây là chúa tể nước Kāsi,
Cung ác của ngài đã giết đi,
Con của chúng ta bên bến nước,
Song ta đừng có rửa nguyên gì.

Pārikā đáp lại:

353. Chỗ dựa, con yêu độc nhất đời,
Trông mong, chờ đợi mãi không thôi,
Sao tâm chứa đủ niềm căm hận,
Với kẻ ra tay giết hại người?

Lão nhân nói lớn:

354. Chỗ dựa, con yêu độc nhất đời,
Trông mong, chờ đợi mãi không thôi,
Nhưng Hiền nhân cảm ta cảm hận,
Vớ kẻ ra tay giết hại người!

Rồi cả hai ông bà đều lớn tiếng than khóc, đầm ngực tán thán công đức của Bồ-tát. Lúc đó, vua cố hết sức an ủi hai vị:

355. Thôi đừng khóc nữa, ta van người,
Vì trẻ Sāma bạc phận rồi,
Ta sẽ phụng thờ hai vị mãi,
Đừng buồn như thể quá đơn côi.

356. Ta đây thành thạo với cây cung,
Lời hứa ta cương quyết thủy chung,
Ta sẽ hầu bên hai vị mãi,
Và nuôi hai vị ở trong rừng.

357. Ta sẽ đi tìm miếng thịt nai,
Đủ dùng củ, rễ, trái cây tươi,
Rồi ta hầu hạ bên hai vị,
Ta chính gia nô của các người.

Hai ông bà lão liền phản đối vua:

358. Chuyện này chẳng phải đạo, Quân vương,
Chẳng thích hợp đâu, trái lẽ thường,
Ngài chính là quân vương hợp pháp,
Chúng thần xin đánh lễ đôi chân.

Khi nghe vậy, vua rất hoan hỷ nghĩ thầm: “Thật kỳ diệu thay! Họ đã không mở lời hung hăng trách mắng ta là kẻ gây tội lỗi, lại còn tiếp đón ta thật ân cần.”
Rồi vua ngâm kệ:

359. Sơn nhân tuyên bố lễ công bằng,
Tiếp đón như vậy thật chí thân,
Ngài chính từ đây cha của trăm,
Và bà là mẹ của thần dân.

Cả hai ông bà đều cung kính giơ tay lên trời thỉnh cầu vua:

– Chúng tôi không dám nhờ Đại vương phụng dưỡng, chỉ mong Đại vương cầm đầu cây gậy dẫn chúng tôi đến chỗ Sāma nằm.

Rồi họ ngâm hai vần kệ:

360. Kāsi chúa tể thật huy hoàng!
Ngài sẽ làm dân tộc phú cường,
Xin hãy đưa ta đi đến chỗ,
Sāma yêu quý của ta nằm.

361. Tại đó, ta quỳ xuống dưới chân,
Chúng ta sờ mắt, mũi, toàn thân,
Chúng ta quyết đợi chờ thần chết,
Kiên nhẫn bên con mả đến cùng.

Trong lúc họ đang nói chuyện thì mặt trời lặn. Vua nghĩ thầm: “Bây giờ nếu ta đưa họ đến đó, họ sẽ tan nát cõi lòng trước cảnh đau thương và nếu ba mạng người chết vì ta thì chắc chắn ta sẽ đọa vào địa ngục. Thôi ta đừng dẫn họ đến đó nữa!” Thế rồi, vua ngâm ba vản kệ này:

362. Một vùng đầy dã thú săn mồi,
Như tận cùng biên giới cõi đời,
Chính chỗ Sāma nằm hiện tại,
Như vàng trắng rụng xuống trần rồi.
363. Một vùng đầy dã thú săn mồi,
Như tận cùng biên giới cõi đời,
Chính chỗ Sāma nằm hiện tại,
Như vàng dương rụng xuống trần rồi.
364. Một vùng đầy dã thú săn mồi,
Như tận cùng biên giới cõi đời,
Chính chỗ Sāma nằm hiện tại,
Bao nhiêu bụi đất phủ lên rồi.
365. Một vùng đầy dã thú săn mồi,
Như tận cùng biên giới cõi đời,
Chính chỗ Sāma nằm hiện tại,
Xin hai vị ở lại am thôi!

Hai ông bà đáp lời chứng tỏ lòng gan dạ của họ:

366. Mặc loài dã thú phá tan hoang,
Hàng vạn triệu con cứ ngập tràn,
Ta chẳng sợ đâu bày dã thú,
Chúng không thể hại đến thân tàn.

Như thế, vua không thể ngăn cản họ được, đành phải cầm tay dắt họ đến đó.

Để làm rõ ý nghĩa này, bậc Đạo sư ngâm [vản kệ]:

367. Để dẫn người mù lòa bước chung,
Đến nơi rừng lớn đầy gian truân,
Vua Kāsi phải cầm tay họ,
Dù tận chỗ Sāma mạng vong.

Khi đến nơi, vua bảo:

– Con trai của hai vị nằm đây rồi.

Ông lão liền áp đầu vào lòng con và bà mẹ gục đầu xuống chân con khóc lóc thảm thiết.

Bậc Đạo sư ngâm kệ này để làm sáng tỏ vấn đề:

368-71. Lấm bụi và tan nát ruột gan,
 Vừa nhìn cảnh tượng Sāma nằm,
 Họ quỳ xuống giống như nhìn thấy,
Vàng nhạt nguyệt rơi rụng xuống trần,
 Cha mẹ giờ cao đôi tay họ,
 Khóc than thật thống thiết muôn phần.

372-76. Phải chăng con ngủ hỡi Sāma,
 Con giận hờn, quên cả mẹ cha,
 Hãy nói việc gì làm mệt trí,
 Khiến con nằm chẳng trả lời ta?

377. Ai sẽ bây giờ kết tóc ta,
 Rồi ai sẽ phủ bụi trong nhà,
 Khi Sāma chẳng còn đây nữa,
 Ở lại chỉ hai kẻ mắt lòa?

378-80. Ai sẽ quét sàn cho chúng ta,
 Ai đem nước nóng, lạnh bây giờ,
 Ai tìm củ, quả rừng về nữa,
 Cô độc, già, mù cả mẹ cha?

Bà mẹ đầm ngực than khóc hồi lâu rồi suy xét kỹ nỗi sầu thương của mình, bà tự nhủ: “Tất cả chuyện đau thương này là do con ta bị hôn mê vì chất độc quá mạnh, vậy ta phải thành khẩn thề nguyện để giải độc cho con.” Nghĩ vậy rồi, bà trang nghiêm tuyên thệ.

Bậc Đạo sư nói rõ về điều này:

381. Khi biết Sāma ngã gục nằm,
 Bao nhiêu bụi đất phủ trên thân,
 Muộn sầu, khốn khổ thương con trẻ,
 Người mẹ bèn tuyên lời thật chân:

382. “Quả thật Sāma con trẻ đây,
 Là người theo pháp, chẳng hề sai,
 Cầu mong lời thật tôi vừa nói,
 Khiến chất độc kia tiêu mất ngay.

383. Quả thật Sāma con trẻ tôi,
 Thực hành Phạm hạnh, chẳng buông lơi,
 Cầu mong lời thật tôi vừa nói,
 Khiến chất độc kia tiêu mất thôi.

384. Quả thật Sāma con trẻ đây,
Lời luôn chân chánh, chẳng đơn sai,
Cầu mong lời thật tôi vừa nói,
Khiến chất độc kia tiêu mất ngay.
385. Quả thật Sāma con trẻ đây,
Chăm lo cha mẹ quá tròn đầy,
Cầu mong lời thật tôi vừa nói,
Khiến chất độc kia tiêu mất ngay.
386. Quả thật Sāma con trẻ đây,
Kính cung bậc trưởng thượng, hay thay!
Cầu mong lời thật tôi vừa nói,
Khiến chất độc kia tiêu mất ngay.
387. Quả thật Sāma con trẻ ngoan,
Mẹ luôn yêu quý hơn sinh mạng,
Cầu mong lời thật tôi vừa nói,
Khiến chất độc kia lập tức tan.
388. Việc phước thiện nào cha mẹ hay,
Trước giờ tích tạo đến hôm nay,
Cầu mong thiện sự bao nhiêu ấy,
Khiến chất độc kia tiêu mất ngay.”

Sau khi bà mẹ trang nghiêm thề nguyện như vậy qua bảy vắn kệ, Sāma bỗng nghiêng mình và nằm lại. Rồi người cha nghĩ: “Con trai ta còn sống, ta cũng sẽ trang nghiêm thề nguyện”, và ông thành khẩn thề nguyện tương tự.

Bác Đạo sư nói rõ về điều này:

389. Khi biết Sāma ngã gục nằm,
Bao nhiêu bụi đất phủ trên thân,
Muộn sào, khôn khổ thương con trẻ,
Cha cậu bèn tuyên lời thật chân:
390. “Quả thật Sāma con trẻ đây,
Là người theo pháp, chẳng hề sai,
Cầu mong lời thật tôi vừa nói,
Khiến chất độc kia tiêu mất ngay.
391. Quả thật Sāma con trẻ tôi,
Thực hành Phạm hạnh, chẳng buông lời,
Cầu mong lời thật tôi vừa nói,
Khiến chất độc kia tiêu mất thôi.

392. Quả thật Sāma con trẻ đây,
Lời luôn chân chánh, chẳng đơn sai,
Cầu mong lời thật tôi vừa nói,
Khiến chất độc kia tiêu mất ngay.
393. Quả thật Sāma con trẻ đây,
Chăm lo cha mẹ quá tròn đầy,
Cầu mong lời thật tôi vừa nói,
Khiến chất độc kia tiêu mất ngay.
394. Quả thật Sāma con trẻ đây,
Kính cung bậc trưởng thượng, hay thay!
Cầu mong lời thật tôi vừa nói,
Khiến chất độc kia tiêu mất ngay.
395. Quả thật Sāma con trẻ ngoan,
Cha luôn yêu quý hơn sinh mạng,
Cầu mong lời thật tôi vừa nói,
Khiến chất độc kia lập tức tan.
396. Việc phước thiện nào cha mẹ hay,
Trước giờ tích tạo đến hôm nay,
Cầu mong thiện sự bao nhiêu ấy,
Khiến chất độc kia tiêu mất ngay.”

Sau khi người cha tuyên bố những lời chân thật này thì Bồ-tát xoay người sang phía bên kia rồi nằm lại. Kế đến, nữ thần cũng thể nguyên trang nghiêm lần thứ ba.

Bậc Đạo sư giải thích rõ về điều này:

397. Thần nữ ẩn mình giữa cõi không,
Ở trên thượng đỉnh của Hương Sơn,
Thực hành tuyên bố lời chân thật,
Vì với Sāma dạ xót thương:
398. “Ở lâu trên thượng đỉnh Hương Sơn,
Sāma là người ta quý hơn,
Cầu mong lời thật tôi vừa nói,
Khiến độc trong Sāma biến tan.
399. Tất cả rừng cây ở Hương Sơn,
Thả đều lan tỏa ngát mùi thơm,
Cầu mong lời thật tôi vừa nói,
Khiến độc trong Sāma biến tan.”

- 400.** Trong khi thương xót, họ thay phiên,
Chứng thực trang nghiêm, họ phát nguyện,
Kìa thấy Sāma vùng đứng dậy,
Xinh tươi, cường tráng, thật hồn nhiên.

Thế là bậc Đại sĩ đã phục hồi khỏi vết trọng thương, cha mẹ ngài cũng phục hồi lại thị giác vừa lúc bình minh xuất hiện. Các phép lạ ấy xảy ra cùng một lúc tại chốn am tranh nhờ thần lực của nữ thần. Đôi cha mẹ đều vui mừng không sao kể xiết khi thấy mình được sáng mắt ra và con trai đã được hồi sinh. Lúc ấy, Sāma ngâm kệ này:

- 401.** Con chính Sāma được vạn an,
Nhìn con trước mặt, hãy hân hoan,
Hãy lau khô hết đôi dòng lệ,
Và đón chào con, hạnh phúc tràn!
- 402.** Vạn tuế, cầu mong bậc Đại vương,
Phước phần phục vụ lệnh ngài luôn,
Ngài là chúa tể thần dân đó,
Ước nguyện gì xin hãy tỏ tường!
- 403.** Tinduka, piyāla, madhukā tươi,
Trái cây quý hiếm nhất, xin mời,
Dâng lên thượng khách, ngon như mật,
Ngài ngự dùng cho thỏa ý thôi.
- 404.** Nước mát đây từ dưới động sâu,
Ăn mình trên một ngọn đồi cao,
Suối trong làm dịu ngay cơn khát,
Ngài ngự dùng cho thỏa khát khao.

Vua nhìn cảnh tượng kỳ diệu này liền nói to:

- 405.** Ta lạ lòng kinh ngạc biết bao,
Ta không thể nói hướng phương nào,
Một giờ trước thấy chàng nằm chết,
Nay sống dậy đây, thật nhiệm mầu!

Sāma nghĩ thầm: “Vua tưởng ta đã chết, vậy ta phải giải thích rõ là ta vẫn còn sống”, và ngài nói:

- 406-07.** Một người đầy đủ các công năng,
Tình cảm, tâm tư chẳng thoát thân,
Vì bất tỉnh là ngưng hoạt động,
Người ngoài tưởng kẻ ấy từ trần.

Rồi muốn cho hiểu rõ ý nghĩa thật sự của chuyện này, ngài ngâm kệ thuyết pháp:

408. Các thể nhân theo pháp chánh chân,
Chăm nuôi cha mẹ lúc gian truân,
Chư thiên nhìn thấy lòng con hiếu,
Và đến chữa lành các bệnh luôn.

409. Các thể nhân theo pháp chánh chân,
Chăm nuôi cha mẹ lúc gian truân,
Chư thiên thế giới này ca tụng,
Đời kế cỗi thiên hưởng phước phần.

Vua nghe vậy nghĩ thầm: “Thật kỳ diệu thay, ngay cả các thiên thần cũng xuống trần chữa lành bệnh cho người phụng thờ cha mẹ khi người này bị bệnh hoạn, chàng Sāma này thật vinh quang vượt bậc!”

Rồi vua ngâm kệ:

410. Ta lạ lòng kinh ngạc biết bao,
Ta không thể thấy hướng phương nào,
Sāma, ta đến nhờ chàng giúp,
Chàng chính là nơi ta trú vào.

Lúc ấy, bậc Đại sĩ nói:

– Tâu Đại vương, nếu Đại vương muốn lên thiên giới và hưởng an lạc ở đó thì Đại vương phải thực hành mười phận sự như sau.

Rồi ngài ngâm kệ về vấn đề này:

411. Trước tiên là đối với song thân,
Ngài phải làm tròn phận sự luôn,
Phận sự hoàn thành trên cõi đất,
Sẽ đưa ngài đến cõi thiên nhân.

412. Đối với vương phi, với các con,
Phải làm tròn phận sự, Quân vương,
Phận sự hoàn thành trên cõi đất,
Sẽ đưa ngài đến cõi thiên nhân.

413-16. Với thân bằng và các triều thần,
Binh sĩ trong tất cả đạo quân,
Với các thôn làng và thị trấn,
Giang sơn ngài, với mọi tùy tùng.

417-19. Với người thanh tịnh, Bà-la-môn,
Ăn sĩ, thú, chim, hời Chúa công,
Phận sự hoàn thành trên cõi đất,
Sẽ đưa ngài đến cõi thiên thần.

420. Phận sự tròn đem lại phước ân,
Phạm thiên, Đế-thích, các thiên thần,

Nhờ làm phận sự đầy an lạc,
Vậy phải hoàn thành phận thể nhân.

Sau khi thuyết giảng thập vương pháp cho vua xong, bậc Đại sĩ còn thuyết giảng thêm nhiều pháp nữa và dạy vua giữ năm giới. Vua cúi đầu tín thọ lời thuyết giảng và sau khi cung kính từ tạ ra về liền trở lại Ba-la-nại thực hành đại bố thí cùng nhiều công đức khác rồi sau khi mạng chung đi theo nghiệp của mình, cùng với triều thần gia nhập hội chúng thiên giới. Còn Bồ-tát cùng với cha mẹ ngài đều đạt các thắng trí và nhiều cấp độ thiền chứng khác nhau, rồi đi lên cõi Phạm thiên.

Sau khi thuyết giảng xong, bậc Đạo sư bảo:

– Nay các Tỷ-kheo, người hiền phụng dưỡng cha mẹ là một phong tục tối cổ.

Rồi Ngài tuyên thuyết các sự thật, vị Tỷ-kheo phụng dưỡng mẹ đắc quả Dự lưu. Sau đó, Ngài nhận diện tiền thân:

– Vào thời ấy, vua là Ānanda (A-nan), nữ thần là Uppalavaṇṇā (Liên Hoa Sắc), Thiên chủ Sakka là Anuruddha (A-na-luật-đa), người cha là Mahākassapa (Đại Ca-diếp), người mẹ là Bhaddakāpilānī và Sāma chính là Ta.

§541. CHUYỆN ĐẠI VƯƠNG NIMI (*Nimijātaka*)²⁴ (J. VI. 95)

Quả thật diệu kỳ ở thế gian...

Câu chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại vườn xoài của Vua Makhādeva²⁵ gần thành Mithilā về một nụ cười.

Một buổi chiều nọ, bậc Đạo sư cùng hội chúng đông đảo Tỷ-kheo đang dạo chơi trong vườn xoài, Ngài chợt thấy một nơi hợp ý. Vì muốn kể lại hành nghiệp của mình ở thời quá khứ, Ngài liền để lộ một nụ cười trên khuôn mặt cho hội chúng chiêm ngưỡng. Khi Tôn giả Ānanda hỏi tại sao, Ngài đáp:

– Nay Ānanda, ở chỗ kia, ngày xưa Ta đã nhập thiền định vào thời Vua Makhādeva.

Rồi theo lời thỉnh cầu của Tôn giả, đức Thế Tôn ngồi xuống nơi Tôn giả mời Ngài và kể câu chuyện quá khứ.

²⁴ Tham chiếu: J. I. 138, *Makhādevajātaka* (Chuyện Vua Makhādeva), số §9; M. II. 74, *Makhādevasutta* (Kinh Makhādeva), số 83; Đại Thiên nại lâm kinh 大天奈林經 (T.01. 0026.67. 0511c21); Tăng. 增 (T.02. 0125.1.1. 0549b09); Tăng. 增 (T.02. 0125.50.4. 0806c21); Ma-điều Vương kinh 摩調王經 (T.03. 152.87. 0048b25); Pháp cú kinh “Đạo-lợi phẩm” 法句經道利品 (T.04. 0210.38. 0574b16); Pháp cú thí dụ kinh “Đạo-lợi phẩm” 法句譬喻經道利品 (T.04. 0211.38. 0606b16); Phật thuyết Trừ khùng tai họa kinh 佛說除恐災患經 (T.17. 744. 0553b01).

²⁵ Bản CST viết *Maghadeva*.

Thuở xưa, ở quốc độ Videha, trong kinh thành Mithilā có một vị vua tên là Makhādeva. Khi còn thanh xuân, vua hưởng thọ dục lạc trong khoảng tám mươi bốn ngàn năm, kế đó ngài làm phó vương trong tám mươi bốn ngàn năm, rồi lên làm vua trong tám mươi bốn ngàn năm nữa.

Lúc bấy giờ, ngài bảo người thợ hớt tóc phải báo cho ngài biết ngay khi gã thấy sợi tóc bạc đầu tiên trên đầu ngài. Thời gian qua, khi người ấy thấy sợi tóc bạc liền tâu với vua, vua bảo gã lấy nhíp nhổ ra để lên tay ngài; ngài thấy như thể thần chết đang bám vào trán ngài vậy. Ngài nghĩ thầm: “Bây giờ đã đến lúc ta phải rời khỏi thế tục.” Vì thế, ngài cho phép người thợ hớt tóc lựa chọn một ngôi làng theo ý muốn, còn ngài cho triệu thái tử đến giao việc triều chính vì ngài sẽ xuất gia.

Thái tử hỏi:

– Tâu Phụ vương, tại sao vậy?

Ngài đáp:

Kìa tóc bạc trên đầu hiện ra,
Cướp dần đời sống tháng năm qua,
Chúng là thiên sứ nhắc ta nhớ,
Nay đến thời ta phải xuất gia.

Cùng với những lời này, ngài phong vương cho con theo nghi lễ Quán đảnh, huấn dạy tân vương phép trị nước rồi ngài rời kinh thành theo đời sống của một ẩn sĩ. Suốt tám mươi bốn ngàn năm ngài tu tập tứ vô lượng tâm, rồi ngài được sinh lên Phạm thiên giới.

Con của ngài cũng theo gương cha. Các hoàng tử về sau cũng vậy, cứ lần lượt tám mươi bốn ngàn vị, khi thấy sợi tóc bạc đầu tiên xuất hiện, họ liền xuất gia, ẩn cư trong vườn xoài, hành trì tứ vô lượng tâm và được sinh lên Phạm thiên giới. Là vị vua đầu tiên trong hoàng tộc được sinh cõi này, Vua Makhādeva đứng trên Phạm thiên giới nhìn xuống hoàng tộc của mình, ngài rất hoan hỷ khi thấy tám mươi bốn ngàn hoàng tử thiêu hai vị đã xuất gia. Ngài suy nghĩ: “Sẽ có Niết-bàn bây giờ hay không?” Ngài thấy là không thể có được nên ngài quyết định chính ngài chứ không ai khác nữa phải kế tục sự nghiệp hoàng gia. Vì thế, ngài từ thiên giới xuống nhập mẫu thai hoàng hậu của vị vua thành Mithilā.

Vào ngày đặt tên, các nhà tiên tri nhìn tướng mạo của hài nhi, đồng tâu:

– Tâu Đại vương, vương tử này ra đời để kế tục sự nghiệp hoàng gia. Từ đây về sau, hoàng tộc của ngài sẽ không còn là hoàng tộc ẩn sĩ nữa.

Nghe vậy, vua bảo:

– Hài nhi này ra đời để nối nghiệp hoàng gia như thể chiếc vành bánh xe vậy.

Vì thế, ngài đặt tên con là Nimi (Xa Luân).

Từ thuở ấu thơ, vương tử này đã chuyên tâm bồ thí, làm các công đức, giữ giới vào ngày trai giới (*Uposatha*). Khi vua cha theo lệ thường, trông thấy sợi tóc bạc đầu tiên liền ban một ngôi làng cho người hót tóc, phong vương cho con rồi trở thành ẩn sĩ trong vườn xoài và được sinh lên Phạm thiên giới.

Còn Vua Nimi chuyên tâm bồ thí nên đã lập năm bồ thí đường tại bốn cổng thành và ngay chính giữa thành để thực hành đại bồ thí. Trong mỗi bồ thí đường, ngài ban phát một trăm ngàn đồng tiền, thế là ngài phát ra năm trăm ngàn đồng tiền mỗi ngày. Ngài thường xuyên giữ ngũ giới, vào các ngày rằm ngài giữ giới hạnh Bố-tát. Ngài khuyến khích dân chúng bồ thí và làm các công đức, chỉ dạy cho họ con đường đi lên thiên giới, khiến họ thấy kinh sợ thần chết rồi ngài thuyết pháp cho họ nghe. Dân chúng tin theo lời thuyết giáo của ngài, bồ thí, làm thiện sự nên khi từ trần đều lần lượt được sinh lên thiên giới, vì thế thiên giới trở nên đông đảo, còn địa ngục như thể trống vắng.

Lúc ấy, ở cõi trời Ba Mươi Ba, chư thiên đang tụ họp tại Thiện Pháp (*Sudhammā*) đường đồng thanh hô to:

– Hoan nghênh bậc Sư trưởng của chúng ta, Đại vương Nimi vạn tuế! Chính nhờ ngài hành thiện nghiệp, nhờ tri kiến Phật của ngài mà chúng ta đã đạt được an lạc vô biên ở thiên giới này.

Như thế họ tán thán công đức của bậc Đại sĩ. Ngay trong cõi nhân gian, tiếng tán thán cũng lan tràn khắp nơi như dầu loang trên mặt biển cả.

Bậc Đạo sư giải thích việc này cho hội chúng Tỷ-kheo qua các vần kệ sau:

421. Quả thật diệu kỳ ở thế gian,
Các Hiền nhân đã được vinh thăng,
Vào thời Minh chúa Nimi ấy,
Thánh giả, Hiền nhân đã ngập tràn.

422. Videha Đại đế ngày xưa,
Bậc chiến thắng bao kẻ địch thù,
Trong lúc ngài thi hành bồ thí,
Vẫn thường sinh khởi mỗi suy tư:
“Điều gì đem lại nhiều thành quả,
Bồ thí, tu hành, ai bảo cho?”

Lúc ấy, cung của Thiên chủ Sakka (Đế-thích) bỗng nóng rực lên. Thiên chủ tìm hiểu lý do, thấy vua đang suy nghĩ như vậy, ngài nói:

– Ta sẽ giải quyết vấn đề này.

Rồi ngài ra đi, bỗng chốc đã biến hoàng cung thành một vùng sáng lòa, ngài bước vào cung điện, sừng sững tỏa hào quang rực rỡ và theo lời thỉnh cầu của vua, ngài làm sáng tỏ mọi việc.

Bậc Đạo sư giải thích việc này như sau:

423. Đại đế chư thiên, đáng vạn năng,
Là ngài Thiên Nhân²⁶ tòa hào quang,
Nhận ra tư tướng trong vua ấy,
Trước ánh sáng ngài bóng tối tan.
424. Đại đế Nimi rớt thịt da,
Vội tâu Thiên chủ Vāsava:
“Thiên hay càn-thát-bà, cho biết,
Như Đế-thích, Purindada?”
425. Hào quang như vậy ở trên trần,
Tôi chẳng từng nghe thấy một lần,
Tôn giả, xin người hãy nói rõ,
Thế nào? Ta muốn biết nguyên nhân.”
426. Đã thấy đức vua rớt thịt da,
Vị Thiên chủ nói Nimi là:
“Ta đây Đế-thích, vị Thiên chủ,
Đã đến thăm ngài chẳng ngại xa.
Hỏi điều ngài muốn, kìa Hoàng thượng,
Chớ sợ hãi và rớt thịt da!”
427. Sakka Thiên chủ, đáng toàn năng,
Giải quyết cho ta nỗi khó khăn,
Bồ thí hay tu hành Thánh hạnh,
Việc gì đem kết quả nhiều hơn?
428. Rồi Vāsa lại bảo Nimi,
Giải quyết cho vua chính vấn đề,
Nói quả tu hành đời Thánh hạnh,
Cho nhà vua ấy được liễu tri:
429. Người sinh làm một Khattiya,
Kẻ sống đời thanh tịnh bậc ba,
Một vị thiên thần vào bậc giữa,
Thánh hiền bậc nhất đạt tinh hoa.
430. Nhờ bồ thí thôi khó đạt thành,
Như vậy những quả vị an lành,
Những gì bậc Thánh nhân xuất thế,
Chúng đắc nhờ tu tập khổ hạnh.

Qua các vần kệ này, ngài làm sáng tỏ thành quả vĩ đại của đời tu hành rồi ngài đọc các bài kệ khác nêu tên các vị vua trong quá khứ đã không thể vượt qua dục giới nhờ thực hành đại bồ thí, đó là các vị vua:

²⁶ Sahassanetta: Ngàn mắt; còn được viết: Sahassakkha (千眼帝釋), Thiên Nhân Đế-thích, một danh hiệu của vị Thiên chủ cõi trời Tāvātimsa (三十三, Tam Thập Tam, Ba Mươi Ba).

431. Dudīpa, Sāgara, Sela,
Mucalinda, Bhagīrasa,
Usīnara và Aṭṭhaka,
Assaka và Puthujjana.
432. Các vua, giáo sĩ, Khattiya,
Và biết bao nhiêu kẻ đã qua,
Vì chỉ chuyên thi hành tế lễ,
Không ai vượt khỏi cảnh quỷ ma.

Sau khi giải thích thành quả của đời sống tu hành cao hơn hẳn thành quả của bố thí như vậy, ngài nêu rõ những vị ẩn sĩ nhờ sống đời Thánh hạnh đã vượt qua thế giới ma quỷ (*peta*) và được sinh lên Phạm thiên giới, rồi ngài nói:

- 433-34. Và đây bảy ẩn sĩ Hiền nhân,
Những vị đã siêu thoát cõi trần,
Yāmahanu, Somayāga,²⁷
Manojava, Samudda,
Māgha, Bharata, Kālikara.²⁸

[Còn có bốn Hiền nhân khác nữa]:

Angīrasa, Kassapa,
Kisavaccha, Akitti,
Thầy đều lên cõi Phạm thiên thần.

Từ trước đến giờ, ngài theo truyền thuyết mô tả thành quả vĩ đại của đời Thánh hạnh, bây giờ ngài tiếp tục tuyên bố những gì chính ngài đã thấy:

435. Sīdā phương Bắc, một trường giang,
Sâu thẳm, thuyền bè khó vượt ngang,
Quanh nó giống như rừng lửa sậy,
Sáng ngời các dốc núi màu vàng.
436. Cát đằng bao phủ ở quanh vùng,
Thơm ngát cây trên núi, dưới sông,
Ở đó mười ngàn nhà ẩn sĩ,
Một thời đã trú ngụ tu thân.
437. Ta giữ lời nguyện của Thánh nhân,
Chuyên tâm tiết dục, tự điều thân,
Thực hành bố thí, đời đơn độc,
Chăm sóc tâm từng bước vững vàng.
438. Bất cứ ở trong đẳng cấp nào,
Phải tìm bậc Thánh để theo hầu,

²⁷ Bản CST viết Somayāma.

²⁸ Kālikara, viết đủ là Kālikarakkhiya.

Vì con người thấy đều ràng buộc,
Do chính mọi hành nghiệp bấy lâu.

- 439.** Xa chánh đạo tất phải đọa thân,
Vào miền địa ngục mọi giai tầng,
Mọi giai tầng trở thành thanh tịnh,
Nếu tạo thiện hành, sống chánh chân.

Sau đó, ngài bảo:

– Tuy nhiên, này Đại vương, mặc dù đời tu hành đạt kết quả cao hơn Bồ thí nhiều nhưng các bậc đại nhân đều phải lưu tâm đến cả hai việc này: Bồ thí và giữ giới hạnh.

Sau lời nhắn nhủ này, Thiên chủ trở về cảnh giới của ngài.

Bậc Đạo sư diễn tả việc ấy rằng:

- 440.** Vừa khi Đế-thích dứt lời này,
Đôi Videha để chỉ bày,
Thiên đế, chồng Sujā cất bước,
Quay về lại cõi chúng thiên ngay.

Lúc ấy, hội chúng chư thiên liền hỏi ngài:

– Tâu Thiên chủ, lâu nay chúng con không được yết kiến Thiên chủ, chẳng hay ngài ở đâu vậy?

– Này các Hiền giả, Vua Nimi ở thành Mithilā đang có mối hoài nghi trong lòng nên ta phải đi giải quyết vấn đề để vua khỏi nghi ngờ nữa.

Rồi ngài tả sự việc qua các vần kệ:

- 441.** Này chư thiên, hãy lắng nghe ta,
Tất cả đây tề tựu này giờ,
Các bậc chánh nhân đều khác hẳn,
Cả về đẳng cấp lẫn tài hoa.
- 442.** Nimi chúa tể ở phạm trần,
Là bậc Trí hiền đức, chánh chân,
Vua nước Vi-đề chuyên Bồ thí,
Là người chiến thắng các cừu nhân.
- 443.** Trong lúc ngài ban phát rộng tay,
Khởi sinh trong trí mỗi nghi này:
“Điều gì kết quả nhiều hơn hẳn,
Bồ thí, tu hành, ai có hay?”

Sau đó, ngài kể lại các đức tính của vua không sót điều gì, khiến chư thiên mong ước được gặp vua liền nói:

– Tâu Thiên chủ, Vua Nimi là bậc Sư trưởng của chúng con, nhờ lời dạy bảo của ngài cùng các phương tiện của ngài, chúng con đã đạt được niềm an lạc

trên thiên giới. Chúng con ao ước được gặp ngài. Vậy xin Thiên chủ hãy cho mời ngài đến để chúng con được bái yết ngài!

Thiên chủ Sakka chấp thuận, truyền gọi thần Mātali đến:

– Này hiền hữu, hãy buộc ngựa vào xa giá của ta, rồi xuống kinh thành Mithilā rước Vua Nimi lên thiên xa và đem ngài về đây!

Thần Mātali vâng lệnh ra đi. Trong khi Thiên chủ Sakka đàm đạo với chư thiên và ra lệnh cho Mātali đem xe xuống trần, tính ra ở hạ giới đã một tháng trôi qua. Lúc đó, đúng ngày trai giới trăng tròn, Vua Nimi mở cửa sổ hướng Đông, ngồi trên lầu cùng các triều thần vây quanh, suy ngẫm đến công hạnh của mình. Vừa lúc trăng lên ở hướng Đông thì thiên xa xuất hiện. Dân chúng đã ăn cơm tối xong, đang cùng nhau trò chuyện vui vẻ trước cửa, họ kêu lên:

– Ô kìa! Sao hôm nay lại có đến hai vàng trắng thế?

Trong lúc họ đang bàn tán thì chiếc xe lộ rõ dần:

– Ô không phải vàng trắng mà là chiếc xe ngựa!

Lúc đó, đoàn tuần mã cả ngàn con của thần Mātali cùng xe của Thiên chủ Sakka xuất hiện, dân chúng tự hỏi: “Xe này dành cho ai đây? Phải rồi, vua của chúng ta thật anh minh, chắc Thiên chủ Sakka dành xe này cho vua của chúng ta rồi, chắc Thiên chủ muốn gặp vua.”

Vì thế, họ hoan hỷ reo hò:

444. Một việc diệu kỳ ở thế gian,
Làm ta rộn gáy bởi hân hoan,
Vì Vi-đề đại vương vinh hiển,
Nên chiếc thiên xa xuống cõi phàm!

Trong lúc dân chúng đang mãi mê bàn tán như vậy thì nhanh như gió, Mātali quay xe lại, dừng xe bên song cửa hoàng cung, mời vua lên xe.

Bậc Đạo sư giải thích việc này như sau:

445-46. Mātali, đại lực thiên thần,
Điều ngự thiên xa của Ngọc hoàng,
Đến thỉnh Videha chúa tể,
Ở Mithilā điện: “Tâu Minh quân,
Chúa công dưới thế lên xa giá,
Thiên chủ Indra với các thần,
Ở cõi Băm Ba, cung Thiện Pháp,
Đang chờ để yết kiến tôn nhan.”

Vua suy nghĩ: “Ta sắp viếng cõi trời mà ta chưa từng biết, vậy ta phải tỏ lòng tri ân đối với thần Mātali.” Thế rồi, ngài bảo các cung phi cùng thân dân:

“Chẳng bao lâu ta sẽ trở về trần thế, vậy các người phải chuyên tâm làm việc thiện và bố thí.” Rồi ngài lên xe.

Bậc Đạo sư giải thích việc này như sau:

447-48. Khi ấy, Videha đại quân,
 Vội vàng tiến đến chiếc xe thần,
 Bước vào, khi Đại vương an tọa,
 Thần lái thiên xa lại hỏi rằng:
 “Thánh chúa, đường nào ngài muốn chọn,
 Nơi người ác ở hoặc Hiền nhân?”

Nghe nói vậy, vua liền nghĩ: “Cả hai chốn này ta đều chưa hề thấy bao giờ cả, vậy ta muốn xem cả hai.” Ngài đáp lại:

449. Mātali, hỡi quản xa thần!
 Hai chỗ ta đều muốn ngắm trông,
 Nơi chốn bậc Hiền nhân trú ngụ,
 Và nơi kẻ ác đọa đầy thân.

Mātali suy nghĩ: “Không thể đi xem cả hai nơi cùng một lúc được, vậy ta phải hỏi lại vua xem sao.” Rồi thần ngâm kệ:

450. Chỗ nào đi trước, Đại minh quân,
 Nơi trước tiên ngài muốn ngắm trông,
 Nơi chốn bậc Hiền nhân trú ngụ,
 Hay nơi kẻ ác đọa đầy thân?

Vua suy nghĩ thế nào ngài cũng sẽ lên thiên giới và ngài lại ước mong thấy địa ngục nên ngài ngâm kệ:

451. Ta muốn xem nơi của tội nhân,
 Hãy đưa ta đến ngục sau cùng,
 Nơi người đã phạm hành vi ác,
 Nơi kẻ ác nay đang trú thân.

Lúc ấy, Mātali chỉ cho vua thấy dòng sông ở địa ngục tên gọi Vetaraṇī.

Bậc Đạo sư giải thích việc này:

452. Thần lái thiên xa chỉ chúa công,
 Dòng sông hôi thối Vetaraṇī,
 Chứa đầy chất nước đang thiêu hủy,
 Nóng bỏng, phủ toàn lửa cháy bùng.

Vua kinh hoàng khi nhìn thấy những tội nhân bị hành hạ đau đớn trong dòng sông Vetaraṇī, ngài liền hỏi Mātali họ đã mắc những tội gì, Mātali liền kể lại.

Bậc Đạo sư giải thích việc này như sau:

453. Vua Nimi thấy tội nhân sa xuống,
Dòng sông sâu liền hỏi Mātali:
“Ta kinh hoàng thấy cảnh tượng đáng kia,
Những kẻ này phạm tội gì, xin nói,
Mà nay bị sa xuống sông Vetaraṇī.”
454. Vừa được hỏi, thần khiên thiên xa đáp,
Giải thích cho Nimi hiểu tường minh,
Ác nghiệp nào đã tạo tác ra sao,
Đều trở quả, ai làm thì phải gánh.
455. “Ai trong đời ý sức mạnh riêng mình,
Lại ức hiếp kẻ nghèo hèn, yếu đuối,
Kẻ ác kia đã gây bao tội lỗi,
Bị thả vào dòng nước Vetaraṇī.”

Mātali đáp lời vua như vậy. Khi vua đã thấy địa ngục Vetaraṇī rồi, Mātali liền làm cho cảnh này biến mất rồi lái xe đến xem nơi tội nhân bị các loài chó và ác thú khác xâu xé. Vua kinh sợ, thất lạc và thần Mātali trả lời.

Bậc Đạo sư giải thích việc này:

456. “Bầy chó đen, đàn kên kên cùng quạ,
Đang đợi mỗi kinh khủng, lúc ta trông,
Mātali, ta kinh hãi trong lòng,
Tội lỗi gì họ gây ra, xin nói,
Quạ rình ai? Mātali hãy đáp!”
457. Vừa được hỏi, thần khiên thiên xa đáp,
Giải thích cho Nimi hiểu tường minh,
Ác nghiệp nào đã tạo tác ra sao,
Đều trở quả, ai làm thì phải gánh.
458. “Những kẻ xan tham, sân hận, nói xàm,
Làm tổn hại Bà-la-môn, ần sĩ,
Những kẻ ác đã gây bao tội thế,
Nay làm mối cho điều quạ, ngài xem!”

Những câu hỏi khác của vua cũng đều được thần Mātali đáp lại tương tự như trên.

459. Minh rực lửa khi họ nằm phủ phục,
Đồng than hồng vui dập lúc ta trông,
Mātali, ta hoảng sợ trong lòng,
Tội lỗi gì các kẻ này phạm phải,
Thần quân xa nói cho ta biết với,
Nay nằm vui dập dưới đồng than hồng?

160. Nghe hỏi vậy Mātali đáp vội,
Thần điều xa giải thích thật rõ ràng,
Nói những điều mình thật sự am tường,
Tội lỗi chín mang liền nhiều quả khổ:
461. Sống ở đời ai có tánh bạo hung,
Gây phiền hại nữ, nam nhân hiền hậu,
Họ thật đúng là người tâm rất xấu,
Tạo ác xong bị khối sắt đập cùng.
462. “Những người khác nằm hổ than vật vữa,
Gầm thét lên, thân cháy lúc ta trông,
Mātali, ta hoảng sợ trong lòng,
Bọn này phạm tội gì cho ta rõ,
Ai nằm vấy vùng trong hầm lửa đỏ?”
463. Nghe hỏi vậy Mātali đáp vội,
Thần điều xa giải thích thật rõ ràng,
Nói những điều mình thật sự am tường,
Tội lỗi chín mang liền nhiều quả khổ:
464. Kẻ nào vì tài sản thuộc nghiệp đoàn,
Đã làm chứng xong rồi lật lọng nợ,
Họ làm hại số đông, tấu Bệ hạ,
Kẻ xấu xa này phạm tội bất nhân,
Nay nằm đó vấy vùng trong hố lửa.
465. “Ánh lửa rực vạc đồng đang cháy đỏ,
Ta thấy kìa một vạc lớn gồm ghê,
Khi ta nhìn lòng sợ hãi tràn trề,
Mātali nói cho ta biết rõ,
Những kẻ ấy tội gì đã tạo đó,
Nay chúc đầu vào vạc đồng không lờ?”
466. Nghe hỏi vậy Mātali đáp vội,
Thần điều xa giải thích thật rõ ràng,
Nói những điều mình thật sự am tường,
Tội lỗi chín mang liền nhiều quả khổ:
467. Kẻ làm hại Bà-la-môn, Sa-môn,
Kẻ xấu xa làm hại các thiện nhân,
Những ác nhân mang ác nghiệp vào thân,
Nay phải chúi đầu vào vạc đồng lớn.
468. “Cổ bị tóm quay tròn, nhúng nước nóng,
Nước đang sôi sùng sục thật kinh hồn,

Mātali, ta sợ hãi từng cơn,
Những kẻ ấy tội gì phạm, làm lạc,
Giờ đây đâu bị đứt, nằm chịu phạt?

469. Nghe hỏi vậy Mātali đáp vội,
Thần điều xa giải thích thật rõ ràng,
Nói những điều mình thật sự am tường,
Tội lỗi chín mang liền nhiều quả khổ:

470. Đó là những ác nhân trên hạ giới,
Bắt chim muông rồi sát hại tiêu vong,
Và sát sinh như vậy, hỡi Quân vương,
Kẻ nghiệp xấu đã gây bao tội lỗi,
Nay nằm đó với đau bị chặt khỏi.

471-72. Dòng sông kia sâu thẳm, bờ nông cạn,
Dễ đi qua bờ bên ấy, thế nhân,
Nóng như thiêu liên uống, nhưng vừa dùng,
Nước thành trấu lửa khi ta nhìn thấy,
Mātali, lòng ta đây kinh hãi,
Nói cho ta tội lỗi của thế nhân,
Sao uống vào, nước hóa trấu cháy bùng?

473-74. Mātali, thần quản xa đáp lại,
Nêu tội chín muối và nay mang trái:
Đây những người trộn gạo với trấu tro,
Đem bán gian cho những kẻ đi mua,
Nên giờ phải chịu khát thiêu cổ họng,
Nhưng uống vào nước hóa ra trấu nóng.

475. Bao gươm giáo cung tên đâm xuyên thủng,
Hai bên sườn những kẻ nọ thét gào,
Mātali, ta kinh hãi, nói mau,
Tội lỗi gì các kẻ kia đã tạo,
Nên ngày nay chịu biết bao gươm giáo,
Phải nằm kia hứng lấy mọi cung tên?

476-77. Mātali, thần điều ngự đáp liền,
Tả tội chín muối và nay mang quả:
Kìa những thế nhân lòng đây gian trá,
Đã lấy của người để sống giàu sang,
Trâu, dê, cừu, ngựa, thóc, lúa, bạc, vàng,
Những ác nhân này gieo trồng tội báo,
Nên giờ đây nằm hứng bao gươm giáo.

478. Những kẻ này bị cột cổ là ai,
Kẻ xé thịt, người chặt xương từng mảnh,
Mātali, lòng ta đầy kinh hoảng,
Nói cho ta tội tạo bởi chúng sinh,
Đang nằm kia thân bị xé tan tành?
- 479-80. Mātali, thần quản xa đáp lại,
Nêu tội chín muồi và nay mang trái:
Dân chà, hàng thịt, sẵn bắn hươu nai,
Kẻ giết trâu, dê đem bán ở đời,
Những ác nhân đã gây bao tội ác,
Nay nằm kia với tấm thân tan nát.
481. Hô hô đầy phân bắn ở đằng kia,
Mùi thối xông lên, bao người chết đói,
Ăn đồ dơ, lòng ta đầy kinh hãi,
Khi ta nhìn, hãy nói, Mātali,
Các thế nhân kia mắc tội lỗi gì,
Nay ta thấy ăn toàn đồ dơ thối?
- 482-83. Mātali, thần quản xa đáp lại,
Nêu tội chín muồi nay quả phải mang:
Những kẻ tinh ma ích kỷ hại nhân,
Sống với bạn mà đem lòng hại bạn,
Những ác nhân này đã gây nghiệp chướng,
Nay ăn đồ dơ bắn tội tình thay.
484. Hô đằng kia đầy máu mủ hôi tanh,
Mùi thối xông lên, kia đám sinh linh,
Khát thiếu hòng, uống vào, ta kinh hãi,
Khi ta nhìn, Mātali hãy nói,
Bọn người kia đã tạo lỗi lầm gì,
Nên bây giờ phải uống dòng máu kia?
- 485-86. Mātali, thần quản xa đáp lại,
Nêu tội chín muồi và nay mang trái:
Những kẻ này đã giết mẹ hoặc cha,
Chúng phải tôn sùng, tội ngỗ nghịch mà,
Bọn ác này đã tạo ra trọng tội,
Chúng đang uống đằng kia dòng máu thối.
- 487-88. Kia lưỡi xuyên ngang bằng cái móc câu,
Như trăm mũi gai trên gỗ cắm vào,
Ai vấy vùng như cá nằm trên cạn,
Khi thấy người đang thét gào lâm nhâm,

Ta kinh hoàng, hãy nói, Mātali,
Tội lỗi gì phạm bởi đám người kia,
Nay nằm đó nuốt móc câu như vậy?

489-91. Mātali, thần lái xe đáp lại,
Nêu tội chín muôi và quả phải mang:
Những thể nhân kia buôn bán chợ hàng,
Tranh giành mua rẻ vì tham tư lợi,
Tưởng đâu che được bao trò gian dối,
Như người câu cá, những kẻ dối đời,
Phải lâm nguy bởi nghiệp cũ theo hoài,
Bọn gian ác này đã gây tội ấy,
Đang nằm kia nuốt móc câu như vậy.

492-93. Những nữ nhân toi tả, đứng giờ tay,
Gào thét lên, khốn khổ, máu sôi đầy,
Như thú trong lò, thân vùi đến ngực,
Còn nửa người trên lửa thiêu rừng rực,
Ta kinh hoàng, cho biết, Mātali,
Đám nữ nhân kia phạm tội ác gì,
Nay phải đứng chôn vùi trên mặt đất,
Nửa người trên lửa đang thiêu rừng rực,
Phần nằm sâu dưới đất đến nửa người?

494-95. Mātali khi ấy vội đáp lời,
Nêu tội chín muôi và nay mang trái:
Những kẻ kia cao sang trên thế giới,
Đời sống dâm ô, gây nghiệp bất nhân,
Phản bội, trốn chồng làm việc vô luân,
Để thỏa mãn những tấm lòng tham dục,
Họ phung phí cuộc đời trong trụy lạc,
Giờ đây mình rực lửa đứng chôn thân.

496. Sao những kẻ kia bị người lôi căng,
Và thả vào dòng nước Naraka?
Lòng kinh hoàng, Mātali nói ra,
Tội lỗi gì những thể nhân tạo vậy,
Nên ngày nay trôi vào dòng sông ấy?

497-99. Mātali, thần điều ngự đáp lời,
Nêu nghiệp nhân mang quả đã chín muôi:
Những kẻ kia trên thế gian độc ác,
Trộm báu vật, tư thông vợ người khác,
Nên giờ đây bị thả xuống dòng sông,
Chịu khổ hình trong địa ngục muôn năm,

Không an lạc cho người gây tội lỗi,
 Vì nó luôn bị nghiệp mình theo dõi,
 Những ác nhân này gây tạo lỗi lầm,
 Nên ngày nay bị thả xuống dòng sông.

Nói xong, Mātali làm cho cảnh địa ngục biến mất rồi tiếp tục lái xe tiến lên, chỉ cho vua xem địa ngục hành hình kẻ theo tà giáo. Theo lời vua yêu cầu, thần Mātali giải thích:

500. Ta chứng kiến bao nghiệp nhân gây quả,
 Thật kinh hoàng trong địa ngục, khi trông,
 Mātali, ta sợ hãi trong lòng,
 Tội lỗi gì những thế nhân phạm phải,
 Nên ngày nay bị trầm luân khổ ải,
 Rất đau thương, thống thiết, khó vượt qua?

501-02. Mātali, thần điều ngự đáp vua,
 Nêu tội chín mươi và nay mang trái:
 Bọn ác tà kiến kia trên thế giới,
 Đặt lòng tin vào vọng tưởng hư danh,
 Buộc tha nhân phải tín ngưỡng theo mình,
 Vì tà kiến đã gây bao tội lỗi,
 Nên ngày nay phải chịu bao khổ ải,
 Rất đau thương, thống thiết, khó vượt qua.

Bấy giờ trên thiên giới, chư thiên đang tụ tập tại Thiện Pháp đường chờ đợi nhà vua đến. Thiên chủ Sakka nghĩ thầm: “Mātali đã đi lâu lắm rồi”, và khi xét thấy lý do, ngài bảo:

– Mātali đang đi vòng quanh làm vị hướng dẫn chỉ các cảnh giới địa ngục cho nhà vua xem và giải thích các tội lỗi đã đưa đường đến mỗi địa ngục ấy.

Rồi cho gọi một vị thiên đồng trẻ tuổi nhanh nhẹn, ngài bảo vị này:

– Hãy đi bảo Mātali mang nhà vua đến đây ngay! Vị ấy đang tiêu phí hết cuộc đời của nhà vua đấy, không nên đi quanh các địa ngục quá lâu như vậy!

Lập tức vị thiên đồng ra đi, truyền lệnh của Thiên chủ cho Mātali. Nghe xong, Mātali đáp:

– Chúng tôi không dám chậm trễ nữa.

Rồi trong một thoáng nhanh như chớp, thần Mātali chỉ tất cả mọi cảnh giới địa ngục rộng lớn khắp bốn phương cho vua xem và ngâm kệ sau:

503. Giờ Đại vương đã chứng kiến nhiều nơi,
 Của thế nhân mắc tội lỗi trên đời,
 Nên đọa đày và đây Minh quân hỡi,
 Nhanh lên thăm Đại đế của cõi trời.

Nói xong, thần quay xe lên thiên giới. Khi ấy, vua thấy trên không tòa lâu đài của một thiên nữ tên là Bīraṇī với các đỉnh tháp đầy ngọc vàng, được trang hoàng thật lộng lẫy, có hoa viên và hồ hoa sen, hoa súng cùng những cây quý bao quanh xứng đáng với cảnh đẹp ấy. Thiên nữ này ngồi trên sàng tọa trong căn phòng có đỉnh tháp hướng ra phía trước và được cả ngàn tiên nữ hầu hạ chung quanh, bà đang nhìn ra cửa sổ. Vua liền hỏi Mātali nữ thần ấy là ai và Mātali giải thích:

504-05. Ngắm lâu đài kia với năm đỉnh tháp,
Đầy tràng hoa tô điểm, ngự tọa sàng,
Một nữ thần thật diễm lệ huy hoàng,
Muôn vẻ uy nghi, muôn phần kỳ lược,
Mātali, lòng ta vui náo nức,
Nói ta nghe những thiện nghiệp của nàng,
Khiến nàng nay hạnh phúc ở thiên đàng?

506-07. Mātali, thần quản xa đáp lại,
Nêu thiện nghiệp chín muồi nay mang trái:
Ngài nghe chẳng ở xứ Bīraṇī,
Một Bà-la-môn có một nô tỳ,
Tiếp một khách đúng thời, lòng niềm nở,
Như mẹ đón con mình nên từ đó,
Cao sang, trong sạch, sống hưởng lâu đài.

Nói xong, Mātali lái xe tiến lên và chỉ vua xem bảy tòa lâu đài bằng vàng của thiên tử Soṇadinna. Vua thấy cảnh tượng huy hoàng của thiên tử này liền xin Mātali giải thích:

508-09. Kia bảy lâu đài sáng ngời chói lọi,
Một thiên nhân đang ngự trị huy hoàng,
Cùng các vợ tiên trú ngụ thiên đường,
Ta hoan hỷ nhìn, Mātali hỡi,
Thiện nghiệp nào thế nhân kia vun xới,
Mà bây giờ lạc trú cảnh thiên đình?

510-14. Mātali, thần điều ngự lại trình,
Tuyên thiện nghiệp chín muồi và mang quả:
Soṇadinna trước làm vua đã,
Đem cúng dường với đại lượng quân vương,
Bảy am tu cùng tất cả đồ dùng,
Cung cấp đủ tâm thành và vật thực,
Sàng tọa, đèn, hương cùng nhiều y phục,
Hoan hỷ, tâm thành với các chánh nhân,
Ngài giữ ngày trai giới mỗi hai tuần,
Mồng tám, mười tư, ngày rằm trăng sáng,

Thanh tịnh bước đường, điều thân, độ lượng,
Nên bây giờ tận hưởng lạc thiên cung.²⁹

Mātali kể rõ các thiện nghiệp của thiên tử Soṇadinnā xong liền lái xe tiến tới nữa. Rồi thần lại chỉ một tòa lâu đài bằng pha lê cao đến hai mươi lăm do-tuần có hàng trăm cột trụ làm bằng thất bảo, hàng trăm đỉnh tháp, rải rác các rèm treo và chuông nhỏ. Một lá cờ bằng bạc và vàng đang phất phới, cạnh đó là một công viên đầy hoa lá tốt tươi, có một hồ thả hoa súng xinh xinh, các nữ thần yêu kiều ca hát muôn điệu nhạc. Khi vua thấy cảnh này liền hỏi các nữ thần này đã tạo những thiện nghiệp gì và Mātali đáp:

515-16. Kìa cung pha lê sáng ngời rực rỡ,
Các đỉnh cao chót ngất đến tầng mây,
Thức uống, đồ ăn la liệt đủ đầy,
Thiên nữ kỳ tài cả đoàn tuyệt sắc,
Đang trình diễn múa ca cùng tiếng hát,
Ta hân hoan, hãy nói, Mātali,
Các nữ nhân này đã tạo nghiệp gì,
Nay an trú lâu đài đầy hoan lạc?

517-18. Mātali, thần quản xa liền đáp,
Tả những thiện duyên mang lại quả lành:
Các nữ nhân này Thánh hạnh tu hành,
Tín nữ tại gia giữ ngày trai giới,
Rộng lượng, điều thân, tịnh tâm, tỉnh giác,
Nên giờ đây hạnh phúc ở thiên cung,
Mà Đại vương đã tận mắt ngắm trông.

Rồi thần lái xe tiến lên, chỉ cho vua một tòa lâu đài bằng ngọc bích, sừng sững trên một nơi đất bằng phẳng, hùng vĩ như ngọn núi ngọc bích sáng ngời, các thiên tử đang nô đùa ca hát khúc nhạc thiên đường. Thấy cảnh này, vua liền hỏi về các thiện nghiệp của các thiên tử này và vị kia đáp lại:

519-22. Lâu đài ngọc kia tỏa đầy ánh sáng,
Cảnh nguy nga, tráng lệ, thật huy hoàng,
Nhạc du dương đang trôi khúc thiên đường,
Đàn, ca, trống âm vang theo vũ khúc,
Ta chưa từng nhìn cảnh nào ngoạn mục,
Âm thanh kia êm dịu chẳng hề nghe,
Lòng hân hoan, hãy nói, Mātali,

²⁹ Xem S. I. 209, *Sānusutta* (Kinh Sānu); A. I. 142, *Catumahārājasutta* (Kinh Bốn bậc Đại vương); A. I. 143, *Dutiyacatumahārājasutta* (Kinh thứ hai về bốn bậc Đại vương); Vv. 26, *Bhadditthivimānavatthu* (Chuyện lâu đài của phu nhân Khà Ái); Vv. 28, *Soṇadinnāvimānavatthu* (Chuyện lâu đài của Soṇadinnā); Vv. 29, *Uposathāvimānavatthu* (Chuyện lâu đài của Uposathā); Vv. 30, *Niddāvimānavatthu* (Chuyện lâu đài của Niddā); Vv. 54, *Visālakkhivimānavatthu* (Chuyện lâu đài của Visālakkhī); Thīg. v. 31, *Mittātherīgāthā* (Kệ ngôn của Trưởng lão Ni Mittā).

Nghiệp lành nào những vị này tạo tác,
Nay hạnh phúc trong thiên cung hoan lạc?

523-27. Mātali, thần điều ngự đáp lời,
Nêu thiện duyên nay đem quả chín muồi:
Đây các vị tại gia trong đời trước,
Bố thí nhiều vườn cây và giếng nước,
Kéo nước và thành tín cúng Thánh nhân,
Y phục, thức ăn, tọa cụ, vật cần,
Lòng hoan hỷ cùng chân nhân chính trực,
Cứ mỗi hai tuần giữ ngày trai giới,
Mùng tám, mười tư cùng với ngày rằm,
Rộng lượng, điều thân theo bước Thánh nhân,
Nay an trú trong lâu đài hoan lạc.

Như vậy, khi đã nêu các thiện nghiệp của các vị thiên tử kia, Mātali liền lái xe đến một tòa lâu đài pha lê khác với nhiều đỉnh tháp, hoa thơm cỏ lạ và cây cối xinh đẹp mọc khắp nơi, vang dội muôn tiếng chim ca hát bên cạnh một dòng sông trong vắt. Đó là nơi cư ngụ của một vị hữu phước có cả một đoàn tiên nữ hầu hạ quanh mình. Thấy cảnh tượng này, nhà vua lại hỏi về các nghiệp quả của vị ấy và được Mātali giải thích:

528-30. Kia cung pha lê chói ngời ánh sáng,
Các đỉnh cao chất ngất đến từng mây,
Thức uống đồ ăn la liệt, cả đoàn
Thiên nữ diễm kiều đủ tài múa hát,
Bao hoa lá viên đồi bờ sông mát,
Ta hân hoan, hãy nói, Mātali,
Nam nhân này đã tạo nghiệp lành gì,
Nay thọ hưởng lâu đài đầy thiên lạc?

531-35. Mātali, thần lái xe liền đáp,
Nêu nghiệp lành nay quả tốt sinh ra:
Một chủ nhà ở tại Kimbilā,
Hào phóng cúng các vườn cây, giếng nước,
Kéo nước dâng Thánh nhân lòng thành thực,
Y phục, thức ăn, tọa cụ, vật cần,
Lòng hân hoan cùng các bậc chánh nhân,
Ngày trai giới giữ hai lần nửa tháng,
Mùng tám, mười tư, ngày rằm trăng sáng,
Điều thân, rộng lượng, theo bước Thánh hành,
Nay trú an trong lạc thú thiên đình.

Như vậy, sau khi tả nghiệp lành của vị này xong, thần lái xe đi nữa, rồi thần chỉ cho vua một tòa lâu đài pha lê khác. Lâu đài này lại còn nhiều cỏ cây hoa

trái muôn màu bao quanh hơn các lâu đài trước nữa. Thấy vậy, vua liền hỏi các thiện nghiệp của vị thiên thần đầy diễm phúc kia và Mātali đáp:

536-39. Kia ngọc cung đang tỏa đầy ánh sáng,
 Các đỉnh cao chát ngất đến từng mây,
 Thức uống, đồ ăn la liệt, các nàng
 Thiên nữ diễm kiều đủ tài múa hát,
 Bao hoa lá viền đôi bờ sông mát,
 Sāla, xoài, mà-ca, táo rừng cao,
 Piyāla, cườm thị, đào đỏ ngọt ngào,
 Vườn cây trái mọi nơi sinh quả quý,
 Mātali nói đi, ta hoan hỷ,
 Thiên nhân này đã tạo nghiệp lành gì,
 Nay hưởng lâu đài thiên lạc tràn trề?

540-44. Mātali, thần lái xe đáp lại,
 Nêu thiện nghiệp chín muồi và mang trái:
 Một chủ nhà ở tại Mithilā,
 Hào phóng đem cho giếng nước, vườn hoa,
 Kéo nước cúng Thánh nhân lòng ngưỡng mộ,
 Y phục, thức uống ăn và tọa cụ,
 Mọi nhu cầu, hòa hợp với chánh nhân,
 Người giữ ngày trai giới mỗi hai tuần,
 Mồng tám, mười tư, ngày rằm trăng sáng,
 Thanh tịnh bước đường, điều thân, độ lượng,
 Nên giờ đây an trú lạc thiên cung.

Tả xong thiện nghiệp của vị này như vậy, thần tiếp tục lái xe đi đến một lâu đài bằng ngọc giống lâu đài đầu tiên, và vua lại yêu cầu thần kể các hành nghiệp của vị thiên thần đang hưởng lạc tại đây:

545-48. Kia ngọc cung đang chiếu đầy ánh sáng,
 Cảnh nguy nga tráng lệ thật huy hoàng,
 Nhạc du dương đang trỗi khúc thiên đường,
 Đàn ca trống âm vang theo vũ khúc,
 Ta chưa từng thấy cảnh nào ngoạn mục,
 Âm thanh êm dịu quá chẳng hề nghe.
 Lòng hân hoan, hãy nói, Mātali,
 Các nghiệp lành những vị này tạo tác,
 Nay hạnh phúc trong thiên cung hoan lạc?

549-53. Mātali, thần điều ngự đáp lời,
 Nêu thiện duyên nay mang quả chín muồi,
 Một vị tại gia ở thành Ba-la-nại,
 Bỏ thí nhiều vườn cây cùng giếng nước,

Kéo nước và dâng cúng Thánh nhân,
Y phục, thức ăn, tọa cụ, vật cần,
Lòng hòa hợp cùng thiện nhân chánh trực,
Mỗi tháng hai lần giữ ngày trai giới,
Mồng tám, mười tư cùng với ngày rằm,
Rộng lượng, điều thân theo bước Thánh nhân,
Nay an trú trong lâu đài an lạc.

Vừa lái thiên xa tiến lên, thần vừa chỉ một lâu đài bằng vàng như mặt trời đang tỏa ánh sáng và theo lời thỉnh cầu của nhà vua, thần kể các thiện nghiệp của vị thiên nhân đang an trú ở đây:

554-55. Ngắm lâu đài kia sáng ngời ánh lửa,
Đỏ như mặt trời đang lúc lên cao,
Mātali, lòng hoan hỷ nói mau,
Thiện nghiệp gì thế nhân này vun xới,
Nay an trú hưởng lâu đài trên thiên giới?

556-60. Mātali, thần điều ngự đáp lời,
Nêu thiện duyên nay mang quả chín muồi,
Một chủ nhà xưa ở thành Xá-vệ,
Giếng nước, vườn cây, rộng lòng bố thí,
Kéo nước dâng các Thánh với tín tâm,
Thức uống ăn và y phục, tọa sàng,
Vật cần thiết, tâm hòa, người chánh trực,
Mỗi tháng hai lần giữ ngày trai giới,
Mùng tám, mười tư cùng với ngày rằm,
Rộng lượng, điều thân theo bước Thánh nhân,
Nay an trú lâu đài đầy hoan lạc.

Trong khi thần Mātali tả cảnh tám lâu đài này, Thiên chủ Sakka, Đại đế của chư thiên nghĩ rằng Mātali còn lâu lắm mới trở về nên đã phái một thiên tử nhanh chân khác đi đưa tin triệu hồi. Mātali nghe lệnh, thấy không thể nào trì hoãn được nữa liền trong một thoáng nhanh như chớp, thần chỉ một lượt nhiều lâu đài và nêu cho vua thấy những thiện nghiệp của các thiên nhân ở trong đó:

561-62. Nhìn những lâu đài rực sáng trên không,
Như tia chớp xuyên qua đám mây hồng.
Lòng hoan hỷ, Mātali, hãy nói,
Thiện nghiệp gì các vị này vun xới,
Nên bây giờ an hưởng cảnh thiên đường?

563-64. Mātali đáp lại đấng quân vương,
Nêu thiện nghiệp chín muồi và mang quả,
Sống hướng thiện, tín thành và thức giả,
Thi hành những lời dạy của Đạo sư,

Nhờ sống như Phật Đại Giác dạy cho,
Nay lên các thiên cung ngài đang ngắm.

Sau khi đã chỉ cho nhà vua các lầu đài trên không, thần lên đường trở về yết kiến Thiên chủ Sakka với những lời này:

565. Ngài đã thấy cảnh người lành, kẻ dữ,
Giờ ta mau bái yết đấng Thiên Hoàng.

Nói xong, thần tiếp tục lái xe đi và chỉ cho nhà vua xem bảy ngọn đồi bao quanh núi Sineru (Tu-di) làm thành một vòng tròn, rồi để giải thích cách vua hỏi Mātali khi thấy cảnh này, bậc Đạo sư nói:

566. Khi Đại vương du hành lên thiên giới,
Ngự thiên xa ngàn thiên mã kéo đi,
Thấy những đỉnh non cao ngất đàng kia,
Trên biên cả Sīdā, ngài liền hỏi:
“Núi đồi này là gì xin hãy nói?”

567. Vừa được hỏi, thần khiển thiên xa đáp,
Giải thích cho Nimi hiểu tận tường,
Thiện nghiệp nào đã tạo tác ra sao,
Đều trở quả, ai làm thì được hưởng.

568. Nhiều núi hùng vĩ Sudassana,
Karavīka, Īsadhara,
Yugandhaka, Nemindhara,
Vinataka, Assakaṇṇa.

569. Những núi này giữa biên cả Sīdā,
Theo lớp hàng sừng sững núi dần cao,
Là nơi chốn các Đại vương đang trú,
Ngài tận mắt đang ngắm nhìn tuần tự.

Rồi thần chỉ thiên giới của Tứ Đại Thiên Vương và tiếp tục đi cho đến lúc thấy các tượng thần Inda đứng sừng sững quanh đại thiên môn Cittakūṭa ở cõi trời Ba Mươi Ba. Thấy cảnh tượng này, vua liền hỏi và Mātali đáp lại.

570-71. Cảnh đẹp tinh vi, tráng lệ, huy hoàng,
Tượng thần Inda sừng sững thiên môn,
Như thần hổ đứng canh, ta nhìn kỹ,
Mātali, lòng ta đầy hoan hỷ,
Nói cho ta tên cảnh đẹp tuyệt vời?

572-74. Mātali, thần điều ngự đáp lời,
Nêu thiện nghiệp chín muồi nay mang trái:
Cittakūṭa, nơi ngài chiêm bái,
Công đi vào cung Đại đế Thiên Hoàng,
Đây đại môn quan của ngọn Mỹ Sơn,

Diễm lệ, huy hoàng, bao quanh sừng sững,
Với tượng Inda như bày hồ đứng.
Mời Hiền vương vào chốn thanh tịnh này!

Nói xong, Mātali dẫn vua vào trong và việc ấy được tả lại như sau:

575. Khi Đại vương ngự giá chiếc thiên xa,
Được cả ngàn tuần mã kéo đi qua,
Nhà vua ngắm nơi chư thiên hội họp.

Trong khi ngài đi ngang qua, ngắm nơi chư thiên hội họp tại Thiện Pháp đường, ngài liền hỏi và Mātali đáp lại.

576-77. Như mùa thu, trời cả một màu xanh,
Tòa lâu đài ngọc bích hiện nguyên hình,
Lòng hoan hỷ, Mātali, hãy nói,
Tên lâu đài mà ta đang chiêm bái?

578-81. Mātali, thần điều ngự đáp lời,
Nêu thiện duyên đem quả tốt chín muồi:
Đây Thiện Pháp đường chư thiên tụ tập,
Trụ đứng nguy nga, công trình mỹ thuật,
Tám bệ xây bằng ngọc bích, bảo trân,
Tam Thập Tam thiên với đấng Ngọc hoàng,
Đại đế Inda cầu mong lạc phước,
Cho trời, người mời Đại vương hãy bước,
Chốn diễm kiều, nơi trú ngụ chư thiên!

Các vị thiên lúc ấy đang ngồi đợi vua đến. Khi nghe tin, họ bước ra đón ngài với hoa hương cõi trời thơm tỏa ngào ngạt đến tận cổng Cittakūṭa ấy và mời ngài vào Thiện Pháp đường. Vua xuống xe vào sảnh đường, chư thiên mời ngài ngồi và Thiên chủ Sakka cũng ban tặng ngài đủ mọi hoan lạc của thiên giới.

Bậc Đạo sư giải thích việc này như sau:

582. Chư thiên ngắm đức Vua vừa mới đến,
Đồng chào mừng vị khách quý Minh quân:
Cung nghênh ngài! Thiên chủ rất hân hoan,
Được diện kiến, bên Sakka Thiên chủ,
Chúng thiên đồng kính mời Minh quân ngự.

583. Thiên chủ mời Đại đế Videha,
Vị Minh quân ngự trị Mithilā,
Vāsava liền tặng ngài tất cả,
Thiên lạc và thỉnh Minh quân an tọa.

584. Giữa các quân vương cai trị cõi đời,
Xin cung nghênh Chúa tể đến cung trời,

An trú với chư thiên, này Chúa tể,
Ngài sẽ được mọi ước nguyện như ý,
Hưởng trường xuân nơi Tam Thập Tam thiên.

Như vậy, Thiên chủ Sakka ban ngài các thiên lạc nhưng vua từ chối khéo và đáp lại:

- 585.** Như khi ta được ngự giá xe tiên,
Được tặng thêm bao của báu, bạc tiền,
Những vật ấy đều như đồ vay mượn,
Do người khác ban cho mình thọ hưởng.
- 586.** Ta không màng những phúc lạc đặc ân,
Nhận từ tay kẻ khác phát phân,
Các thiện nghiệp đều của ta duy nhất,
Trên các nghiệp riêng, ta luôn vững chắc.
- 587.** Ta sẽ đi làm thiện nghiệp cho người,
Bố thí cúng dường ở khắp mọi nơi,
Ta sẽ bước theo con đường giới đức,
Tập phòng hộ và tự thân điều phục,
Người thực hành như vậy sẽ hân hoan,
Không còn lo phải gặp lúc ăn năn.³⁰

Như vậy, bậc Đại sĩ thuyết pháp cho chư thiên với âm thanh ngọt như mật. Ngài ở lại đó bảy ngày theo ước tính của loài người, đem đến niềm hân hoan cho thiên chúng. Rồi đứng giữa các vị thiên thần, ngài nêu rõ công đức của Mātali:

- 588.** Mātali, thần quản xa thiên giới,
Là vị thần đặc biệt đã ban ân,
Vị ấy chỉ cho ta thấy rõ ràng,
Nơi kẻ dữ, người lành đang cư trú.

Rồi vua từ giả Thiên chủ Sakka, nói rằng ngài muốn trở về hạ giới. Sau đó, Thiên chủ bảo:

– Này hiền hữu Mātali, hãy rước Đại vương Nimi về thành Mithilā ngay lập tức!

Xa giá đã sẵn sàng và vua đáp lại những lời chúc tụng thân hữu của chư thiên rồi từ tạ lên xe. Mātali lái xe về hướng Đông, đến thành Mithilā. Dân chúng thấy thiên xa, hoan hỷ biết vua đã trở về. Nhiều người vây quanh vua và hỏi ngài cảnh thiên giới. Ngài tả cho họ nghe cảnh an lạc của chư thiên và Thiên chủ Sakka, rồi khuyên dụ họ làm lành, bố thí để được tái sinh lên cõi trời.

³⁰ Xem J. IV. 355, *Sādhinajātaka* (Chuyện Đại vương Sādhina), số §494; Vv. 77. *Revatīvimānavatthu* (Chuyện lâu đài của Revatī); Pv. 83, *Revatīpetavatthu* (Chuyện ngựa quý Revatī).

Sau đó, khi người thợ hót tóc thấy sợi tóc bạc đầu tiên và bảo cho ngài hay, ngài liền bảo gã cắt sợi tóc bạc ấy, rồi ban cho gã một ngôi làng. Ngài muốn rời thế tục nên phong vương cho con ngài. Khi được hỏi tại sao ngài muốn xuất thế, ngài đọc câu kệ:

Kìa tóc bạc trên đầu hiện ra,
Cướp dần đời sống thảng năm qua,
Chúng là thiên sứ nhắc ta nhớ,
Nay đến thời ta phải xuất gia.

Và cũng như các vua trước, ngài xuất gia, vào sống trong vườn xoài, tu tập tứ vô lượng tâm rồi khi mạng chung được sinh lên cõi Phạm thiên.

Việc xuất gia của ngài được bậc Đạo sư tả trong vần kệ cuối cùng:

589. Nimi, chúa tể Mithilā,
Khi đã làm đại sự xuất gia,
Ngài bước vào con đường Thánh hạnh.
Bản thân chế ngự với thiên-na.

Và con ngài, Vua Kālārajanaka cũng xuất gia, chấm dứt triều đại của ngài.

Khi bậc Đạo sư thuyết giảng xong, Ngài nói:

– Nay các Tỷ-kheo, đây không phải lần đầu tiên Như Lai xuất thế mà Như Lai đã xuất thế trong đời trước.

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Lúc bấy giờ, Thiên chủ Sakka là Anuruddha (A-na-luật-đà), Mātali là Ānanda (A-nan), tám mươi bốn vị vua là đệ tử đức Như Lai và Vua Nimi chính là Ta vậy.

§542. CHUYỆN ĐƯỜNG HÀM VĨ ĐẠI

(*Mahāummaggajātaka*)³¹ (J. VI. 329)

Vua Brahmadatta đến từ xa...

Trong khi trú tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể chuyện này liên quan đến sự viên mãn của trí tuệ.³²

Một ngày kia, các Tỷ-kheo ngồi tại pháp đường, tán dương sự viên mãn trí tuệ của đức Phật:

– Nay các Hiền giả, đức Phật Chánh Đẳng Giác có trí tuệ thật quảng bác, thâm thúy, tinh tế, linh lợi, sắc sảo, đánh tan mọi tà thuyết. Chính nhờ thần lực đại trí của Ngài, sau khi quy phục Bà-la-môn Kūṭadanta và nhiều Bà-la-môn

³¹ Bản Tích Lan viết *Ummaggajātaka*, số 546. Bản PTS viết *Mahāummaggajātaka*, số 546. Bản Thái Lan và Campuchia viết *Mahosadhajātaka*, số 542. Bản CST viết *Umaṅgajātaka*, số 542.

³² *Paññāpārami* (智慧波羅蜜, trí tuệ ba-la-mật): Trí tuệ viên mãn.